

Luận Đại Trí Độ

Tập II

Cuốn 31 - 35

(Mahàprajñàparamitàsatra)

Tác giả: Nàgàrjuna (Long Thọ)
Dịch Phạn ra Hán: Cưư Ma La Thập
Việt Dịch: HT.Thiện Siêu

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam
Ấn hành 1997

---o0o---

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Luận Đại Trí Độ

Tập II

Cuốn 31 - 35

(Mahàprajñàparamitàsātra)

Tác giả: Nàgàrjuna (Long Thọ)
Dịch Phạn ra Hán: Cư Ma La Thập
Việt Dịch: HT.Thiện Siêu

Cuốn 31	3
Chương 43.....	3
Giải Thích: Mười Tám Không.....	3
Cuốn 32	37
Chương 44.....	37
Giải Thích: Nghĩa Bốn Duyên.....	37
Cuốn 33	57
Chương 45.....	57
Giải Thích: Đến Bờ Kia.....	57
Cuốn 34	75
Chương 46.....	75
Giải Thích: Tín Trì.....	75
Cuốn 35	94
Chương 46.....	94
Giải Thích: Phẩm Dâng Bát Thứ 2.....	94

Cuốn 31

Chương 43

Giải Thích: Mười Tám Không

Kinh: Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát muốn trụ nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cảnh không, vô thủ không, tán không, tánh không, tự tướng không, các pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. 1. Nội không: Nội pháp, nội pháp không. Nội pháp là sáu pháp nhập, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý bên trong. Mắt không, là vô ngã, vô ngã sở, không có pháp mắt. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy.

2. Ngoại không: Ngoại pháp, ngoại pháp không. Ngoại pháp là sáu nhập sắc, tiếng, mùi, vị, xúc, pháp bên ngoài. Sắc không, là vô ngã, vô ngã sở, không có pháp sắc. Tiếng, mùi, vị, xúc, pháp cũng như vậy.

3. Nội ngoại không: Nội ngoại pháp, nội ngoại pháp không. Nội ngoại pháp là mười hai nhập trong ngoài. Trong mười hai nhập, là vô ngã, vô ngã sở, không có pháp trong ngoài.

Hỏi: Các pháp vô lượng, *không* tùy theo pháp thời cũng vô lượng, có sao chỉ nói mười tám? Nếu lược nói thì nên nói một không, là hết thấy pháp không. Nếu nói rộng thời tùy mỗi mỗi pháp không, là mắt không, sắc không... rất nhiều, có gì chỉ nói mười tám không?

Đáp: Nếu lược nói thời việc không khắp, nếu nói rộng thời việc phồn tạp; ví như thuốc chữa mắt, ít thì bệnh không lành, nhiều thời làm tăng bệnh. Theo bệnh cho thuốc, không được tăng giảm thời bệnh được lành. *Không* cũng như vậy, nếu Phật chỉ nói một không, thời không thể phá hết tà kiến và phiền não, còn nếu tùy theo mỗi tà kiến mà rộng nói không, thời quá nhiều không, người ta sẽ ưa đắm tướng không, bị đọa vào tà kiến đoạn diệt. Nói mười tám không, vừa được trung bình.

Lại nữa, hoặc nói mười, hoặc nói mười lăm, đều có nghi hoặc, và đó không phải là câu đáng hỏi.

Lại nữa, pháp thiện ác, đều có số nhất định, hoặc bốn niệm xứ, hoặc bốn chánh cần, ba mươi bảy phẩm, mười lục, bốn vô sở úy, bốn vô ngại trí, mười tám pháp không chung, năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, mười hai nhân duyên, ba độc, ba kiết, bốn lưu, năm triền cái... các pháp đều có số nhất định. Để phá chấp trước đối với mười tám loại pháp nên nói mười tám không.

Hỏi: *Bát-nhã ba-la-mật không*, với *mười tám pháp không*, là khác hay là một? Nếu khác, vậy lìa mười tám không, thế nào là Bát-nhã không? Lại như Phật dạy: Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật? Đó là sắc không; thọ, tưởng, hành, thức không; cho đến hết thấy chủng trí không. Nếu không khác thì có sao nói muốn trụ mười tám không, nên học Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Có nhân duyên nói khác, có nhân duyên nói một. *Khác* là Bát-nhã ba-la-mật là thật tướng các pháp, dứt tất cả pháp quán, còn mười tám không thời chính là mười tám cách quán, khiến các pháp không. Bồ-tát học thật tướng các pháp ấy, có thể làm phát sanh mười tám không, ấy là khác. *Một* là mười tám không là không, không có tướng gì, Bát-nhã ba-la-mật cũng là không, không có tướng gì. Mười tám không là lìa bỏ tướng, Bát-nhã ba-la-mật cũng là lìa bỏ tướng hết thấy pháp. Mười tám không không trước tướng, Bát-nhã ba-la-mật cũng không trước tướng. Vì vậy nên học Bát-nhã ba-la-mật thời chính là học mười tám không, không khác.

Bát-nhã ba-la-mật có hai phần: nhỏ và lớn. Muốn được lớn, trước nên học môn phương tiện nhỏ; muốn được trí tuệ lớn, thời nên học mười tám không. Trụ vào môn phương tiện tiểu trí tuệ ấy, có thể được mười tám không.

Thế nào là môn phương tiện? Đó là đọc tụng, ghi nhớ đúng, tư duy đúng, tu hành đúng như kinh Bát-nhã ba-la-mật nói. Ví như người muốn được ngọc báu quý, hãy đi vào biển lớn, nếu muốn được ngọc báu trí tuệ về nội Không tam-muội... hãy đi vào biển lớn Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Có sao hành giả khi học Bát-nhã ba-la-mật lại trụ nội không, ngoại không, nội ngoại không?

Đáp: Thế gian có bốn thứ điên đảo: nơi bất tịnh điên đảo tưởng tịnh, nơi khổ điên đảo tưởng vui, nơi vô thường điên đảo tưởng thường, nơi vô ngã điên đảo tưởng ngã. Hành giả vì phá bốn điên đảo ấy nên tu bốn niệm xứ, theo mười hai cách quán (*quán nội thân, ngoại thân, nội ngoại thân, quán nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ, quán nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm, quán nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp – N.D*).

Đầu tiên quán nội thân đầy đầy ba mươi sáu vật bất tịnh, chín lỗ thường chảy như, rất đáng nhàm sợ. Tướng tịnh không thể có được, vì tướng tịnh không thể có được, nên gọi là *nội không*.

Hành giả đã biết nội thân bất tịnh, quán thân sắc đấm trước bên ngoài cũng giống như vậy; đều thật bất tịnh, kẻ ngu cuồng hoặc, bị dâm dục che tâm, nên cho là tịnh, quán thân sắc đấm trước bên ngoài cũng như thân ta, tướng tịnh không thể có được; ấy là *ngoại không*.

Hành giả nếu quán thân mình bất tịnh thì hoặc cho thân sắc ngoài là tịnh; nếu quán thân sắc ngoài bất tịnh thì hoặc cho thân mình là tịnh, nay quán cả trong ngoài, thân ta bất tịnh, ngoài cũng như vậy, thân ngoài bất tịnh, ta cũng như vậy, một mực bằng nhau không khác. Trong đó tướng tịnh không thể có được; ấy gọi là *nội ngoại không*.

Hành giả suy nghĩ biết nội ngoại thân đều thật bất tịnh mà vì kẻ mê làm nhiệm ái sâu dày, do đó nên phải thọ thân. Thân là khổ lớn, mà kẻ ngu cho là vui.

Hỏi: Ba thọ đều thuộc ngoại nhập, cứ sao nói quán nội thọ?

Đáp: Sáu trần lúc đầu cùng sáu căn hòa hợp sanh vui, ấy là vui ngoài; sau đó tham đắm sâu vào sanh vui, gọi là vui trong.

Lại nữa, duyên pháp bên trong sanh vui, gọi là vui trong; duyên pháp bên ngoài sanh vui, gọi là vui ngoài.

Lại nữa, cái vui tương ưng với năm thức gọi là vui ngoài. Cái vui tương ưng với ý thức gọi là vui trong. Cái vui thô gọi là vui ngoài, cái vui tế gọi là vui trong. Như vậy là phân biệt vui trong vui ngoài. Thọ khổ, thọ không vui không khổ cũng như vậy.

Lại nữa, hành giả suy nghĩ quán cái vui trong ấy thật có thể có chăng? Liền phân biệt biết thật không thể có được, mà chỉ là khổ cưỡng cho là vui, vì cứ sao? Vì cái vui ấy từ nhân duyên khổ mà sanh, cũng sanh quả báo khổ, vì vui không chán đủ cho nên khổ.

Lại nữa, như người bị ghẻ ngứa, gãi tuy vui ít mà sau càng làm thương thân, thời là khổ lớn. Người ngu cho là vui, người trí chỉ thấy nó khổ. Như vậy thế gian vì bệnh điên đảo tưởng vui nên đấm trước năm dục, phiền não thêm nhiều. Vì vậy nên hành giả chẳng thấy vui chỉ thấy khổ, như bệnh như ung, như ghẻ, như dâm.

Lại nữa, vui ít khổ nhiều, vui ít không hiện ra nên gọi là khổ, như nước sông lớn, ném vào một hạt muối, thời mất tướng muối, không gọi là mặn.

Lại nữa, cái vui không nhất định, đây cho là vui, kia cho là khổ, kia cho là vui, đây cho là khổ; giữ được là vui, mất đi là khổ, ngu cho là vui, trí cho là khổ, thấy tai hoạn của vui cho là khổ, không thấy tai hoạn của vui cho là vui; không thấy tướng vô thường của vui cho là khổ; người chưa lìa dục cho là vui, người lìa dục cho là khổ. Như vậy, quán vui là khổ, quán khổ như tên đâm vào thân, quán tướng không khổ không vui vô thường biến đổi. Như vậy, quán ba thứ thọ, tâm liền lìa bỏ; ấy gọi là quán **nội thọ không**. Quán **ngoại thọ, nội ngoại thọ** cũng như vậy.

Hành giả lại suy nghĩ: nếu vui tức là khổ, thời ai thọ cái khổ ấy? Suy nghĩ rồi biết chính tâm thọ, vậy sau tiếp **quán tâm** là thật hay là hư? Quán tâm vô thường bị sanh, trụ, diệt, tâm thọ khổ, tâm thọ vui, tâm thọ không khổ không vui, mỗi niệm khác nhau; tâm thọ vui diệt thì tâm thọ khổ sanh, tâm thọ khổ trụ trong chốc lát rồi trở lại diệt, tiếp sanh tâm thọ không khổ không vui. Biết khi ấy tâm thọ không khổ không vui trụ rồi trở lại diệt, diệt rồi lại sanh tâm thọ vui. Ba thọ vô thường, cho nên tâm cũng vô thường.

Lại nữa, biết tâm ô nhiễm, tâm không ô nhiễm, tâm giận, tâm không giận, tâm si, tâm không si, tâm tán loạn, tâm thu nhiếp, tâm trói buộc, tâm giải thoát. Các tâm như vậy, mỗi mỗi tướng khác nhau, biết tâm vô thường, không có tâm nhất định thường trú, tâm thọ khổ thọ vui... đều từ nhân duyên hòa hiệp sanh, nhân duyên ly tán, tâm cũng diệt theo. Như vậy **quán tâm trong, tâm ngoài, tâm trong ngoài đều là vô thường**.

Hỏi: Tâm nhiếp thuộc nội nhập, có sao nói ngoại tâm?

Đáp: Tâm quán nội thân gọi là nội tâm, tâm quán ngoại thân gọi là ngoại tâm.

Lại nữa, duyên pháp bên trong là nội tâm, duyên pháp bên ngoài là ngoại tâm.

Lại nữa, năm thức thường duyên pháp bên ngoài, không phân biệt được nên gọi là ngoại tâm, ý thức duyên pháp bên trong, cũng phân biệt được tốt xấu, nên gọi là nội tâm.

Lại nữa, ý thức lúc mới sanh khởi, không phân biệt quyết định được, ấy là ngoại tâm, ý thức chuyển sâu, phân biệt thủ tướng, ấy là nội tâm. Như vậy là phân biệt **nội tâm, ngoại tâm**.

Hành giả tâm ý chuyển đổi, biết thân là bất tịnh, biết thọ là khổ, biết tâm là vô thường, song vì kiết sử chưa dứt nên hoặc sanh tâm chấp tôi, ta, suy nghĩ như vậy: nếu tâm vô thường thì ai biết tâm ấy? Tâm thuộc về ai? Ai là chủ tâm? Và hết thấy các vật, thọ khổ thọ vui, là sở hữu của ai? Liền phân biệt biết không có chủ riêng, chỉ do thủ lấy tướng năm uẩn, chấp có tướng người mà sanh tâm chấp ta, vì tâm chấp ta nên sanh tâm chấp của ta. Có tâm chấp của ta nên cái gì có lợi ích cho ta thì sanh tâm tham muốn, trái nghịch với ta thì sanh tâm sân hận. Kiết sử ấy không từ trí tuệ sanh, mà từ cuồng hoặc sanh, ấy gọi là si. Ba độc tham, sân, si là cội gốc các phiền não, vì đều do chấp ta, tôi. Làm phước đức là ta sau sẽ được phước đức, và tu pháp trợ đạo, ta sẽ được giải thoát. Lúc đầu thủ lấy tướng nên gọi là tướng uẩn; nhân ta, tôi mà khởi lên kiết sử và các thiện hành, ấy là hành uẩn; hai uẩn ấy là pháp niệm xứ. Trong pháp tướng uẩn, hành uẩn, tìm cái ta không thể có được, vì sao? Vì các pháp ấy đều từ nhân duyên sanh, đều là pháp tạo tác, không bền chắc, không thật có ta. Hành uẩn như cây chuối, lột từng bẹ ra tìm trong đó không có lõi cứng, lại như ở xa thấy sóng nắng, không nước mà tưởng đó là nước, chỉ dối gạt con mắt. Như vậy quán *nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp*.

Hỏi: Pháp nhiếp thuộc ngoại nhập, cứ sao nói là nội pháp?

Đáp: Nội pháp là tướng uẩn, hành uẩn tương ứng với nội tâm. Ngoại pháp là tướng uẩn, hành uẩn tương ứng với ngoại tâm và các hành không tương ứng với tâm, và pháp vô vi, đồng đều quán sát trong một lúc, gọi là *quán nội ngoại pháp*.

Lại nữa, nội pháp là sáu căn, ngoại pháp là sắc trần.

Lại nữa, tổng quán thân, thọ, tâm và tướng uẩn hành uẩn, là pháp niệm xứ, vì sao? Vì hành giả đã ở nơi tướng uẩn, hành uẩn và vô vi pháp tìm cái ta không thể có được, trở lại ở nơi thân, thọ, tâm, tìm cái ta cũng không thể có được. Như vậy ở trong hết thấy pháp hoặc sắc, hoặc phi sắc, hoặc có thể thấy, hoặc không thể thấy, hoặc có đối ngại, hoặc không đối ngại, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc hữu vi hoặc vô vi, hoặc xa hoặc gần, hoặc thô hoặc tế, ở trong đó tìm cái ta đều không thể có được, chỉ do năm uẩn hòa hợp nên cưỡng gọi là chúng sanh, chúng sanh tức là ta. Ta không thể có được, nên cũng không có của ta. Của ta không thể có được, nên tất cả phiền não đều bị suy mỏng.

Lại nữa, thân niệm xứ là hết thầy sắc pháp. Hành giả quán nội sắc vô thường, khổ, không, vô ngã; quán ngoại sắc, quán nội ngoại sắc cũng như vậy. Quán thọ, tâm, pháp cũng như vậy.

Tam-muội tương ưng tứ niệm xứ nội quán, gọi là nội không. Tam-muội tương ưng tứ niệm xứ ngoại quán, gọi là ngoại không. Tam-muội tương ưng tứ niệm xứ nội ngoại quán, gọi là nội ngoại không.

Hỏi: Không ấy là do năng lực tam-muội nên không, hay là pháp ấy tự không?

Đáp: Có người nói: vì lực tam-muội nên không, như Kinh nói: ba tam-muội, ba cửa giải thoát là không, vô tướng, vô tác. Không tam-muội ấy là duyên nơi thân, thọ, tâm, pháp không tìm thấy ta, của ta, nên gọi là không.

Hỏi: Pháp tứ niệm xứ không, cả bốn đều nên quán vô thường, khổ, không, vô ngã; có sao đối với thân quán bất tịnh, đối với thọ quán khổ, đối với tâm quán vô thường, đối với pháp quán vô ngã?

Đáp: Tuy bốn pháp đều quán là vô thường, khổ, không, vô ngã, song chúng sanh đối với thân phần nhiều điên đảo đắm trước cho là tịnh, đối với thọ phần nhiều điên đảo đắm trước cho là vui, đối với tâm phần nhiều điên đảo đắm trước cho là thường, đối với pháp phần nhiều điên đảo đắm trước cho là ngã. Vì vậy nên hành giả quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã.

Lại nữa, **nội ngoại không** là không có pháp trong ngoài nhất định, chỉ do đối đãi nhau gọi là trong ngoài, kia cho là ngoài, ta cho là trong, ta cho là ngoài, kia cho là trong, nội pháp hệ thuộc theo người là trong, ngoại pháp dính mắc theo người là ngoài. Như người cho nhà mình là nội, nhà người là ngoài. Hành giả quán pháp nội ngoại không có tướng nhất định, cho nên không.

Lại nữa, pháp nội ngoại ấy, không có tự tính, vì sao? Vì do hòa hợp sanh; pháp nội ngoại ấy cũng không ở trong hòa hợp nhân duyên. Nếu trong nhân duyên vốn không có pháp, thì ở chỗ khác cũng không, nhân duyên của nội ngoại pháp cũng không, vì nhân duyên không nên pháp nội ngoại không.

Hỏi: Pháp nội ngoại định có, có sao nói không? Như tay, chân... hòa hợp nên có thân; gọi là nội pháp. Như kèo, cột, vách... hòa hợp nên có nhà; gọi là ngoại pháp. Thân ấy tuy có tên gọi riêng, nhưng cũng không khác chân, tay... vì có sao? Vì lìa chân, tay... thì thân không thể có được, nhà cũng như vậy ư?

Đáp: Nếu chân không khác thân, thì đầu cũng như chân, vì chân với thân không khác. Nếu đầu là chân, thì rất đáng cười.

Hỏi: Nếu thân với chân không khác, thì có lỗi như vậy, còn nay có thể chân tay... hòa hợp lại mà có pháp sanh ra gọi là thân, thân tuy khác với chân tay... nhưng phải nương chân mà tồn tại. Như nhiều sợi chỉ hòa hợp sanh ra tấm vải, tấm vải nương nơi chỉ mà tồn tại?

Đáp: Thân pháp ấy (*thân là một pháp – N.D*) có đầy đủ trong mỗi phần chân, tay... hay chia ra có trong mỗi phần? Nếu có đầy đủ trong mỗi phần, thì ở phần đầu lẽ đáng có phần chân, vì sao? Vì thân pháp có đầy đủ; nếu chia ra có trong mỗi phần, thì thân pháp với phần chân không khác. Lại thân là một pháp, sở nhân thành ra nó có nhiều, một chẳng làm nhiều, nhiều chẳng làm một.

Lại nữa, nếu trừ phần chân... riêng có thân, thì trái ngược với tất cả thế gian. Vì vậy nên không được nói thân tức là các phần, cũng không được nói khác các phần. Vì như vậy thời không thân, thân không có nên các phần chân... cũng không có. Như vậy gọi là nội không. Ngoại pháp như phòng xá cũng không như vậy; ấy gọi là ngoại không.

Hỏi: Phá thân, nhà... ấy là phá một, phá khác. Phá một phá khác là phá kinh ngoại đạo, còn trong kinh Phật thật có pháp trong ngoài, đó là trong sáu căn ngoài sáu trần, đây cứ sao không?

Đáp: Pháp trong ngoài ấy là hòa hợp giả danh như thân, nhà.

Lại nữa, lược nói có hai thứ không: chúng sanh không, pháp không. Đối với đệ tử Tiểu thừa độn căn nói chúng sanh không, vì ta và của ta không có, thời không đả trước pháp khác; đối với đệ tử Đại thừa lợi căn nói pháp không, liền biết thế gian thường không tịch như Niết-bàn. Thanh văn nói nội không, ở nơi nội pháp không ta, không của ta, vô thường, không người làm, không người biết, không người thọ; ấy gọi là nội không. Ngoại không cũng như vậy, Thanh văn không nói tướng nội pháp, tướng ngoại pháp tức là không. Đại thừa nói nơi nội pháp không có tướng nội pháp, nơi ngoại pháp không có tướng ngoại pháp. Như trong Bát-nhã ba-la-mật nói: sắc, sắc tướng không; thọ, tướng, hành, thức, thức tướng không. Nhãn, nhãn tướng không; Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, ý tướng không. Sắc, sắc tướng không; thanh, hương, vị, xúc, pháp, pháp tướng không. Như vậy, hết thảy các pháp, tự pháp không.

Hỏi: Hai lối nói nội ngoại không ấy, lối nói nào thật?

Đáp: Cả hai đều thật, chỉ vì hàng tiểu trí độn căn nên trước nói chúng sanh không, sau vì đại trí lợi căn nên nói pháp không, như người bị nhốt ngục, có kẻ phá hoại gông cùm, sát thương lệnh ngục, tùy ý đi khỏi, lại có kẻ sợ hãi, lén đục vách tường, cũng được ra khỏi. Người Thanh văn chỉ phá nhân duyên ta, tôi, không sanh các phiền não, lìa các pháp ái, sợ hãi cái khổ già, bệnh, chết và ác đạo, không còn muốn suy tìm gốc ngọn rõ ràng, phá hoại các pháp, chỉ cốt một việc được giải thoát. Người Đại thừa, phá ngục ba cõi, hàng phục ma quân, dứt các kiết sử và tập khí, hiểu rõ gốc ngọn hết thảy pháp, thông đạt vô ngại, phá tán các pháp, làm cho thế gian như Niết-bàn, đồng tướng tịch diệt, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, làm cho hết thảy chúng sanh ra khỏi ba cõi.

Hỏi: Cớ sao Đại thừa phá hoại các pháp?

Đáp: Phật dạy sắc từ các nhân duyên sanh, không có chắc thật, như sóng nước thành bọt, tạm thấy liền tan, sắc cũng như vậy. Bốn đại đời nay và hành nghiệp đời trước làm cho nhân duyên hòa hợp thành sắc, nhân duyên diệt nên sắc cũng diệt, hành đạo vô thường, chuyển vào cửa không, vì sao? Vì các pháp sanh diệt không có lúc ngưng trụ; nếu không có lúc ngưng trụ thì không thể thủ lấy.

Lại nữa, vì là tướng hữu vi, khi sanh có diệt, khi diệt có sanh. Nếu đã sanh thời **sanh** không có chỗ dừng, nếu chưa sanh, thời **sanh** không sanh được chi, cùng với sanh cũng không khác, vì cớ sao? Vì sanh, nếu sanh ra pháp, thời lẽ đáng có cái sanh ra sanh, như vậy lại phải có cái sanh ra cái sanh nữa, ấy thời vô cùng. Nếu cái sanh ra sanh lại không do các sanh khác, thời sanh cũng chẳng nên có sanh; nếu sanh không có sanh thời pháp cũng chẳng nên có sanh; nếu sanh không có sanh thời pháp cũng chẳng nên có sanh. Như vậy **sanh** không thể có được. **Diệt** cũng như vậy. Vì vậy, các pháp là không, chẳng sanh chẳng diệt; ấy là thật.

Lại nữa, các pháp đều có, cuối cùng trở về không có; nếu sau không có thời trước cũng nên không; như người đi giày, lúc đầu đã có cũ, vì vi tế nên không biết; nếu lúc đầu không cũ, thời nên thường mới mãi; nếu lúc sau có cũ, thời lúc đầu cũng có cũ. Pháp cũng như vậy, lúc sau có **không** nên lúc đầu cũng có **không**. Vì vậy nên tất cả pháp đều nên **không**. Chỉ vì chúng sanh điên đảo nhiễm trước sáu căn bên trong, nên hành giả phá điên đảo ấy, gọi là nội không. Ngoại không, nội ngoại không cũng như vậy.

4. Không không: Lấy không phá nội không, ngoại không, nội ngoại không. Phá ba không ấy, nên gọi là không không.

Lại nữa, trước lấy pháp không, phá nội ngoại pháp, lại lấy không này phá ba không kia, ấy gọi là không không.

Lại nữa, Không tam-muội quán năm uẩn không, được tám thánh đạo, dứt các phiền não, được Hữu dư Niết-bàn. Khi chấm dứt thân mạng do nhân duyên hành nghiệp đời trước có được, muốn buông bỏ tám thánh đạo, nên phát sanh Không không tam-muội; ấy gọi là *không không*.

Hỏi: Không với *không không* khác nhau thế nào?

Đáp: Không phá năm thọ uẩn, còn *không không* phá không.

Hỏi: Không nếu là pháp, thời không là đã tự phá, “không” nếu chẳng phải pháp, thời *không* phá được gì?

Đáp: Không phá hết thầy pháp, chỉ có *không* còn lại. *Không* phá hết thầy pháp rồi, *không* cũng phải bỏ. Vì vậy nên cần phải là *không không*.

Lại nữa, *không* duyên hết thầy pháp, *không không* chỉ duyên *không*. Như một kẻ mạnh phá tất cả giặc, lại có người phá kẻ mạnh ấy, *không không* cũng như vậy.

Lại nữa uống thuốc, thuốc hay trừ bệnh, nếu bệnh đã lành thì thuốc cũng phải tống ra, nếu thuốc không tống ra, thời thuốc lại là bệnh. Lấy *không* trừ các bệnh phiền não, sợ *không* trở lại làm bệnh, nên lại lấy *không xả không*; ấy gọi là *không không*.

5. Đại không: Ở trong pháp Thanh văn, *Pháp không* là đại không, như kinh Đại không trong Tạp A-hàm (Samyutta Agama) nói: Sanh làm nhân duyên cho già chết. Nếu có người nói “là già chết, là người già chết”. Cả hai đều tà kiến. “là người già chết”, ấy là chúng sanh không; “là già chết”, ấy là pháp không. Còn trong kinh Đại thừa nói: mười phương, mười phương tướng không; ấy là đại không.

Hỏi: Mười phương không, cứ sao gọi là đại không?

Đáp: Mười phương đồng vô biên cho nên gọi là đại, và có ở khắp mọi nơi nên gọi là đại; khắp tất cả sắc pháp nên gọi là đại; thường có nên gọi là đại; lợi ích thế gian nên gọi là đại; làm cho chúng sanh không mê muội gọi là đại. Phá được đại phương như vậy gọi là đại không. Các thứ *Không* khác chỉ phá pháp nhân duyên sanh, pháp có tạo tác, pháp thô, dễ phá, nên không gọi là đại. Phương hướng chẳng phải là pháp nhân duyên sanh, chẳng phải pháp tạo tác, là pháp vi tế khó phá, cho nên gọi là đại không.

Hỏi: Hoặc trong Phật pháp không nói có phương, vì nó không nhiếp thuộc trong ba vô vi là hư không, trí duyên tận, phi trí duyên tận (*cũng gọi là hư không, trạch diệt, phi trạch diệt – N.D*), cứ sao đây lại nói có phương là thường, là pháp vô vi, chẳng phải nhân duyên sanh, pháp chẳng phải tạo tác, pháp vi tế?

Đáp: *Phương* trong luận nghĩa của Thanh văn thì không có, còn trong pháp Đại thừa, vì theo tục đế nên nói có, theo đệ nhất nghĩa thì hết thảy đều không thể có được, huống gì phương. Giống như năm uẩn hòa hợp giả danh là chúng sanh, phương cũng như vậy. Ở giữa sự hòa hợp của tứ đại tạo sắc, phân biệt so sánh trong đây trong kia mà giả danh là phương. Chỗ mặt trời mọc là phương đông, chỗ mặt trời mọc là phương tây. Như vậy là tướng của phương. *Phương* ấy tự nhiên thường có, chẳng phải nhân duyên sanh, cũng chẳng phải trước không nay có, nay có sau không, cho nên chẳng phải là pháp tạo tác. Vì chẳng phải hiện tiền biết được nên nói là pháp vi tế.

Hỏi: Phương nếu như vậy thì làm sao phá được?

Đáp: Ông không nghe trước đây tôi nói, vì theo tục đế nên có, theo đệ nhất nghĩa nên phá. Vì tục đế có nên không rơi vào tà kiến chấp đoạn diệt, vì theo đệ nhất nghĩa phá nên không rơi vào tà kiến chấp thường. Ấy là đã lược nói nghĩa đại không.

Hỏi: Đệ nhất nghĩa không cũng phá được pháp không tạo tác, pháp không nhân duyên, pháp vi tế, cứ sao không nói là đại không?

Đáp: Trước đã gọi là đại, nên đây không gọi là đại, nhưng đệ nhất nghĩa không, tên tuy khác mà nghĩa thật là đại. Xuất thế gian cho Niết-bàn là đại, thế gian cho phương là đại, vì vậy nên đệ nhất nghĩa cũng là đại không.

Lại nữa, vì phá đại tà kiến, về ác thời nên gọi là đại không. Như hành giả lấy từ tâm duyên chúng sanh trong một quốc độ phương đông, rồi lại duyên chúng sanh một quốc độ, như vậy trong lúc triển chuyển duyên; nếu cho rằng duyên hết quốc độ phương đông, thời rơi vào hữu biên kiến; nếu cho rằng duyên chưa hết quốc độ phương đông thời rơi vào vô biên kiến. Khi sanh hai kiến ấy liền mất từ tâm. Nếu lấy *phương không* phá đông phương ấy, thời dứt hai kiến hữu biên, vô biên. Nếu không lấy *phương không* phá đông phương, thời tâm hướng theo đông phương, tâm theo đông phương không ngừng, thời từ tâm dứt, tà tâm sanh; ví như lúc nước triều dâng đến giới hạn thường lệ, thời xoay trở lại, cá nếu không xoay lại kịp thời bị dạt lên bờ, chịu đủ thứ khổ. Nếu cá có trí, thời theo nước xoay lại, vĩnh viễn được an ổn.

Hành giả cũng như vậy. Nếu tâm hướng theo phương, không xoay lại kịp thời bị trôi vào tà kiến, nếu tâm hướng theo phương biết xoay lại kịp thời không mất từ tâm.

Như vậy phá đại tà kiến về ác thời, nên gọi là đại không.

6. Đệ nhất nghĩa không: Thật tướng của các pháp, vì không phá không hoại. Thật tướng ấy cũng không, vì sao? Vì không lãnh thọ, không dính mắc. Nếu thật tướng các pháp là có, thời phải có lãnh thọ, phải có dính mắc; vì không có thật, nên không lãnh thọ, không dính mắc; nếu như lãnh thọ, dính mắc tức là hư dối.

Lại nữa, pháp Đệ nhất trong các pháp là Niết-bàn. Như trong A-tỳ-đàm nói: thế nào là pháp hữu thượng? Đó là pháp hữu vi và hư không, phi trí duyên tận (*tức là phi trạch diệt vô vi. Nghĩa là pháp hữu lậu phiền não vì thiếu duyên nên không sanh khởi mà thành như vô lậu vô vi, chứ chẳng phải thật vô lậu vô vi. Trái lại, trạch diệt vô vi là do trí tuệ quyết trạch dứt sạch hữu lậu hữu vi mà thành vô lậu vô vi, mới thật là Niết-bàn – N.D*). Thế nào là pháp vô thượng? Đó là trí duyên tận (*cũng tức là trạch diệt vô vi – N.D*). Trí duyên tận tức là Niết-bàn. Trong Niết-bàn cũng không có tướng Niết-bàn. Niết-bàn không, là đệ nhất nghĩa không.

Hỏi: Nếu Niết-bàn là không, vô tướng, làm sao thánh nhân nương ba thừa mà vào Niết-bàn? Lại, hết thầy Phật pháp được nói ra đều vì Niết-bàn; ví như các dòng nước đều chảy vào biển?

Đáp: Có Niết-bàn, là pháp vô thượng đệ nhất báu. Có hai thứ: 1. Hữu dư Niết-bàn, 2. Vô dư Niết-bàn. Các phiền não ái... dứt, gọi là Hữu dư Niết-bàn. Thánh nhân thân ngũ uẩn đời này chấm dứt không còn thọ thân trở lại; ấy gọi là Vô dư Niết-bàn. Không được nói Niết-bàn không có, nhưng chúng sanh nghe tên Niết-bàn, sanh tâm tà kiến, đả trước âm thanh Niết-bàn và sanh hý luận cho là hoặc có hoặc không. Vì để phá sự chấp trước ấy nên nói Niết-bàn không; nếu người chấp trước có là chấp trước thế gian; nếu chấp trước không, thời chấp trước Niết-bàn. Phá cái Niết-bàn của kẻ phàm phu chấp trước, chứ không phá Niết-bàn của bậc Thánh chứng đắc, vì có sao? Vì thánh nhân đối với hết thầy pháp không thủ tướng.

Lại nữa, các phiền não ái... giả danh là trói, nếu tu đạo, cởi khỏi trói ấy, được giải thoát tức gọi là Niết-bàn. Lại không có pháp nào riêng gọi là Niết-bàn; như người bị cùm chân được thoát, mà hý luận rằng: ấy cùm, ấy chân, cái gì là giải thoát? Người như vậy đáng cười, ngoài cùm, ngoài chân còn tìm sự giải thoát. Chúng sanh cũng như vậy, lìa cái cùm ngũ uẩn, còn tìm pháp giải thoát?

Lại nữa, hết thấy pháp không là đệ nhất nghĩa, đệ nhất nghĩa không là thật tướng các pháp. Làm cho thật tướng các pháp không, gọi là đệ nhất nghĩa không. Như vậy, các thứ, gọi là đệ nhất nghĩa không.

7-8 Hữu vi không, vô vi không: Hữu vi pháp là pháp do nhân duyên hòa hợp sanh, đó là năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới... Vô vi pháp là không nhân duyên, thường chẳng sanh chẳng diệt như hư không. Hữu vi pháp do hai nhân duyên nên không: 1. Là không ta, không của ta và không tướng thường, không biến dị, không thể có được nên không. 2. Hữu vi pháp, tướng hữu vi pháp không, chẳng sanh chẳng diệt, không có gì.

Hỏi: Ta, của ta và tướng **thường**, không thể có được cho nên không; cứ sao nói hữu vi pháp, tướng hữu vi pháp cũng không?

Đáp: Nếu không chúng sanh, pháp không chỗ dựa. Lại vô thường nên không có lúc ngưng trụ, không có lúc trụ, nên không thể biết được, cho nên pháp cũng không.

Hỏi: Trong pháp hữu vi, tướng thường là không thể có được, còn không thể có được ấy là chúng sanh không hay pháp không?

Đáp: Có người nói tâm ta điên đảo nên chấp ta là thường, cái thường ấy không, thời thuộc vào chúng sanh không.

Có người nói: cho tâm là thường, như Phạm thiên vương nói, tứ đại và tứ đại sở tạo sắc đều vô thường, còn tâm ý thức là thường. Cái thường không ấy, thời thuộc vào pháp không.

Hoặc có người nói: năm uẩn tức là thường, như sắc uẩn tuy biến hóa mà cũng không diệt. Các uẩn khác cũng nói giống như tâm. **Năm uẩn không** tức là pháp không, cho nên thường không, cũng nhiếp vào pháp không.

Lại nữa, hữu vi pháp, vô vi pháp không, là hành giả quán thật tướng pháp hữu vi, pháp vô vi, không có tác giả, chỉ do nhân duyên hòa hợp nên có, đều là hư dối, ức tướng phân biệt sanh, không ở trong, không ở ngoài, không ở chặn giữa, phạm phu điên đảo thấy nên có, còn trí giả đối pháp hữu vi không tìm được tướng nó, biết nó chỉ là tên giả. Lấy tên giả ấy mà dẫn đạo phạm phu, biết nó hư dối không thật, không sanh, không làm, tâm không dính mắc.

Lại nữa, các bậc hiền thánh không duyên pháp hữu vi mà được đạo quả, nhưng do quán pháp hữu vi không, nên đối với pháp hữu vi tâm không vướng buộc.

Lại nữa, lìa hữu vi thời không vô vi, vì sao? Vì thật tướng của hữu vi chính là vô vi; tướng vô vi thời chẳng phải hữu vi, chỉ vì chúng sanh điên đảo nên phân biệt nói.

Tướng hữu vi là sanh diệt trụ dị, tướng vô vi là chẳng sanh chẳng diệt chẳng trụ chẳng dị; ấy là cửa ban đầu để vào Phật pháp. Nếu pháp vô vi có tướng, ấy thời là hữu vi. Hữu vi pháp sanh tướng là Tập đế, diệt tướng là Diệt đế. Nếu không tập thời không làm, nếu không làm thời không diệt; ấy là tướng như thật của vô vi pháp. Nếu ngộ được thật tướng các pháp thời không còn rơi trong tướng sanh, diệt, trụ, dị, khi ấy không thấy pháp hữu vi hợp với pháp vô vi, không thấy vô vi hợp với pháp hữu vi; không thủ tướng hữu vi pháp vô vi pháp; ấy là vô vi pháp, vì sao? Vì nếu phân biệt hữu vi pháp vô vi pháp, thời đối với hữu vi vô vi bị chướng ngại. Nếu dứt hết các ức tướng phân biệt, dứt các duyên, vì thật trí không các duyên thì không đọa vào trong chúng sanh số, mà được Niết-bàn an ổn thường vui.

Hỏi: Năm *không* trước đều nói riêng, nay hữu vi vô vi không, có sao hợp lại nói?

Đáp: Pháp hữu vi vô vi đối đãi nhau mà có, nếu trừ hữu vi thời không vô vi, nếu trừ vô vi thời không hữu vi, hai pháp này thu nhiếp hết thấy pháp. Hành giả quán pháp hữu vi có nhược điểm là vô thường, khổ, không, biết pháp vô vi có chỗ lợi ích lớn rộng lớn, cho nên hai pháp hiệp lại nói.

Hỏi: Pháp hữu vi do nhân duyên hòa hợp sanh, không có tự tánh nên không, việc ấy có thể như vậy, còn vô vi pháp chẳng phải là pháp do nhân duyên sanh, không thể phá không thể hoại, thường như hư không, có sao không?

Đáp: Như trước nói, nếu trừ hữu vi thời không có vô vi, thật tướng của hữu vi tức là vô vi, nếu như hữu vi không thì vô vi cũng không, vì hai sự chẳng khác nhau.

Lại nữa, có người nghe nói: pháp hữu vi có tội lỗi, mà ái trước pháp vô vi, vì ái trước nên sanh các kiết sử, như trong A-tỳ-đàm nói: 89 sử (*trong 98 sử mà tách ra – N.D*) duyên pháp hữu vi mà phát sanh (*là duyên Khổ, Tập, Đạo đế mà không ngộ, phát sanh lậu hoặc; gọi tắt là hữu vi duyên hoặc – N.D*) sáu sử duyên pháp vô vi mà phát sanh (*là duyên Diệt đế mà không ngộ, phát sanh lậu hoặc; gọi tắt là vô vi duyên hoặc – N.D*), còn ba sử (*nghi, tà kiến, vô minh – N.D*) thì sẽ phân biệt; vô minh sử thuộc Dục giới do thấy Diệt đế được đoạn trừ, hoặc duyên pháp hữu vi mà phát sanh, hoặc duyên pháp hữu vi mà phát sanh, hoặc duyên pháp vô vi mà phát sanh.

Thế nào là vô minh sử do duyên pháp hữu vi mà phát sanh? Đó là vô minh sử tương ưng với sử, do duyên pháp hữu vi mà phát sanh (*tức cộng vô minh – N.D*), được đoạn trừ bởi thấy được Diệt đế.

Thế nào là vô minh sử do duyên pháp vô vi phát sanh? Đó là vô minh sử không tương ưng (*tức bất cộng vô minh – N.D*), với sử do duyên pháp hữu vi mà phát sanh, được đoạn trừ bởi thấy được Diệt đế.

Vô minh sử thuộc Sắc giới, Vô sắc giới cũng như vậy. Vì kiết sử ấy hay khởi lên nghiệp bất thiện, do nghiệp bất thiện nên đọa vào ba đường ác, vì thế nên nói vô vi pháp không.

Kiết sử duyên pháp vô vi mà phát sanh là nghi, tà kiến, vô minh.

Nghi là, đối với Niết-bàn nghi là có hay là không?

Tà kiến là, nếu sanh tâm nói rằng nhất định không có Niết-bàn. Vô minh tương ưng với nghi, tà kiến ấy cùng độc đầu vô minh hợp lại, là vô minh sử.

Hỏi: Nếu nói vô vi pháp không, thì khác gì với tà kiến?

Đáp: Người tà kiến không tin Niết-bàn, rồi sau sanh tâm nói nhất định không có Niết-bàn, còn vô vi pháp không, là phá chấp thủ tướng Niết-bàn, thế là khác.

Lại nữa, nếu người bỏ hữu vi chấp trước vô vi, vì chấp trước nên vô vi liền thành hữu vi, vì vậy nên tuy phá vô vi mà chẳng phải tà kiến; ấy gọi là hữu vi vô vi không.

9. Tất cảnh không: Lấy hữu vi không, vô vi không, phá các pháp không còn có sót thừa, ấy gọi là tất cảnh không. Như lậu tận A-la-hán gọi là tất cảnh thanh tịnh (rốt ráo thanh tịnh); A-na-hàm cho đến khi xa lìa dục sử của cõi vô sở hữu xứ, không gọi là tất cảnh thanh tịnh, đây cũng như thế. Nội không, ngoại không, nội ngoại không, mười phương không, Đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, không còn thừa pháp gì chẳng không, ấy gọi là tất cảnh không.

Lại nữa, nếu người có quý tộc bảy đời, trăm ngàn vạn ức vô lượng đời mới gọi là tất cảnh quý, chứ không phải một đời, hai đời, ba đời quý tộc là thật quý. Tất cảnh không cũng như vậy. Từ xưa đến đây không một pháp nhân duyên sanh nào mà nhất định thật chẳng không.

Có người nói: nay tuy không, mà lúc tối sơ chẳng không, như trời khởi thì tạo vật và minh sơ, vi trần. Nhưng nó thấy đều không, vì sao? Vì quả (*do trời, vi trần tạo*

ra) vô thường, nên nhân (*trời, minh sơ, vi trần – N.D*) cũng vô thường; còn nếu như hư không không tác quả, cũng không tác nhân, trời và vi trần... cũng nên như vậy. Nếu trời và vi trần cũng thường như vậy, thời không thể sanh vô thường. Nếu quá khứ không có tướng nhất định, thì đời vị lai, hiện tại cũng như vậy. Trong ba đời không có một pháp nào nhất định thật chẳng không, ấy gọi là tất cánh không.

Hỏi: Nếu ba đời đều không, cho đến vi trần và một niệm cũng không có, thời là chỗ rất đáng sợ. Các người trí tuệ vì cái vui thiền định nên bỏ cái vui thế gian; vì cái vui Niết-bàn nên bỏ cái vui thiền định; nay trong tất cánh không, cho đến Niết-bàn cũng không có, vậy dựa pháp gì để bỏ cái vui Niết-bàn?

Đáp: Người chấp trước ta, tôi, quen lấy tướng một, khác, để phân biệt các pháp, người như vậy thời cho rất ráo không là đáng sợ; như Phật nói chỗ rất kính sợ của kẻ phạm phu đó là không ta, không của ta.

Lại nữa, pháp hữu vi có ba đời, vì là pháp hữu lậu nên sanh ái trước. Niết-bàn là dứt hết thầy ái trước, có sao đối Niết-bàn còn cầu là bỏ?

Lại nữa, như Tỳ-kheo phá bốn giới trọng; ấy gọi là tất cánh phá giới, không bảo nhậm đắc đạo. Lại như làm tội ngũ nghịch, rất ráo đóng ba đường thiện; người thủ chứng Thanh văn thì rất ráo không được làm Phật. Tất cảnh không cũng như vậy, dứt hết thầy pháp rất ráo không, không còn thừa pháp nào.

Hỏi: Hết thầy pháp rất ráo không, việc ấy không đúng, vì sao? Vì ba đời mười phương các pháp, cho đến pháp tướng, pháp trụ, chắc phải có thật. Vì có một pháp thật, nên các pháp khác mới là hư vọng, nếu không có một pháp thật thời cũng không thể có các pháp hư vọng, là tất cảnh không?

Đáp: Không có cho đến không một pháp thật, vì sao? Vì nếu có cho đến một pháp thật, thời pháp ấy phải hoặc là hữu vi, hoặc là vô vi. Nếu là hữu vi, thời đã phá trong đoạn hữu vi không. Nếu là vô vi, thời cũng đã phá trong đoạn vô vi không. Như vậy thế gian, xuất thế gian. Nếu thế gian thì nội không, ngoại không, nội ngoại không, đại không đã phá; nếu xuất thế gian thì đệ nhất nghĩa không đã phá. Sắc pháp, vô sắc pháp, hữu lậu, vô lậu pháp cũng như vậy.

Lại nữa, hết thầy pháp rất ráo không ấy cũng không, không, không có pháp, nên cũng không có hư và thật đối đãi nhau.

Lại nữa, rất ráo không là phá hết thủy pháp, khiến không còn sót lại, cho nên gọi là rất ráo không; nếu có chút ít thừa lại thì không gọi là rất ráo; nếu nói vì đối đãi nên có, việc ấy không đúng.

Hỏi: Các pháp chẳng phải không hết, vì sao? Vì pháp do nhân duyên nên không, mà nhân duyên thì chẳng không, ví như nhân duyên kèo, cột, hòa hợp nên gọi là nhà, nhà không mà kèo cột cũng chẳng phải không?

Đáp: Nhân duyên cũng không, vì nhân duyên bất định; ví như cha con, do cha sanh nên gọi là con, do sanh con nên gọi là cha.

Lại nữa, nhân duyên tối hậu, không chỗ nương tựa; như các loại núi, sông, cây cỏ chúng sanh đều nương tựa đất, đất nương tựa nước, nước nương tựa gió, gió nương tựa hư không, hư không không chỗ nương dựa. Nếu gốc không chỗ nương dựa, thì ngọn không chỗ nương dựa, vì vậy nên biết hết thủy rất ráo không.

Hỏi: Không phải. Các pháp phải có cội gốc, như thần thông có chỗ biến hóa, vật hóa ra tuy hư dối, mà hóa chủ chẳng không?

Đáp: Người phàm phu thấy vật biến hóa ra không trụ lâu cho là không, hóa chủ trụ lâu nên cho là thật; còn thánh nhân thấy hóa chủ lại từ nghiệp nhân duyên đời trước hòa hợp sanh ra, đời nay lại chứa các thiện pháp, được lực thần thông, cho nên hay biến hóa. Như trong phẩm sau của kinh Bát-nhã ba-la-mật nói: Có ba loại biến hóa là phiền não biến hóa, nghiệp biến hóa, pháp biến hóa (pháp, pháp thân); cho nên biết hóa chủ cũng không.

Hỏi: Những thứ không bền chắc, không thật, cho nên không, còn các thứ bền chắc và thật chẳng thể không; như đại địa, núi Tu-di, nước biển cả, mặt trời mặt trăng, Kim cang... là pháp thật, bền chắc, cho nên chẳng phải không, vì có sao? Vì đất và núi Tu-di thường trụ trọn kiếp, các sông có khô, biển vẫn thường đầy, mặt trời mặt trăng quanh bầu trời không bao giờ cùng. Lại như phàm phu thấy hư vọng không thật cho nên không, còn thánh nhân chứng đắc như như, pháp tánh, chân tế, Niết-bàn, phải là thật pháp, có sao rất ráo đều không?

Lại nữa, pháp hữu vi do nhân duyên sanh nên không thật, còn pháp vô vi không do nhân duyên sanh nên phải thật, có sao lại nói là rất ráo không?

Đáp: Bền chắc, không bền chắc, không nhất định, cho nên đều không, vì có sao? Vì có người cho đó là bền chắc, lại có người cho đó là không bền chắc; như người cho Kim cang là bền chắc, còn Đế-thích tay cầm như người cầm gậy,

không cho là bền chắc. Lại không biết nhân duyên phá hoại Kim cương nên cho Kim cương là bền chắc, nếu biết đặt nó trên xương rùa, lấy sừng dê núi đánh phá, thời biết nó không bền chắc; như thân cao bảy thước cho biển lớn là sâu, còn chúa La-hầu A-tu-la đứng giữa biển nước chưa đến đầu gối, lấy hai tay che núi Tu-di, cúi xuống xem thành Thiện kiến ở cõi trời Đao-lợi, thời cho nước biển là cạn. Nếu người đoán thọ thì cho quả đất là trường cửu bền chắc, còn người trường thọ thời thấy quả đất vô thường chẳng bền chắc. Như Phật nói kinh Ví dụ bảy mặt trời: Phật bảo các Tỳ-kheo, hết thảy pháp hữu vi, vô thường biến dị, đều trở về tiêu diệt. Lúc kiếp sắp hết, đại hạn lâu ngày, cỏ thuốc cây cối đều khô cháy. Khi mặt trời thứ hai xuất hiện, nước các sông nhỏ đều khô hết. Khi mặt trời thứ ba xuất hiện, nước các sông lớn đều khô hết. Khi mặt trời thứ tư xuất hiện, bốn sông lớn trong cõi Diêm-phù-đề (*Án Độ - N.D*) và ao A-na-bà-đạt-đa đều khô hết. Khi mặt trời thứ năm xuất hiện, biển lớn khô hết; khi mặt trời thứ sáu xuất hiện đại địa và núi Tu-di khói bốc, như lò đốt của thợ gốm; khi mặt trời thứ bảy xuất hiện, tất cả đều cháy tiêu, không còn hơi khói; từ quả đất, núi Tu-di đến cõi Phạm thiên lửa đều bốc cháy. Bấy giờ, trời Quang Âm mới sanh, thấy lửa sợ hãi nói: đã đốt Phạm cung, sắp không đến đây ư? Các trời sanh ra trước ủy dụ các trời sanh ra sau rằng: đã từng có như vậy, đốt ngang Phạm cung rồi tắt ở đó không đến đây đâu! Đốt ba ngàn đại thiên thế giới xong, không còn tro than.

Phật dạy các Tỳ-kheo: việc lớn như vậy, ai tin điều đó? Chỉ có tận mắt thấy, mới tin được thôi.

Lại này Tỳ-kheo, thời quá khứ, thầy ngoại đạo tên Tu-niết-đa-la, lìa dục, thực hành bốn phạm hạnh, vô lượng đệ tử cũng được lìa dục. Tu-niết-đa-la mới nghĩ rằng: Ta không nên cùng đệ tử sanh chung một chỗ, ta sẽ tu sâu tâm từ. Người này do tư duy sâu tâm từ, nên được sanh lên cõi trời Quang âm. Phật dạy: Tu-niết-đa-la chính là thân Ta vậy. Ta lúc ấy chính mắt thấy việc ấy. Vì vậy nên biết vật thật bền chắc đều trở về tiêu diệt.

Hỏi: Ông nói rõ ráo không, cứ sao còn nói vô thường? Rõ ráo không thì ngay đây chính là không, còn vô thường thì nay có sau không?

Đáp: Vô thường là cửa ban đầu của không. Nếu rõ thấu vô thường thời các pháp là không. Vì vậy nên thánh nhân dùng bốn hành tướng để quán thế gian vô thường. Nếu thấy vật ái trước vô thường, vô thường thời sanh khổ, khổ nên tâm sanh nhàm chán xa lìa. Nếu là vô thường, không, thời không thể chấp thủ, như huyền như hóa, ấy gọi là không. Ngoại vật đã không, nội chủ cũng không, ấy gọi là vô ngã.

Lại nữa, rất ráo, ấy là chơn không. Có hai hạng chúng sanh: 1. Tập tham ái nhiều. 2. Tập tưởng kiến nhiều. Người tham ái nhiều ưa sanh đấm trước. Vì vật đấm trước ấy vô thường cho nên sanh ưu khổ. Vì hạng người ấy nên nói: vật ông đấm trước là vô thường hư hoại, nên ông vì nó mà sanh khổ, nếu vật đấm trước sanh khổ thì không nên sanh tâm đấm trước, ấy là cửa vô tác giải thoát.

Người tưởng kiến nhiều thì hay phân biệt các pháp, vì không biết thật tướng nên đấm trước tà kiến. Vì hạng người ấy nên nói thẳng các pháp rất ráo không.

Lại nữa, nếu có nói, là có thể phá, có thể phá nên không. Đối tượng thấy đã không, chủ thể thấy cũng không; ấy gọi là rất ráo không. Ông nói pháp của thánh nhân chúng đắc phải là thật, vì pháp thánh nhân có thể diệt ba độc, chẳng phải điên đảo hư dối, có thể làm cho chúng sanh lìa khổ già, bệnh, chết, đạt đến Niết-bàn. Pháp ấy tuy là thật, cũng đều từ nhân duyên hòa hợp sanh. Nên trước không nay có, nay có sau không, nên không thể lãnh thọ, không thể chấp trước, cũng không, chẳng phải thật. Như Phật nói kinh ví dụ chiếc bè: thiện pháp còn phải bỏ, huống chi pháp bất thiện?

Lại nữa, pháp hữu vi vô lậu (*chỉ Đạo đế - N.D*) của thánh nhân, từ pháp hữu lậu làm duyên sanh, pháp duyên theo hữu lậu pháp hư vọng không thật sanh ra, làm sao thật được? Lìa pháp hữu vi không có pháp vô vi, như trước nói: thật tướng của pháp hữu vi chính là pháp vô vi. Vì vậy, hết thấy pháp rất ráo không thể có được, nên gọi là rất ráo không.

10. Vô thi không: Hoặc chúng sanh, hoặc pháp thế gian đều không có ban đầu; như đời nay từ nhân duyên đời trước mà có, đời trước lại từ đời trước; như vậy triển chuyển không có chúng sanh ban đầu. Pháp cũng như vậy, vì sao? Vì nếu trước sanh sau chết, thời không từ chết nên sanh, sanh cũng không chết; nếu trước chết sau sanh, thời không nhân không duyên, cũng không sanh mà có chết. Vì vậy nên hết thấy pháp không có ban đầu. Như trong Kinh nói: Phật dạy các Tỳ-kheo, chúng sanh không có ban đầu, do vô minh che lấp, ái ràng buộc nên qua lại sống chết, ban đầu không thể có được. Phá pháp không ban đầu ấy, nên gọi là vô thi không.

Hỏi: Vô thi là thật, không nên phá, vì sao? Vì nếu chúng sanh và pháp có ban đầu tức bị rơi vào biên kiến, cũng rơi vào vô nhân kiến (*chấp không có nguyên nhân – Vô nhân luận – N.D*). Xa lìa các lỗi, như vậy, cho nên nói chúng sanh và pháp vô thi. Nay lấy vô thi không, để phá vô thi ấy, thời trở lại rơi vào hữu thi kiến?

Đáp: Nay lấy vô thí không phá vô thí kiến, lại không rơi vào hữu thí kiến; ví như cứu người ra khỏi lửa, không nên để vào nước sâu. Nay phá vô thí ấy cũng không đắm vào trong hữu thí; ấy là hành trung đạo.

Hỏi: Tại sao phá vô thí?

Đáp: Vì vô cùng. Nếu vô cùng thời không sau. Vô cùng không sau thời không giữa. Nếu vô thí thời phá hoại người nhất thiết trí, vì có sao? Vì nếu thế gian vô cùng, thời không biết được ban đầu của nó, không biết được ban đầu, thời không có người nhất thiết trí. Nếu có người nhất thiết trí, thời chẳng gọi vô thí.

Lại nữa, nếu chấp thủ tướng chúng sanh, lại chấp thủ các pháp tướng một, tướng khác, lấy tướng một tướng khác ấy, từ đời nay suy lên đời trước, từ đời trước lại suy lên đời trước nữa, như vậy triển chuyển, chúng sanh và pháp ban đầu không thể có được, thời sanh ra kiến chấp về vô thí, kiến chấp ấy hư vọng, lấy một và khác làm gốc, thế nên nên phá. Như lấy hữu vi không, phá hữu vi pháp, hữu vi không ấy, trở lại là bệnh, lại lấy vô vi không, phá vô vi pháp. Nay lấy vô thí phá hữu thí, vô thí trở lại là bệnh, lại lấy vô thí không, phá vô thí ấy; ấy gọi là vô thí không.

Hỏi: Nếu như vậy, có sao Phật nói chúng sanh qua lại sống chết mà bản thể không thể có được?

Đáp: Muốn khiến chúng sanh biết từ lâu xa lại đây, qua lại sống chết là rất khổ, mà sanh tâm nhàm sợ. Như Kinh nói: Một người ở thế gian, kể trong một kiếp thọ thân bị hại, máu dòn chứa nhiều hơn nước biển, khóc lóc rơi lệ và sữa mẹ cho uống cũng đều như vậy. Xương chất cao hơn núi Tỳ-phù-la, ví dụ cắt cỏ cây trong thiên hạ làm cái thẻ dài hai tấc để đếm số cha, ông, tăng tổ vẫn không đếm hết. Lại như lấy hết đất làm từng viên, đếm số mẹ, bà nội cũng không đếm hết. Như vậy chịu sống chết khổ não trong vô lượng kiếp, ban đầu không thể có được, tâm sanh sợ hãi, mà dứt các kiết sử.

Cũng như vô thường, tuy là có biên giới mà Phật dùng vô thường để độ chúng sanh. Vô thí cũng như vậy, tuy là có biên giới, Phật cũng dùng vô thí để độ chúng sanh. Vì độ chúng sanh khiến sanh tâm nhàm chán, nên nói có vô thí, chẳng phải là thật có vô thí, vì có sao? Vì nếu thật có vô thí thời không nên nói vô thí không.

Hỏi: Nếu vô thí chẳng phải thật pháp, có sao dùng nó độ người?

Đáp: Trong thật pháp không có độ người. Các pháp được nói bằng ngôn ngữ độ người, đều là pháp hữu vi hư dối. Phật dùng lược phương tiện nói là vô thí, vì lấy tâm không chấp trước mà nói, nên người lãnh thọ cũng được không chấp trước; không chấp trước, nên sanh nhàm chán.

Lại nữa, dùng trí tức mạng thấy chúng sanh sống chết tương tục vô cùng, lúc ấy là thật; còn nếu dùng mắt tuệ thời lại thấy chúng sanh và pháp rốt ráo không; vì vậy nên nói vô thí không. Như trong Kinh Bát-nhã ba-la-mật nói: Quán thường chẳng thật, quán vô thường cũng chẳng thật; quán khổ chẳng thật, quán vui cũng chẳng thật. Nhưng Phật bảo thường và vui là điên đảo, vô thường và khổ là đế lý, bởi vì chúng sanh phần nhiều đắm trước thường và vui, không đắm trước vô thường và khổ; vì vậy lấy đế lý vô thường và khổ phá điên đảo thường vui. Vậy nên nói vô thường, khổ là đế lý. Nếu chúng sanh lại đắm trước vô thường, khổ, thời Phật nói vô thường, khổ cũng không; hữu thí vô thí cũng như vậy. Vô thí có thể phá điên đảo chấp trước thí, nếu chấp trước vô thí thời lại cho vô thí là không; ấy gọi là vô thí không.

Hỏi: Pháp hữu thí cũng là tà kiến nên phải phá; có sao chỉ phá vô thí?

Đáp: Hữu thí là lầm to, vì có sao? Vì nếu hữu thí thì thân ban đầu không có nhân duyên của tội phước mà lại sanh chỗ lành chỗ dữ. Nếu từ nhân duyên của tội phước mà sanh ra, thời không gọi là thân ban đầu, vì sao? Vì nếu có tội phước thời từ thân trước thọ thân sau; nếu thế gian vô thí, thời không có lỗi như vậy. Thế nên Bồ-tát trước đã lia bỏ tà kiến thô ác ấy; thường tập dùng vô thí nghĩ tới chúng sanh nên nói vô thí; thường thực hành pháp nhân duyên nên nói pháp vô thí; vì chưa được nhất thiết trí, nên hoặc đối với vô thí bị sai lầm; vì vậy nên nói vô thí không.

Lại nữa, vô thí đã phá hữu thí, không cần lấy không phá hữu thí, còn nay muốn phá vô thí, nên nói vô thí không.

Hỏi: Nếu vô thí phá hữu thí, thời hữu thí cũng có thể phá vô thí, có sao ông chỉ lấy không phá vô thí?

Đáp: Hai cái đó đều là tà kiến, mà có sai khác. Hữu thí là nhân duyên khởi lên các tà kiến phiền não, vô thí thời là nhân duyên khởi lên từ bi và chánh kiến, vì có sao? Vì nghĩ tới chúng sanh thọ khổ não từ đời vô thí mà khởi tâm từ bi, biết từ thân lần nữa sanh thân, tiếp nối không dứt, bèn biết quả báo tội phước nên sanh chánh kiến. Nếu người không chấp trước vô thí, thì tức là thiện pháp trợ đạo; nếu thủ tướng sanh đắm trước, thì tức là tà kiến, như thường kiến, vô

thường kiến. Hữu thi kiến tuy phá vô thi kiến, nhưng không thể rốt ráo phá vô thi, mà vô thi có thể rốt ráo phá hữu thi, cho nên vô thi là thắng; như thiện phá bất thiện, bất thiện phá thiện, tuy phá lẫn nhau, mà thiện có thể rốt ráo phá ác, như khi chứng được hiền thánh đạo, vĩnh viễn không còn làm ác. Ác pháp thì không thể, vì thể lực nhỏ mỏng; như người tuy khởi tội ngũ nghịch, dứt thiện căn, đọa địa ngục, nhân duyên lâu không quá một kiếp được thoát khỏi địa ngục, cuối cùng thành đạo quả. Vô thi, hữu thi hơn kém không đồng cũng như vậy. Vì lực vô thi lớn, nên hay phá hữu thi, vì vậy không nói hữu thi không.

11. Tán không: Tán là tướng lìa biệt, như các pháp hòa hợp nên có, như xe do thùng, gọng, tấm, vành, hợp lại thành, nếu lìa rời mỗi cái mỗi nơi, thời mất tên xe; do năm uẩn hòa hợp nên gọi là người, nếu năm uẩn lìa biệt, thời người chẳng có được.

Hỏi: Nói như vậy chỉ phá giả danh mà không phá sắc, cũng như lìa tán, gọng, thùng thời có thể phá tên xe, chứ không phá gọng, thùng. Tán không cũng như vậy; chỉ lìa tán năm uẩn, có thể phá người, mà không phá năm uẩn sắc...?

Đáp: Sắc... cũng là giả danh đều bị phá, vì sao? Vì do vi trần hòa hợp giả danh là sắc?

Hỏi: Tôi không lấy vi trần, chỉ lấy cái thấy được là sắc, ấy thật là có, cứ sao khi nó phân tán ra là không?

Đáp: Nếu trừ vi trần, tứ đại hòa hợp làm nhân duyên sanh ra sắc có thể thấy, cũng là giả danh, như gió bốn phương hòa hợp quạt nước làm nổi bọt, tứ đại hòa hợp thành sắc cũng như vậy, nếu ly tán tứ đại thời không có sắc.

Lại nữa, sắc ấy do hương, vị, xúc và bốn đại hòa hợp, cho nên có sắc có thể thấy; nếu trừ hương, vị, xúc... không còn có sắc riêng, lấy trí phân biệt, mỗi mỗi ly tán, sắc không thể có được. Nếu sắc thật có thì bỏ các pháp ấy, nên riêng có sắc, nhưng lại không riêng có, cho nên Kinh nói: Sắc có đều do tứ đại hòa hợp mà có, hòa hợp có nên đều là giả danh, giả danh nên có thể ly tán.

Hỏi: Sắc uẩn giả danh nên có ly tán, còn bốn uẩn kia không sắc, cứ sao ly tán?

Đáp: Bốn uẩn cũng là giả danh, vì quán thấy sanh, già, trụ, diệt, ly tán trở thành không, vì sao? Vì khi sanh khác, khi già khác, khi trụ khác, khi diệt khác.

Lại nữa, trong ba đời quán thấy bốn uẩn ấy cũng đều tán diệt. Lại nữa, tâm theo cảnh sở duyên, duyên diệt thời diệt, duyên phá thời phá.

Lại nữa, bốn uẩn ấy bất định, tùy duyên sanh, ví như lửa tùy ở chỗ đốt mà gọi tên; nếu lia chỗ đốt thời lửa không thể có được. Nhân mắt duyên sắc sanh nhãn thức, nếu lia sắc sở duyên thời thức không thể có được. Các căn thức khác cũng như vậy, như trong Kinh nói: Phật bảo La-đà, sắc uẩn ấy phá hoại tán diệt làm cho không có gì, bốn uẩn kia cũng như vậy; ấy gọi là tán không.

Lại nữa, thí như trẻ con nhóm đất làm lâu đài, thành quách, xóm làng, nhà cửa, hoặc gọi là gạo, là bún, ưa đấm thủ hộ, sớm tối đem theo, khi tâm nói lia bỏ thì đập phá tán diệt. Người phàm phu cũng như vậy; vì chưa lia dục, sanh tâm ưa đấm các pháp; nếu đã lia dục thì thấy các pháp đều tán hoại vứt bỏ; ấy gọi là tán không.

Lại nữa, vì các pháp tập hợp, có tên gọi riêng; người phàm phu chạy theo tên gọi, sanh tâm điên đảo nhiễm trước. Phật thuyết pháp dạy quán sự thật của nó. Chớ chạy theo tên gọi, có và không đều không; như kinh Ca-chiên-diên nói: quán Tập đế thời không vô kiến, quán Diệt đế thời không hữu kiến; các nhân duyên như vậy, ấy gọi là tán không.

12. Tánh không: Các pháp tánh thường không, nhờ tương tục nên in tuồng chẳng không; ví như nước tánh vốn lạnh, nhờ lửa nên nóng; ngưng lửa lâu thời nước trở lại lạnh. Các pháp tánh cũng như vậy; khi chưa sanh, rỗng không không có gì; như nước tánh thường lạnh, các pháp nhờ các duyên hòa hợp nên có; như nước được lửa thành nóng. Các duyên hoặc ít hoặc không có, thời không có pháp; như lửa tắt thời nước nóng thành lạnh; như Kinh nói: con mắt không, vô ngã, vô ngã sở, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy: tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sắc cho đến pháp, cũng đều như vậy.

Hỏi: Kinh ấy nói ngã, ngã sở không, ấy là nói chúng sanh không không phải nói pháp không, làm sao chứng minh tánh không?

Đáp: Trong ấy, chỉ nói tánh không, không nói chúng sanh không và pháp không. Tánh không có hai: 1. Trong mười hai nhập không ta, không của ta. 2. Tướng mười hai nhập tự không; còn không ta, không của ta, là trong luận Thanh văn nói. Trong pháp Đại thừa nói: chính mười hai nhập, ta, của ta không có nên không, mười hai nhập, tánh không có, nên không.

Lại nữa, nếu không có ta, không của ta thì tự nhiên được pháp không. Vì người ta chấp trước ta, của ta nên Phật chỉ nói không ta, không của ta. Như vậy, phải nên biết hết thấy pháp không. Nếu ta, của ta còn không chấp trước, hướng chỉ

pháp khác. Vì vậy, chúng sanh không, pháp không, cuối cùng quy về một nghĩa, gọi là tánh không.

Lại nữa, tánh là tự có, không nhờ nhân duyên, nếu nhờ nhân duyên thì là pháp có tạo tác, không gọi là tánh. Trong các pháp đều vô tánh, vì sao? Vì hết thảy pháp hữu vi đều từ nhân duyên sanh, nhân duyên sanh thời pháp có tạo tác; nếu không từ nhân duyên hòa hợp sanh, thời là không pháp. Như vậy hết thảy pháp, tánh không thể có được, nên gọi là tánh không.

Hỏi: Rất ráo không, không có gì, thời ấy là tánh không; sao nay còn nói lại?

Đáp: Rất ráo không là không có gì sót lại, còn tánh không là xưa nay thường như vậy; như nước tánh vốn lạnh, nhờ lửa nên nóng; ngưng lửa thời trở lại lạnh. Rất ráo không như hư không, thường chẳng sanh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch, cứ sao nói đồng!

Lại nữa, các pháp rất ráo không, vì sao? Vì tánh nó không thể có được. Các pháp tánh không, vì sao? Vì rất ráo không.

Lại nữa, tánh không, phần nhiều là Bồ-tát hành trì; còn rất ráo không, phần nhiều là chư Phật hành trì, vì sao? Vì trong tánh không chỉ có nhân duyên hòa hợp, không có thật tánh; còn rất ráo không thì ba đời thanh tịnh, có sai khác như vậy.

Lại nữa, hết thảy pháp tánh có hai: 1. Là tánh chung. 2. Là tánh riêng. Tánh chung là vô thường, khổ, không, vô ngã, vô sanh, vô diệt, vô lai, vô khứ, vô nhập, vô xuất.... Tánh riêng là như lửa tánh nóng, nước tánh ướt, tâm là tánh biết; như người ưa làm ác, nên gọi là tánh ác; ưa làm thiện nên gọi là tánh thiện; như trong kinh Thập Lực nói: Phật biết các chủng tánh của thế gian. Các tánh như vậy đều không; ấy gọi là tánh không, vì sao? Vì nếu tánh vô thường là thật, thì mất nghiệp quả báo, vì sao? Vì sanh diệt qua đi không trụ lại, nên sáu căn không lãnh thọ sáu trần, cũng không chứa tập nhân duyên, nếu không chứa tập thời không tụng kinh, tọa thiền... vì vậy, biết tánh vô thường là không thể có được. Vô thường còn không thể có được, huống chi thường.

Lại nữa, tánh khổ cũng không thể có được, nếu thật có khổ, thời không nên sanh tâm nhiễm đấm. Nếu người chán sợ khổ thống, thời trong các thứ vui cũng nên chán sợ, và Phật cũng không nên nói ba thọ: khổ, vui, không khổ không vui; cũng không nên đối khổ sanh giận, đối vui sanh ưa, đối không khổ không vui sanh si. Nếu một tướng thời đối vui nên sanh giận, đối khổ nên sanh ưa, những

việc ấy không đúng. Như vậy, tánh khổ còn không thể có được, hưởng chi tánh vui hư vọng, mà lại có thể được.

Lại nữa, tướng không cũng không thể có được, vì sao? Vì nếu có tướng không thời không có tội phước, tội phước không có nên cũng không có đời nay đời sau.

Lại nữa, các pháp đối đãi nhau có, vì sao? Vì nếu có *không* phải nên có *thật*, nếu có *thật* phải nên có *không*. Tánh *không* còn không hưởng là có *thật*.

Lại nữa, nếu không ta thời không trời không mở, cũng không từ đời này đến đời sau chịu tội phước, cũng không có nghiệp nhân duyên quả báo, do các nhân duyên như vậy, biết tánh vô ngã còn không thể có được, hưởng là tánh ngã.

Lại nữa, tánh vô sanh vô diệt cũng chẳng thật, vì sao? Vì nếu thật thời rơi vào thường kiến, nếu hết thấy pháp thường, thời không tội không phước. Nếu có thời thường có, không thời thường không; nếu không thời không sanh, có thời không mất, như tánh bất sanh bất diệt không thể có được hưởng là tánh sanh diệt. Các tánh chung không đi không lại, không ra không vào, cũng như vậy.

Lại nữa, các pháp có tánh riêng cũng không phải, vì sao? Ví như lửa hay đốt, sắc màu hay chiếu sáng, hai thứ hòa hợp, nên gọi là lửa; nếu lia hai thứ mà có lửa thời lý đáng riêng sử dụng, song thật không có sử dụng riêng. Vì vậy nên biết lửa là giả danh, cũng không có thật. Nếu thật không lửa, có sao nói nóng là tánh của lửa.

Lại nữa, tánh nóng từ các nhân duyên sanh, trong có thân căn, ngoài có sắc xúc chạm, hòa hợp sanh thân thức, biết có nóng, nếu khi chưa hòa hợp, thời không có tánh nóng. Vì vậy nên biết nóng chẳng phải tánh lửa.

Lại nữa, nếu lửa thật có tánh nóng, có sao có người vào lửa không cháy, và lửa trong thân người sao không đốt thân? Lửa giữa không, nước không làm tắt được? Vì lửa không có tánh nóng nhất định. Do lực thần thông lửa không đốt thân được. Do nhân duyên của nghiệp mà năm tạng trong người không cháy. Do lực rỗng thần, nước không làm tắt được.

Lại nữa, nếu tánh nóng với lửa khác nhau thời lửa chẳng phải nóng, nếu tánh nóng với lửa là một, có sao nói nóng là tánh của lửa? Các tánh lạnh... cũng như vậy. Tánh chung, tánh riêng ấy không có, gọi là tánh không.

Lại nữa, tánh không là từ xưa lại nay không; như người thế gian cho vật hư vọng không lâu bền là không; còn các vật như núi Tu-di, Kim cang... và điều thánh

nhân biết thì cho là chân thật chẳng không. Để dứt các nghi ấy, Phật nói các thứ ấy tuy kiên cố bền chắc lâu dài, cũng đều là tánh không. Trí tuệ của thánh nhân tuy độ chúng sanh, dứt các phiền não, mà tánh không thể có được, cho nên cũng là không.

Lại nữa, người ta cho năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, đều không, chỉ như như, pháp tánh, thật tế là thật tánh của nó. Phật muốn dứt các nghi ấy, nên chỉ phân biệt nói năm uẩn, như như, pháp tánh, thật tế cũng đều là không, ấy gọi là tánh không.

Lại nữa, tánh hữu vi có ba tướng là sanh, trụ, diệt; tánh vô vi cũng có ba tướng là bất sanh, bất trụ, bất diệt. Tánh hữu vi còn không hưởng là pháp hữu vi. Tánh vô vi còn không hưởng là pháp vô vi.

Do các nhân duyên ấy, tánh không thể có được, nên gọi là tánh không.

13. Tự tướng không: Hết thầy có hai tướng: tướng chung và tướng riêng. Hai tướng ấy không, cho nên gọi là tướng không.

Hỏi: Thế nào là tướng chung? Thế nào là tướng riêng?

Đáp: Tướng chung là vô thường... Tướng riêng là các pháp tuy đều vô thường mà mỗi pháp có tướng riêng; như đất có tướng cứng, lửa có tướng nóng.

Hỏi: Trước đã nói tánh nay lại nói tướng, vậy tướng và tánh có khác gì nhau?

Đáp: Có người nói nó thật không khác, chỉ có khác tên. Nói tánh tức là nói tướng, nói tướng tức là nói tánh, ví như nói tánh lửa tức là tướng nóng, nói tướng nóng tức là tánh lửa.

Có người nói: tánh và tướng có hơi sai khác. Tánh là nói thể, tướng là nói nó có thể biết được. Như Thích-tử thọ trì cấm giới, ấy là tánh; cạo tóc, mặc Ca-sa, ấy là tướng. Kẻ Phạm-chí tự thọ trì pháp của họ là tánh; đầu có búi tóc, cầm gậy ba chĩa, ấy là tướng. Như lửa nóng là tánh lửa; khói là tướng lửa; gần là tánh, xa là tướng. Tướng không nhất định từ thân phát ra, còn tánh là nói có thật; như thấy sắc vàng là kim tướng, mà bên trong là đồng, lấy lửa đốt, đá mài, biết nó chẳng phải kim tánh; như người khi cung kính cúng dường, tợ là người lành, ấy là tướng; còn mắng nhiếc hủy nhục, phẫn hận, giận dữ, ấy là tánh nó. Tánh tướng, trong ngoài, xa gần, trước sau có sai biệt như vậy, các tướng ấy đều không; gọi là tướng không.

Như nói hết thấy pháp hữu vi đều tướng vô thường, vì có sao? Vì sanh diệt không ngừng, trước không nay có, có rồi lại không, vì thuộc các nhân duyên, vì hư vọng không thật. Vì do nhân duyên vô thường sanh, vì do hợp các duyên phát khởi, có các nhân duyên như vậy, nên hết thấy pháp hữu vi là *tướng vô thường*.

Vì nó hay sanh thân tâm phiền não nên gọi là khổ, vì thân đi, đứng, nằm, ngồi đều khổ, vì là khổ thánh đế, vì thánh nhân buông bỏ không lãnh thọ, vì luôn luôn bức não, vì vô thường. Có các nhân duyên như vậy, gọi là *tướng khổ*.

Lìa ngã sở cho nên không; vì nhân duyên hòa hợp sanh cho nên không; vì vô thường, khổ, không, vô ngã cho nên gọi là không; vì trước sau không thể có được cho nên không; vì tâm cuồng cho nên gọi là không; thánh hiền đối với hết thấy pháp không dính mắc cho nên gọi là không; vì là vô tướng, vô tác giải thoát môn cho nên gọi là không, thật tướng các pháp vô lượng vô số cho nên gọi là không; vì dứt hết thấy đường ngôn ngữ cho nên gọi là không; vì dứt hết thấy tâm hành cho nên gọi là không; vì chư Phật, Bích-chi Phật, A-la-hán vào rồi không ra cho nên gọi là không. Có các nhân duyên như vậy, nên gọi là *không*.

Vì vô thường, khổ, không, cho nên vô ngã; vì không tự tại nên vô ngã; vì vô chủ nên vô ngã; vì các pháp đều từ nhân duyên sanh, từ nhân duyên sanh nên vô ngã; vô tướng, vô tác nên vô ngã; vì giả danh nên vô ngã; vì thân kiến điên đảo nên vô ngã; vì dứt tâm chấp ngã thì đắc đạo nên vô ngã. Có nhân duyên như vậy, gọi là *Vô ngã*. Như vậy gọi là *tướng chung*.

Tướng riêng là tướng cứng của đất, tướng ướt của nước, tướng nóng của lửa, tướng động của gió; chỗ nhãn thức nương là tướng mắt; tai, mũi, lưỡi, thân cũng như vậy. Tướng biết của thức, tướng tuệ của trí, tướng trí của tuệ; xả là tướng bố thí, không hỏi không nào là tướng trì giới; tâm không biến dị là tướng nhẫn nhục; phát động là tướng tinh tấn; nhiếp tâm là tướng thiền định; không dính mắc là tướng trí tuệ; hay thành tựu sự việc là tướng phương tiện; thức tạo tác sanh diệt là tướng thế gian; vô thức là tướng Niết-bàn. Các pháp như vậy mỗi mỗi có tướng riêng. Biết các tướng ấy đều không; ấy gọi là *tự tướng không*. Các nghĩa khác như trong đoạn Tánh không nói, vì tánh và tướng nghĩa đồng nhau.

Hỏi: Cớ sao không chỉ nói là tướng không mà nói là tự tướng không?

Đáp: Nếu nói tướng không là không nói đến pháp thể không; nói tự tướng không tức là nói pháp thể không.

Lại nữa, nhiều pháp hòa hợp nên có một pháp sanh, một pháp ấy không. Như vậy mỗi mỗi pháp đều không, nay pháp hòa hợp nhân duyên, triển chuyển cũng đều không, hết thầy pháp mỗi mỗi tự tướng không; vì vậy nên gọi là *tự tướng không*.

Hỏi: Nếu hết thầy pháp mỗi mỗi tự tướng không, có sao lại có sự giảng nói?

Đáp: Chúng sanh điên đảo nên chấp lấy tướng một, tướng khác, tướng chung, tướng riêng, mà sanh tâm đắm trước, vì để dứt việc ấy nên có sự giảng nói.

Có các nhân duyên như vậy, gọi là *tự tướng không*.

14. Nhất thiết pháp không: Nhất thiết pháp là năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới... các pháp ấy đều nhiếp vào các môn; đó là hết thầy pháp tướng có: tướng biết, tướng thức, tướng duyên, tướng tăng thượng, tướng nhân, tướng quả, tướng chung, tướng riêng, tướng nương tựa.

Hỏi: Thế nào là hết thầy pháp tướng có?

Đáp: Hết thầy pháp có tốt có xấu, có trong có ngoài, đối hết thầy pháp có tâm sanh, nên gọi là có.

Hỏi: Trong vô pháp có sao nói có tướng?

Đáp: Nếu vô pháp thì không gọi là pháp, chỉ vì ngăn có cho nên gọi là vô pháp, còn nếu thật có vô pháp, thời gọi là có; vì vậy nói hết thầy pháp *tướng có*.

Tướng biết là khổ pháp trí, khổ loại trí hay biết Khổ đế, tập pháp trí, tập loại trí hay biết Tập đế; diệt pháp trí, diệt loại trí hay biết Diệt đế; đạo pháp trí, đạo loại trí hay biết Đạo đế. Và thiện trí thế tục hay biết khổ; biết tập; biết diệt; biết đạo; cũng biết hư không và phi trí duyên biệt (*tức là hư không vô vi, phi trạch diệt vô vi N.D*); ấy gọi là tướng biết của hết thầy pháp.

Tướng thức (biết) là nhãn thức biết sắc, nhĩ thức biết tiếng, tỷ thức biết mùi, thiệt thức biết vị, thân thức biết xúc, ý thức biết pháp. Hay biết mắt, hay biết nhãn thức; hay biết tai, hay biết tiếng, hay biết nhĩ thức; hay biết mũi, hay biết mùi, hay biết tỷ thức; hay biết lưỡi, hay biết vị, hay biết thiệt thức; hay biết thân, hay biết xúc, hay biết thân thức; hay biết ý, hay biết pháp, hay biết ý thức; ấy gọi là tướng thức.

Tướng duyên là nhãn thức và pháp tương ưng với nhãn thức hay duyên sắc; nhĩ thức và pháp tương ưng với nhĩ thức hay duyên tiếng; tỷ thức và pháp tương

ưng với tỷ thức hay duyên mũi; thiết thức và pháp tương ưng với thiết thức hay duyên vị, thân thức hay pháp tương ưng với thân thức hay duyên xúc; ý thức và pháp tương ưng với ý thức hay duyên pháp. Hay duyên nhãn, hay duyên sắc, hay duyên nhãn thức; hay duyên tai, hay duyên tiếng, hay duyên nhĩ thức; hay duyên tỷ, hay duyên mũi, hay duyên tỷ thức; hay duyên thiết, hay duyên vị, hay duyên thiết thức; hay duyên thân, hay duyên xúc, hay duyên thân thức; hay duyên ý, hay duyên pháp, hay duyên ý thức; ấy gọi là tướng duyên.

Tướng tăng thượng là, hết thảy pháp hữu vi vì mỗi mỗi tăng thượng. Vô vi pháp cũng có tăng thượng đối với hữu vi pháp; ấy gọi là tướng tăng thượng.

Tướng nhân quả là hết thảy pháp mỗi mỗi làm nhân, mỗi mỗi làm quả; ấy gọi là tướng nhân quả.

Tướng chung tướng riêng là, hết thảy pháp mỗi mỗi có tướng chung tướng riêng; như ngựa là tướng chung, trắng là tướng riêng; như người là tướng chung, nếu mất một cái tai, thời là tướng riêng; ấy gọi là tướng chung tướng riêng.

Tướng nương tựa là các pháp đều nương tựa cùng nhau; như cây cỏ núi sông nương tựa đất; đất nương tựa nước. Như vậy mỗi mỗi nương tựa nhau; ấy gọi là tướng nương tựa. Như vậy tướng môn một pháp thu nhiếp hết thảy pháp.

Lại nữa, môn hai pháp thu nhiếp hết thảy pháp; đó là pháp sắc, vô sắc; pháp khả thấy, không khả thấy; pháp có đối ngại, không đối ngại; pháp hữu lậu, vô lậu; pháp hữu vi, vô vi; pháp trong, pháp ngoài; pháp quán, pháp duyên; pháp có, pháp không; như vậy là các tướng môn hai pháp.

Ba, bốn, năm, sáu cho đến tướng môn vô lượng pháp, thu nhiếp hết thảy pháp, các pháp ấy đều không; như trên nói.

Hỏi: Nếu đều không, có sao nói các danh tự hết thảy pháp?

Đáp: Người phàm phu đối với không pháp, vô minh điên đảo chấp thủ tướng, nên phát sanh các phiền não ái... nhân phiền não nên khởi các nghiệp; khởi các nghiệp nên vào các đạo; vào các đạo nên thọ các thân; thọ các thân nên thọ các khổ vui; như tầm nhà thợ, vô có tự mình nhà ra lại tự trói lấy mình, chịu khổ đốt nấu. Thánh nhân do lực trí tuệ thanh tịnh phân biệt hết thảy pháp gốc ngọn đều không, muốn độ chúng sanh nên nói chỗ chúng sanh đắm trước là năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới; các người chỉ vì vô minh mà sanh năm uẩn, tự làm tự đắm, nếu thánh nhân chỉ thuyết về **không** thời họ không thể đắc đạo, vì không sở nhân, không chỗ nhằm chán.

Hỏi: Ông nói hết thầy không, việc ấy không đúng, vì sao? Vì hết thầy pháp, mỗi mỗi nhiếp thủ tự tướng, như đất nhiếp thủ tướng cứng, nước nhiếp thủ tướng ướt, lửa nhiếp thủ tướng nóng, gió nhiếp thủ tướng động, tâm là tướng biết, tuệ là tướng biết, như vậy hết thầy pháp đều tự ở tướng nó, có sao nói không?

Đáp: Trong đoạn tánh không, tự tướng không ở trên đã phá rồi, nay sẽ nói lại: tướng không nhất định, không thể là tướng; như váng sữa, mật, keo, sáp... đều là tướng đất, khi hợp với lửa, tự bỏ tướng nó, chuyển thành tướng ướt; vàng, bạc, đồng, thiết hợp với lửa cũng tự bỏ tướng nó, biến thành tướng ướt; như nước gặp lạnh thành băng, đổi làm tướng đất; như người ngủ say; người vào vô tâm định; cá trong băng giá, đều không tâm thức, bỏ tướng tâm nó, không giác tri gì; như tuệ là tướng biết, khi vào thật tướng các pháp, thời không còn giác tri, tự bỏ tướng biết. Cho nên các pháp không có tướng nhất định.

Lại nữa, nếu bảo các pháp có tướng nhất định cũng không đúng, vì sao? Vì như tướng của pháp vị lai, không nên đi đến hiện tại; nếu đến hiện tại thời bỏ tướng vị lai; nếu không bỏ tướng vị lai mà vào hiện tại, thời vị lai là hiện tại, là không có quả báo vị lai; nếu hiện tại đi vào quá khứ, thời bỏ tướng hiện tại; nếu không bỏ tướng hiện tại mà vào quá khứ, thời quá khứ là hiện tại. Có các lỗi như vậy, nên biết các pháp không có tướng nhất định.

Lại nữa, nếu bảo pháp hữu vi, nhất định có ba tướng là sanh, trụ, diệt, pháp vô vi cũng có ba tướng là bất sanh, bất trụ, bất diệt. Ông cho pháp phi trí duyên diệt trong đời vị lai, (*tức là phi trạch diệt vô vi – N.D*); ấy là pháp hữu vi mà không có tướng hữu vi. Nếu ông cho phi trí duyên tận là tướng diệt; ấy cũng không đúng, vì sao? Vì vô thường diệt tận, ấy gọi là tướng diệt; chứ chẳng phải vì phi trí duyên diệt, nên gọi là tướng diệt. Như vậy mỗi mỗi không có tướng nhất định; nếu có tướng nhất định mà chẳng không, việc ấy không đúng!

Hỏi: Phải thật có pháp, chẳng không; vì phàm phu và thánh nhân biết khác nhau. Pháp của phàm phu biết là hư vọng; pháp của thánh nhân biết là chân thật; nương thánh trí thật nên bỏ pháp hư vọng, không thể nương hư vọng bỏ hư vọng?

Đáp: Vì pháp chỗ biết của phàm phu, cho nên nói thánh trí; nếu không pháp phàm phu thời không có pháp thánh; như không bệnh thời không có thuốc. Cho nên Kinh nói lìa pháp phàm phu, thời không có pháp thánh; tánh của pháp phàm phu tức là thánh pháp.

Lại nữa, thánh nhân đối với các pháp không thủ tướng cũng không đấm trước, vì vậy thánh pháp là chân thật; còn phàm phu đối với các pháp thủ tướng và đấm trước, vì vậy pháp phàm phu là hư vọng. Thánh nhân tuy dùng mà không thủ tướng, không thủ tướng nên không có tướng nhất định, như vậy không nên cật nạn. Ở địa vị phàm phu đấm pháp nên phân biệt là thánh pháp, là phàm phu pháp; nếu ở địa vị hiền thánh thời không phân biệt, chỉ vì dứt bệnh cho chúng sanh nên nói là hư là thật, như nói: Phật ngữ chẳng hư chẳng thật, chẳng trói chẳng mở, chẳng một chẳng khác. Thế nên không phân biệt, thanh tịnh như hư không.

Lại nữa, nếu pháp chẳng đều không, thời chẳng nên nói *không lý luận* là tướng người trí; cũng chẳng nên nói *không lãnh thọ, không đấm trước, không chỗ nương tựa, không, vô tướng, vô tác* là chơn pháp.

Hỏi: Nếu hết thấy pháp không, thời chính đó cũng là thật, có sao nói không thật?

Đáp: Nếu hết thấy pháp không, giả sử cho nó là có pháp, thời nó đã vào trong hết thấy pháp bị phá; nếu cho nó là không pháp, thời không nên vấn nạn.

Hỏi: Nếu “hết thấy pháp không” là thật, sao trong tam tạng Phật phần nhiều nói vô thường, khổ, không, vô ngã, như Kinh nói: Phật bảo các Tỳ-kheo, Ta nói pháp cho các ông, gọi là đệ nhất nghĩa không. Thế nào là Đệ nhất nghĩa không? Mắt sanh không từ đâu lại, diệt không đi về đâu, chỉ có nghiệp của nghiệp quả báo, chứ người làm là không thể có được; tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng như vậy. Trong đây nếu nói sanh không từ đâu đến, diệt không đi về đâu, thường pháp là không thể có được, cho nên vô thường, chỉ có nghiệp và nghiệp quả báo, mà người làm là không thể có được; ấy là đệ nhất nghĩa không trong pháp Thanh văn, có sao nói hết thấy pháp không?

Đáp: Chấp ta là cội gốc của hết thấy phiền não, trước chấp năm uẩn làm ta, sau chấp ngoại vật làm của ta. Vì bị *cái ta* trói buộc nên sanh tham, giận; nhân tham giận nên khởi nghiệp, như Phật nói: *Không người làm* là phá chấp ta trong hết thấy pháp. Nếu nói mắt sanh không từ đâu đến, diệt không đi về đâu, tức là nói mắt vô thường; nếu vô thường tức là khổ, khổ tức là không ta, không của ta. Ta, của ta không có, nên tâm không đấm trước hết thấy pháp. Vì tâm không đấm trước, nên không sanh kiết sử. Không sanh kiết sử, thì cần gì nói không. Vì vậy trong tam tạng phần nhiều nói vô thường, khổ, không, vô ngã, mà không nói nhiều về hết thấy pháp không.

Lại nữa, chúng sanh tuy nghe Phật nói vô thường, khổ, không, vô ngã, mà cứ hý luận về các pháp. Vì hạng người ấy nên mới nói các pháp không; nếu không ta cũng không của ta, ấy tức là vào nghĩa không.

Hỏi: Cớ sao Phật nói có nghiệp có quả báo; nếu có nghiệp có quả báo ấy thời chẳng không?

Đáp: Phật dạy pháp có hai: 1. Là không ngã. 2. Là không pháp. Vì hạng người chấp có cái ta thường, nên vì họ nói *không người làm*; vì hạng người chấp đoạn diệt, nên vì họ mà nói có *nghiệp, có quả báo*. Nếu người nghe nói *không người làm* trở lại rơi vào chấp đoạn diệt, nên vì họ nói *có nghiệp, có nghiệp quả báo*. Năm uẩn có thể tạo nghiệp mà không đi đến đời sau, nhân năm uẩn này tương tục sanh năm uẩn khác thọ nghiệp quả báo. Cho nên nói thọ nghiệp quả báo; như mẹ và con thân tuy khác mà có nhân duyên liên hệ nên mẹ uống thuốc mà con lành bệnh. Như vậy năm uẩn đời nay, đời sau tuy khác nhau mà nhân duyên của nghiệp tội phước tương tục, nên từ năm uẩn đời nay tạo quả báo năm uẩn đời sau.

Lại nữa, có người tìm cầu tướng các pháp và đắm vào một pháp hoặc có hoặc không; hoặc thường hoặc vô thường. Vì đắm pháp nên pháp mình thì ưa, pháp người thì ghét, mà khởi nghiệp ác. Phật vì hạng người đó nên nói các pháp không. Các pháp không thời không có pháp, vì sao? Vì pháp đáng ưa hay sanh kiết sử, sanh kiết sử thời làm nhân duyên cho vô minh; nếu sanh vô minh, làm sao mà thật được, ấy là pháp không.

Lại nữa, chúng sanh có hai hạng: 1. Hạng đắm thế gian, 2. Hạng cầu ra khỏi thế gian. Hạng cầu ra khỏi thế gian có thượng, trung, hạ. Thượng là hạng lợi căn, có đại tâm cầu Phật đạo; trung là hạng trung căn, cầu Bích-chi Phật đạo; hạ là hạng độn căn, cầu Thanh văn đạo. Vì hạng người cầu Phật đạo mà nói sáu Ba-la-mật và pháp không; vì hạng cầu Bích-chi Phật mà nói mười hai nhân duyên và pháp độc hành; vì hạng cầu Thanh văn đạo, mà nói chúng sanh không và bốn chân đế. Hàng Thanh văn sợ ghét sanh tử, nghe nói chúng sanh không và bốn chân đế, vô thường, khổ, không, vô ngã, không hý luận các pháp; như nai trong vòng vây bị trúng tên độc, chỉ một mực cầu thoát, không còn nghĩ gì khác hơn. Hạng Bích-chi Phật tuy chán già, bệnh, chết, vẫn còn có thể một phần quán nhân duyên thâm sâu và có thể một phần độ chúng sanh; ví như con tê giác ở trong vòng vây, tuy bị trúng tên độc vẫn còn có thể quẹo luyển con nó. Bồ-tát tuy chán già, bệnh, chết, vẫn có thể quán thật tướng các pháp; cứu xét sâu tột vào mười hai nhân duyên, thông đạt pháp không, vào vô lượng pháp tánh; ví như voi

bạch hương chúa, ở trong vòng vây thợ săn, tuy bị tên bắn vẫn nhìn xem người thợ săn, tâm không sợ hãi, lại đem kẻ tùy tùng bước đi an ổn. Vì vậy, trong Tam Tạng không nói nhiều về pháp không.

Hoặc có kẻ Phạm-chí lợi căn, tìm thật tướng các pháp, không chán già, bệnh, chết, đấm các thứ pháp tướng. Phật vì hạng ấy nên nói pháp không. Đó là đối với Tiên ni Phạm-chí Phật không nói năm uẩn tức là thật, cũng không nói lìa năm uẩn là thật.

Lại đối với Phạm-chí Cưỡng Luận, Phật đáp: Trong pháp Ta không thọ nhận có và không, cứ sao ông luận có và không, ấy là hý luận pháp, chỗ sanh ra kiết sử.

Lại, kinh Đại Không trong Tạp A-hàm nói: hai thứ không là chúng sanh không và pháp không.

Trong kinh La-đà nói: sắc uẩn phá liệt phân tán làm cho không có gì.

Trong kinh Phiệt dụ nói: Pháp còn nên bỏ, huống là phi pháp.

Trong kinh Ba-la-diên, kinh Lợi chúng nói: Người trí đối với hết thảy pháp không lãnh thọ, không chấp trước. Nếu lãnh thọ, chấp trước pháp thời sanh hý luận; nếu không nương tựa thời không có luận gì.

Các thánh nhân đặc đạo đối với các pháp, không lấy không bỏ. Nếu không lấy bỏ, thì có thể lìa hết các kiến chấp.

Như vậy trong tam tạng nơi nói pháp không; ấy gọi là hết thảy pháp không.

15. Bất khả đắc không: Có người nói trong 5 uẩn, 12 nhập, 18 giới ngã và thường là không thể có được, cho nên gọi là bất khả đắc không.

Có người nói: trong các nhân duyên cầu thật pháp không thể có được; như trong năm ngón tay, tìm nắm tay không thể có được, cho nên gọi là bất khả đắc không.

Có người nói: hết thảy pháp và nhân duyên rất ráo không thể có được, cho nên gọi là bất khả đắc không.

Hỏi: Có sao gọi là bất đắc khả không? Vì trí lực kém, nên không thể có được; hay vì thật không, nên không thể có được?

Đáp: Các pháp thật không, cho nên không thể có được, chẳng phải do trí lực kém.

Hỏi: Nếu như vậy, với rốt ráo không, tự tướng không, không khác; sao nay còn nói lại bất khả đắc không?

Đáp: Nếu người nghe nói các không trên là hoàn toàn không có, trong lòng sợ sệt nghi hoặc, nay nói lý do không là vì tìm không thể có được; để dứt chỗ nghi sợ cho họ, nên Phật dạy bất khả đắc không, vì cớ sao? Vì Phật dạy ta từ khi mới phát tâm cho đến khi thành Phật, và mười phương Phật, đối với trong hết thầy pháp, tìm thật tánh không thể có được; ấy gọi là bất khả đắc không.

Hỏi: Việc ấy bất khả đắc?

Đáp: Hết thầy pháp cho đến Vô dư Niết-bàn không thể có được, cho nên gọi là bất khả đắc không.

Lại nữa, hành giả ngộ được bất khả đắc không ấy, thời không đắc ba độc, bốn dòng, bốn trói, năm triền cái, sáu ái, bảy sử, tám tà, chín kiết, mười ác, các tệ ác cấu nhiễm, trói buộc đều không thể có được, nên gọi là bất khả đắc không.

Hỏi: Nếu như vậy, tu hành bất khả đắc không, thời đắc pháp gì?

Đáp: Đắc giới, định, tuệ, đắc bốn quả Sa-môn, năm căn, năm chủng vô học (năm uẩn vô lậu – N.D), sáu xả pháp, bảy giác chi, tám Thánh đạo phần, chín thứ đệ định, mười pháp vô học (*bậc vô học A-la-hán thành tựu mười pháp vô học: vô học chánh kiến, vô học chánh tư duy, vô học chánh ngữ, vô học chánh nghiệp, vô học chánh mạng, vô học chánh tinh tấn, vô học chánh niệm, vô học chánh định, vô học chánh giải thoát, vô học chánh trí – N.D*), như vậy là được pháp Thanh văn. Nếu có được Bát-nhã ba-la-mật thời đầy đủ sáu Ba-la-mật, và công đức mười địa.

Hỏi: Trên kia nói hết thầy pháp cho đến Niết-bàn là không thể có được; sao nay nói được giới, định, tuệ cho đến công đức mười địa?

Đáp: Pháp ấy tuy được, đều đưa tới bất khả đắc không. Vì không lãnh thọ chấp trước ấy, gọi là bất khả đắc; vì là pháp vô vi, nên gọi là bất khả đắc; vì là thánh đế, nên gọi là bất khả đắc; vì là đệ nhất nghĩa đế, nên gọi là bất khả đắc. Thánh nhân tuy được các công đức vì vào Vô dư Niết-bàn, nên không cho là được; còn phàm phu thì cho là được lớn; như con sư tử tuy có làm không tự cho là lạ, các loài khác thấy cho là hy hữu. Thánh nhân tuy có đắc mà không cho là được; ấy gọi là bất khả đắc không.

16, 17, 18. Vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không: Vô pháp không là, có người nói: Vô pháp tức là pháp đã diệt. Pháp diệt ấy là không, nên gọi là vô pháp không. Hữu pháp không là các pháp nhân duyên hòa hợp sanh, cho nên có pháp. Hữu pháp ấy không có, nên gọi là hữu pháp không. Vô pháp hữu pháp không là tìm tướng vô pháp hữu pháp không thể có được; ấy là vô pháp hữu pháp không.

Lại nữa, quán vô pháp hữu pháp không, cho nên gọi là vô pháp hữu pháp không.

Lại nữa, hành giả quán các pháp sanh, diệt, hoặc hữu môn, hoặc vô môn; đối sanh môn thì sanh mừng, đối diệt môn thì sanh lo. Hành giả quán pháp sanh không, thời diệt tâm mừng; quán pháp diệt không, thời diệt tâm lo, vì có sao? Vì sanh không được gì, diệt không mất gì. Vì để trừ thế gian tham ưu nên gọi là vô pháp hữu pháp không.

Lại nữa, trong mười tám không, ba phẩm không đầu phá hết thấy pháp, ba phẩm không sau cũng phá hết thấy pháp: Hữu pháp không, phá hết thấy pháp khi sanh, khi trụ; vô pháp không, phá hết thấy pháp thì diệt; vô pháp hữu pháp không, phá chung cả sanh diệt một lúc.

Lại nữa, có người nói: pháp quá khứ vị lai không, ấy gọi là vô pháp không; pháp hiện tại và pháp vô vi không, ấy gọi là hữu pháp không, vì có sao? Vì pháp quá khứ diệt mất, biến dị quy về không; pháp vị lai nhân duyên chưa hòa hợp, chưa sanh, chưa có, chưa xuất, chưa khởi, vì vậy nên gọi là vô pháp. Quán biết pháp hiện tại và pháp vô vi hiện có, ấy là hữu pháp. Cả hai pháp đó đều không, nên gọi là vô pháp hữu pháp không.

Lại nữa, có người nói: pháp vô vi không sanh, trụ, diệt, ấy gọi là vô pháp; pháp hữu vi có sanh trụ, diệt, ấy gọi là hữu pháp. Các không như vậy, gọi là vô pháp hữu pháp không.

Ấy là Bồ-tát muốn an trụ nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

(Hết cuốn 31 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 32

Chương 44

Giải Thích: Nghĩa Bốn Duyên

Kinh: Bồ-tát ma-ha-tát muốn biết nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên của các pháp, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận: Hết thấy pháp hữu vi đều từ bốn duyên sanh, đó là: nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên.

Nhân duyên: tương ưng nhân, cộng sanh nhân, tự chủng nhân, biến nhân, báo nhân. Năm nhân ấy gọi là nhân duyên.

Lại nữa, hết thấy pháp hữu vi, cũng gọi là nhân duyên.

Thứ đệ duyên (duyên thứ lớp): trừ tâm tâm số pháp quá khứ, hiện tại và tối hậu của A-la-hán, các tâm tâm số pháp quá khứ, hiện tại khác đều có thể làm thứ đệ duyên; ấy gọi là thứ đệ duyên.

Duyên duyên, tăng thượng duyên: là tất cả pháp.

Lại nữa, Bồ-tát muốn biết tướng riêng tướng chung của bốn duyên, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Như trong Bát-nhã ba-la-mật, bốn duyên đều không thể có được, vì có sao? Vì nếu trong nhân trước đã có quả, việc ấy không đúng; trong nhân trước không có quả, cũng không đúng. Nếu trước có quả, thời không cần nhân; nếu trước không quả mà vẫn có, thời cũng có thể từ không nhân mà sanh.

Lại nữa, thấy quả từ nhân sanh, nên gọi là nhân, nếu trước không quả, làm sao gọi là nhân.

Lại nữa, nếu quả từ nhân sanh, quả tức thuộc nhân, nhân không tự tại, lại thuộc nhân khác. Nếu nhân không tự tại sao nói quả chỉ từ nhân ấy sanh. Do các việc như vậy, nên biết không có nhân duyên.

Lại, tâm tâm số pháp quá khứ đều đã diệt, không tạo tác được gì, làm sao có thể làm thứ đệ duyên. Hiện tại có tâm thời không thứ đệ, nếu làm thứ đệ cho tâm sắp sanh trong đời vị lai, thời tâm vị lai chưa có, làm sao cùng làm thứ đệ, như vậy thời không thứ đệ duyên.

Nếu như hết thầy pháp vô tướng, vô duyên, có sao nói *duyên duyên*?

Nếu hết thầy pháp không thuộc gì, không nương gì, tất cả đều bình đẳng, có sao nói tăng thượng duyên?

Như vậy bốn duyên đều không thể có được, có sao nói: muốn biết bốn duyên nên học Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Ông không biết tướng Bát-nhã ba-la-mật, vì vậy nên nói trong Bát-nhã ba-la-mật, bốn duyên đều không thể có được. Bát-nhã ba-la-mật đối với hết thầy pháp không bỏ, không phá, rất ráo thanh tịnh, không các hý luận; như Phật nói có bốn duyên, chỉ vì người thiếu trí, chấp trước nơi bốn duyên mà sanh tà luận. Vì để phá chấp trước ấy, nên nói các pháp thật không, không phá hoại gì, như tâm pháp do nhân duyên nội xứ ngoại xứ (*sáu căn sáu trần – N.D*) hòa hợp sanh, tâm ấy như huyễn như mộng, hư dối không có tánh nhất định. Tâm số pháp cũng như vậy, tâm số pháp cộng sanh với tâm ấy là thọ, tưởng, tư... Tâm số pháp ấy với tâm đồng tướng, đồng duyên, nên gọi là tương ưng. Tâm lấy tâm số pháp tương ưng làm nhân, tâm số pháp lấy tâm tương ưng làm nhân, ấy gọi là tương ưng nhân.

Tương ưng nhân: ví như người thân hữu tri thức hòa hợp nhau làm thành sự.

Cộng sanh nhân: hết thầy pháp hữu vi, đều có cộng sanh nhân. Vì cộng sanh nên giúp đỡ nhau; ví như anh em đồng sanh, nên giúp đỡ lẫn nhau.

Tự chủng nhân: hạt giống thiện quá khứ là nhân của thiện pháp trong đời hiện tại, vị lai; hạt giống thiện quá khứ, hiện tại là nhân của thiện pháp trong đời vị lai. Bất thiện vô ký cũng như vậy. Như vậy hết thầy pháp, đều có cái nhân hạt giống của chính mình.

Biến nhân: kiết sử do thấy và tu Khổ đế, Tập đế mà được đoạn trừ là nhân của hết thầy pháp cấu nhiễm; ấy là biến nhân.

Báo nhân: do nhân duyên hành nghiệp nên thọ quả báo thiện ác, ấy là báo nhân. Năm nhân ấy gọi là *nhân duyên*.

Tâm tâm số pháp thứ lớp nối nhau không xen hở, nên gọi là *thứ đệ duyên* (tức đẳng vô gián duyên).

Tâm tâm số pháp duyên theo sáu trần phát sanh, nên gọi là *duyên duyên*.

Khi các pháp sanh, không làm chướng ngại nhau; ấy là *vô chướng duyên* (tức tăng thượng duyên).

Lại nữa, tâm tâm số pháp từ bốn duyên sanh; vô tướng, diệt tận định từ ba duyên sanh, trừ duyên duyên; các tâm bất tương ưng hành khác và sắc, từ hai duyên sanh, trừ thứ đệ duyên và duyên duyên.

Các pháp hữu vi tánh yếu kém, nên không có pháp nào từ một duyên sanh.

Tâm tâm số pháp do quả báo sanh thì từ năm nhân sanh, vô phú vô ký, vì chẳng phải pháp ô cấu nên trừ biến nhân. Các phiền não cũng từ năm nhân sanh, trừ báo nhân, vì có sao? Vì các phiền não là hữu phú; còn báo là vô phú (vô ký) nên trừ báo nhân. Sắc do quả báo sanh và tâm bất tương ưng hành từ bốn nhân sanh; vì nó chẳng phải tâm tâm số pháp nên trừ tương ưng nhân; vì nó là pháp vô phú vô ký, nên trừ biến nhân. Sắc nhiễm ô và các tâm bất tương ưng hành cũng từ bốn nhân sanh. Vì nó chẳng phải tâm tâm số pháp nên trừ tương ưng nhân; và vì nó cấu nhiễm nên trừ báo nhân. Các tâm tâm số pháp khác, trừ vô lậu tâm ban đầu, đều từ bốn nhân sanh, trừ báo nhân, biến nhân, vì có sao? Vì chẳng phải vô ký nên trừ báo nhân, và vì chẳng phải ô cấu nên trừ biến nhân. Các pháp bất tương ưng khác là sắc và tâm bất tương ưng hành, nếu có tự chủng nhân thời từ ba nhân sanh, trừ tương ưng nhân, báo nhân, biến nhân. Nếu không có tự chủng nhân thời từ hai nhân sanh, là cộng sanh nhân và vô chướng nhân. Tâm tâm số pháp vô lậu ban đầu, từ ba nhân sanh, là tương ưng nhân, cộng sanh nhân, vô chướng nhân. Sắc và các tâm bất tương ưng hành trong tâm vô lậu ban đầu ấy, từ hai nhân sanh, là cộng sanh nhân và vô chướng nhân. Không một pháp nào từ một nhân sanh, hoặc từ sáu nhân sanh; ấy gọi là bốn duyên.

Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật quán bốn duyên như vậy, tâm không vướng mắc; tuy phân biệt pháp ấy, mà biết nó không, đều như huyền hóa; trong huyền hóa tuy có các sai biệt, người trí quán nó, biết không có thật, chỉ dối gạt con mắt. Vì phân biệt biết pháp người phàm phu đều là người điên đảo hư dối mà không thật, nên có bốn duyên. Như vậy thế nào là thật? Pháp hiện thánh nhân từ pháp phàm phu sanh, nên cũng không thật; như đã nói trong chương 18 không.

Bồ-tát ở trong Bát-nhã ba-la-mật, không có một pháp có tánh nhất định khả thủ nên không thể phá. Vì chúng sanh chấp trước vào không pháp do nhân duyên sanh nên gọi là có thể phá; ví như trẻ con thấy trăng trong nước, tâm sanh ưa đắm, muốn lấy mà không thể lấy được, tâm lại ưu não. Người trí dạy rằng: tuy

có thể mắt thấy, mà không thể tay lấy, đây chỉ phá cái có thể lấy, không phá cái có thể thấy. Bồ-tát quán biết các pháp từ bốn duyên sanh, mà không chấp thủ tướng nhất định trong bốn duyên. Bốn duyên hòa hợp sanh như trong nước, tuy là hư dối không có gì, nhưng phải từ trống và nước làm nhân duyên sanh, chứ không từ duyên khác có được. Các pháp cũng như vậy, mỗi mỗi tự do nhân duyên sanh, không có thật nhất định. Vì vậy nên nói: Bồ-tát muốn như thật biết tướng nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Nếu muốn biết rộng nghĩa bốn duyên, nên học A-tỳ-đàm, cứ sao trong đây nói muốn biết nghĩa bốn duyên, nên học Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Nghĩa bốn duyên trong A-tỳ-đàm kẻ sơ học như nắm được chỗ thật của nó, lại tìm vào sâu hơn mà bị rơi trong tà kiến; như trước đã nói trong đoạn nghĩa phá bốn duyên.

Lại nữa, sở nhân của các pháp là nhân nơi bốn duyên, bốn duyên lại nhân nơi cái gì? Nếu có nhân thời vô cùng, nếu không nhân thời vô thỉ, nếu vô thỉ thời vô nhân; nếu vậy thời hết thấy pháp đều nên phải vô nhân! Nếu có thỉ, thỉ thời không có sở nhân. Nếu không sở nhân mà có, thời không đợi nhân duyên. Nếu vậy thời hết thấy pháp cũng không đợi nhân duyên mà có.

Lại nữa, các pháp từ nhân duyên sanh có hai thứ: hoặc trong nhân duyên trước đã có, thời không đợi nhân duyên mà sanh, thời chẳng phải nhân duyên; hoặc trong nhân duyên trước không có, thời không có mỗi mỗi nhân duyên. Vì lý luận bốn duyên, nên có các lỗi như vậy, còn như Bát-nhã ba-la-mật là không, bất khả đắc, thời không có các lỗi như vậy; như người thế gian mắt, tai thấy sanh, già, bệnh, chết, ấy thời là có, mà tìm kỹ tướng nó thời không thể có được. Vì vậy nên trong Bát-nhã ba-la-mật, chỉ trừ tà kiến mà không phá bốn duyên.

Cho nên nói: muốn biết bốn duyên, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Kinh: Muốn biết các pháp như, pháp tánh, thật tế, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Đây Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát nên như vậy trụ trong Bát-nhã ba-la-mật.

Luận: Các pháp *Như* có hai: 1. Mỗi mỗi tướng. 2. Thật tướng.

Mỗi mỗi tướng là như đất tướng cứng, nước tướng ướt, lửa tướng nóng, gió tướng động. Như vậy phân biệt các pháp đều tự có tướng riêng.

Thật tướng, nơi mỗi tướng ấy phân biệt tìm thật thể không thể có được, không thể phá, không các quấy lỗi. Như trong đoạn Tự tướng không đã nói: đất nếu thật là tướng cứng, có sao keo, sáp... khi gặp lửa thì bỏ tự tánh nó (*ở đây chữ tướng, tánh đồng nghĩa – N.D*); người có thân thông vào đất như nước? Lại phân tán cây, đá, thỏi sắt tướng cứng? Lại phá đất để làm thành vi trần, lấy phương hướng phá vi trần, cuối cùng quay về không, cũng mất tướng cứng? Như vậy suy tìm tướng đất không thể có được. Nếu không thể có được, vậy nó thật đều không, “không” là thật tướng của đất. Tất cả tướng riêng đều cũng như vậy; ấy gọi là *Như*.

Pháp tánh: như trước nó mỗi mỗi pháp *không*, không có phẩm trật sai khác, ấy là như: đồng là *một không*, ấy là pháp tánh.

Pháp tánh ấy cũng có hai: 1. Dùng tâm không chấp trước phân biệt các pháp, tự có tánh riêng. 2. Gọi là vô lượng pháp, đó là thật tướng các pháp. Như kinh Trì Tâm nói: pháp tánh vô lượng, hàng Thanh văn tuy đắc pháp tánh, vì trí có lượng nên không thể nói vô lượng; như người tuy đi đến biển lớn, vì đồ đựng nhỏ nên không thể lấy vô lượng nước, ấy là pháp tánh.

Thật tế: Lấy pháp tánh làm chỗ thật chứng, nên gọi là tế. Lại như A-la-hán gọi là trú nơi thật tế.

Hỏi: Như, pháp tánh, thật tế, ba sự là một hay là khác? Nếu một có sao nói ba, nếu ba thì nay nên phân biệt nói?

Đáp: Ba ấy đều là tên khác của thật tướng các pháp, vì có sao? Vì phạm phu vô trí, đối hết thấy pháp khởi tâm tà quán cho là thường, lạc, tịnh, thật, ngã... còn đệ tử Phật quán đúng như bản tướng các pháp, khi ấy không thấy thường, ấy gọi là vô thường; không thấy vui, ấy gọi là khổ; không thấy tịnh, ấy gọi là bất tịnh; không thấy thật, ấy gọi là không; không thấy ngã ấy gọi là vô ngã. Nếu không thấy thường mà lại thấy lại thấy vô thường, ấy là vọng kiến; thấy khổ, không, vô ngã, bất tịnh cũng như vậy, ấy gọi là như. Như là đúng như bản tướng, không thể phá hoại. Vì vậy nên Phật nói ba pháp là pháp ấn, đó là hết thấy pháp hữu vi vô thường ấn, hết thấy pháp vô ngã ấn, Niết-bàn tịch diệt ấn.

Hỏi: Ba pháp ấn ấy, trong Bát-nhã ba-la-mật, đều phá hoại hết, như Phật bảo Tu-bồ-đề: nếu Bồ-tát ma-ha-tát quán sắc thường, là không thực hành Bát-nhã ba-la-mật; quán sắc vô thường là không thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Quán khổ, lạc, ngã, vô ngã, tịch diệt, phi tịch diệt cũng như vậy, như vậy có sao gọi là pháp ấn?

Đáp: Hai Kinh đều là Phật dạy. Như trong kinh Bát-nhã ba-la-mật, rõ ràng nói thật tướng các pháp. Người có điên đảo chấp trước thường, nên bỏ thường kiến mà không chấp trước vô thường, ấy gọi là pháp ấn; chứ không phải bỏ thường chấp trước vô thường, cho là pháp ấn được. Ngã, cho đến tịch diệt cũng như vậy. Trong Bát-nhã ba-la-mật phá cái kiến chấp vô thường... chứ không phải phá cái không lãnh thọ không chấp trước. Được các pháp Như rồi, thời vào pháp tánh, diệt các quán niệm, không sanh dị tín, tánh nó tự như vậy; ví như trẻ con thấy trăng trong nước, vào nước để tìm, tìm không được liền sàu. Người trí nói: tánh nó tự như vậy, chớ ưu sàu, khéo vào pháp tánh ấy là thật tế.

Hỏi: Trong giáo pháp Thanh văn có sao không nói là như, pháp tánh, thật tế; mà trong giáo pháp Đại thừa nơi nơi đều nói?

Đáp: Trong giáo pháp Thanh văn cũng có chỗ nói, chỉ ít thôi. Như trong kinh Tạp A-hàm nói: có một Tỳ-kheo hỏi Phật: mười hai nhân duyên là Phật làm hay người khác làm? Phật bảo Tỳ-kheo: Ta không làm mười hai nhân duyên, cũng chẳng phải người khác làm. Có Phật không Phật, các pháp như, pháp tướng, pháp vị thường có, đó là cái này có nên cái kia có; cái này sanh nên cái kia sanh; như vô minh làm nhân duyên nên có các hành; các hành làm nhân duyên nên có thức; cho đến già chết làm nhân duyên nên có ưu, bi, khổ, não. Cái này không nên cái kia không; cái này diệt nên cái kia diệt; như vô minh diệt nên các hành diệt, các hành diệt nên thức diệt; cho đến già chết diệt nên ưu, bi, khổ, não diệt. Pháp sanh diệt như vậy, có Phật không Phật, vẫn thường như vậy, ấy là chỗ nói Như.

Lại như kinh Xá-lợi-phất sư tử hống trong Tạp A-hàm nói: Phật hỏi Xá-lợi-phất một cú nghĩa, ba lần hỏi ba lần không thể đáp. Phật khai thị cho Xá-lợi-phất chút ít rồi vào tịnh thất. Xá-lợi-phất nhóm các Tỳ-kheo, nói với các Tỳ-kheo rằng: Phật chưa khai thị đầu mối sự việc cho tôi, nên tôi không thể đáp liền. Nay tôi đối pháp ấy, qua bảy ngày bảy đêm diễn nói việc ấy không cùng tận.

Lại có một Tỳ-kheo bạch Phật: sau khi Phật vào tịnh thất, Xá-lợi-phất cất tiếng rống sư tử mà tự tán thán.

Phật bảo Tỳ-kheo: Xá-lợi-phất nói thật không hư dối, vì có sao? Vì Xá-lợi-phất khéo thông đạt pháp tánh.

Trong giáo pháp Thanh văn, quán tướng sanh diệt các pháp, ấy là *như*; diệt hết thấy các quán niệm, được thật tướng các pháp; ấy là chỗ nói *Pháp tánh*.

Hỏi: Chỗ ấy chỉ nói như, pháp tánh, còn chỗ nào nói thật tế?

Đáp: Hai việc ấy vì có nhân duyên khởi nên nói, còn thật tế không nhân duyên nên không nói thật tế.

Hỏi: Thật tế tức là Niết-bàn, vì Niết-bàn mà Phật nói mười hai bộ kinh, có sao nói không nhân duyên?

Đáp: Niết-bàn có nhiều tên gọi, hoặc gọi là ly, hoặc gọi là diêu, hoặc gọi là xuất, như vậy là nói thật tế, chỉ không nói tên gọi, nên nói là không nhân duyên.

Lại nữa, các pháp Như là, như các pháp khi chưa sanh; khi sanh cũng như vậy; sanh rồi qua đi, hiện tại cũng như vậy. Các pháp ba đời bình đẳng, ấy gọi là Như.

Hỏi: Nếu pháp chưa sanh gọi là chưa có, pháp sanh hiện tại thời có pháp, sử dụng được; nhân pháp hiện tại có tướng sự dụng mà truy nhớ việc đã qua, ấy gọi là quá khứ. Ba đời khác nhau, không nên như thật làm một, có sao nói ba đời bình đẳng, ấy gọi là Như?

Đáp: Trong thật tướng các pháp, ba đời bình đẳng một không khác, như trong phẩm Như của kinh Bát-nhã ba-la-mật nói: quá khứ như, vị lai như, hiện tại như, như lai như, nhất như không có khác.

Lại nữa, trong phần luận nghị ở trước đã phá pháp sanh. Nếu không sanh thời vị lai, hiện tại cũng không sanh, có sao không bình đẳng!

Lại đời quá khứ không đầu, đời vị lai không cuối, đời hiện tại không an trụ, vì vậy nên ba đời bình đẳng gọi là Như. Thực hành như ấy rồi vào trong pháp tánh vô lượng.

Pháp tánh: Pháp là Niết-bàn, không thể phá hoại, không thể hủy luận. Phật tánh là hạt giống trong chính, như trong đá vàng có kim tánh, trong đá trắng có ngân tánh. Như vậy trong hết thầy pháp thế gian đều có tánh Niết-bàn. Chư Phật hiện thánh lấy trí tuệ, phương tiện, trì giới, thiền định, giáo hóa dẫn đạo, khiến được Niết-bàn pháp tánh ấy. Người lợi căn biết ngay các pháp ấy đều là pháp tánh, ví như người có thần thông có thể biến ngói đá thành vàng, còn người độn căn, phải phương tiện phân biệt tìm cầu, mới được pháp tánh, ví như đúc hàn đá vụn sau được vàng.

Lại nữa, như tánh nước chảy xuống, nên dồn về biển, hợp làm một vị. Các pháp cũng như vậy, hết thầy tướng chung tướng riêng đều quy về pháp tánh, đồng

làm một tướng, gọi là pháp tánh; như Kim cương ở đỉnh núi, dần dần xoi xuống đến mé đất Kim cương, đến tự tánh mới ngừng. Các pháp cũng như vậy; dùng trí tuệ phân biệt truy tìm đã đến trong Như, từ Như vào tự tánh, như vốn chưa từng sanh, dứt các hý luận, gọi là Pháp tánh; lại như trâu ghé quanh quần kêu la, gặp được mẹ mới thôi. Các pháp cũng như vậy, đủ thứ sai khác, lấy bỏ không đồng, được đến tự tánh mới ngừng, không còn chỗ đến nữa; ấy gọi là *Pháp tánh*.

Thật tế: như trước nói, pháp tánh gọi là thật, chỗ vào đến gọi là tế.

Lại nữa, mỗi mỗi pháp có chín thứ: 1. Có tự thể. 2. Mỗi mỗi có pháp: như mắt, tai tuy đồng do bốn đại đạo thành, nhưng chỉ mắt nhìn thấy mà tai không có công hiệu; lại như lửa lấy nóng làm pháp, mà không thể thấm ướt. 3. Các pháp đều có lực, như lửa lấy sự đốt cháy làm lực; nước lấy sự thấm ướt làm lực. 4. Các pháp đều tự có nhân. 5. Các pháp đều tự có duyên. 6. Các pháp đều tự có quả. 7. Các pháp đều tự có tánh. 8. Các pháp đều có giới hạn trở ngại. 9. Các pháp đều có phương tiện khai thông. Các pháp khi sanh, thể và pháp khác có chín việc. Biết pháp ấy mỗi mỗi có đầy đủ thể và pháp; ấy gọi là thế gian *hạ như*. Biết chín pháp ấy cuối cùng quy về biến dị tận diệt; ấy gọi là *trung như*; ví như thân này từ bất tịnh sanh ra, tuy tắm rửa trang sức, cuối cùng quy về bất tịnh. Biết pháp ấy chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải sanh, chẳng phải diệt, dứt các quán pháp, rốt ráo thanh tịnh; ấy gọi là *thượng như*.

Lại nữa, có người nói trong chín sự ấy có pháp, ấy gọi là như, ví như pháp của đất cứng và nặng, pháp của nước lạnh và ướt, pháp của lửa nóng và chiếu sáng, pháp của gió nhẹ và động, pháp của tâm hiểu và biết. Các pháp như vậy gọi là như; như trong Kinh nói: có Phật không Phật, thì như, pháp tướng, pháp vị vẫn thường trú thế gian, nghĩa là vô minh làm nhân duyên cho các hành, thường như bốn pháp.

Pháp tánh là tánh trong chín pháp.

Thật tế là được quả chứng trong chín pháp.

Lại nữa, các pháp thật tướng, thường trú không lay động, chúng sanh vì các phiền não vô minh... nên đối với thật tướng thay đổi quanh co, chư Phật, hiền thánh dùng nhiều phương tiện thuyết pháp, phá các phiền não vô minh... khiến chúng sanh trở lại ngộ được thật tánh, như bốn nguyên không khác, ấy gọi là Như.

Thật tánh hợp cùng vô minh cho nên biến đổi, mà không thanh tịnh, nếu trừ bỏ vô minh, được thật tánh nó, ấy gọi là pháp tánh thanh tịnh.

Thật tế là vào trong pháp tánh, biết pháp tánh vô lượng vô biên, rất là vi diệu, không còn pháp nào hơn pháp tánh, ra ngoài pháp tánh. Tâm đầy đủ không còn cầu gì khác, thời liền tác chứng; ví như đi đường, ngày ngày dẫn bước không ngừng nghỉ, đến chỗ cần đến, không còn tâm muốn đi nữa. Hành giả trú ở thật tế, cũng lại như vậy; như A-la-hán, Bích-chi Phật trú ở thật tế, giả sử lại có hàng sa chú Phật vì họ thuyết pháp, cũng không thể làm tăng tấn thêm, lại không còn sanh vào ba cõi.

Nếu Bồ-tát vào pháp tánh ấy, xa biết thật tế, hoặc chưa đầy đủ sáu Ba-la-mật, mà giáo hóa chúng sanh, bấy giờ nếu đắc chứng thì trở ngại việc thành Phật đạo. Nên khi ấy Bồ-tát dùng lực đại bi tinh tấn, trở lại tu các hạnh.

Lại nữa, biết trong thật tướng các pháp không có pháp thường, không có pháp lạc, không có pháp ngã, không có pháp thật, cũng bỏ các pháp quán. Như vậy hết thầy pháp quán đều diệt, ấy là chư pháp thật như Niết-bàn. Bất sanh bất diệt, như vốn chưa hề sanh; ví như nước là tướng lạnh, nhờ lửa trở nên nóng; nếu lửa tắt nóng hết, trở lại lạnh như trước. Dùng các pháp quán như nước được lửa, nếu dứt các pháp quán như lửa tắt nước lạnh; ấy gọi là Như. Như thật thường trú, vì có sao? Vì các pháp tánh tự như vậy, ví như hết thầy sắc pháp đều có phần không, trong các pháp đều có tánh Niết-bàn, ấy gọi là pháp tánh. Các pháp phương tiện để được Niết-bàn cũng gọi là pháp tánh. Nếu khi được chứng, thời Như, Pháp tánh trở thành Thật tế.

Lại nữa, pháp tánh là vô lượng vô biên, chẳng phải tâm tâm số pháp lường được; ấy gọi là pháp tánh. Thâm diệu cùng cực nơi đây; ấy gọi là chơn tế.

Kinh: Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát muốn đếm biết số vi trần các núi đại địa trong ba ngàn đại thiên thế giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát ma-ha-tát muốn chẻ một sợi lông làm trăm phần, muốn lấy một phần lông cất lên hết nước của ao hồ, sông ngòi, biển lớn trong ba ngàn đại thiên thế giới mà không quấy động thủy tánh, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Trong ba ngàn đại thiên thế giới, lửa cũng bốc cháy trong một lúc; giống như lửa cháy lúc kiếp tận, Bồ-tát ma-ha-tát muốn thổi một hơi làm cho tắt hết, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Trong ba ngàn đại thiên thế giới, gió lớn nổi lên, muốn thổi tan ba ngàn đại thiên thế giới, gió lớn nổi lên, muốn thổi tan ba ngàn đại thiên thế giới và các núi Tu-di,

như xô cỏ mục, Bồ-tát ma-ha-tát muốn lấy một ngón tay ngăn sức gió ấy không cho nổi dậy, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Hỏi: Sao Phật không tán thán công đức lực độ của các Bồ-tát, mà lại tán thán đại lực này?

Đáp: Chúng sanh có hai hạng: một hạng ưa thiện pháp, một hạng ưa quả báo thiện pháp. Vì hạng ưa thiện pháp nên tán thán các công đức; vì hạng ưa quả báo thiện pháp nên tán thán lực đại thần thông.

Lại nữa, có người nói, tên bốn đại, nó thật cũng vô lượng vô biên, thường có ở đời nên không thể làm di động hết để lường nó nhiều ít. Người ta tuy có tạo dựng thành quách điện đài, dùng nó rất ít, mà sự rộng lớn của đất, chở nuôi muôn vật, rất là bền chắc. Vì vậy nên Phật dạy đối với vi trần các núi Tu-di và đất trong ba ngàn đại thiên thế giới, đều muốn biết hết số lượng của nó; và đối với nghiệp nhân duyên mỗi mỗi chúng sanh, có phần trong mỗi mỗi vi trần, Bồ-tát muốn biết nó nhiều ít, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Vi trần của một cục đá cục đất còn khó đếm được, huống chi số vi trần của đất và các núi trong ba ngàn đại thiên thế giới. Điều ấy không thể tin?

Đáp: Trí tuệ của Thanh văn, Bích-chi Phật còn không thể biết, huống chi phàm phu. Việc ấy là việc chư Phật đại Bồ-tát biết. Như kinh Pháp Hoa nói: ví như đất và các núi của ba ngàn đại thiên thế giới, nghiền thành vi trần, qua ngàn thế giới phương đông thả một bụi trần, như vậy qua mỗi ngàn thế giới lại thả một bụi trần, như vậy thả hết các vi trần của ba ngàn đại thiên thế giới. Phật bảo Tỳ-kheo: số thế giới vi trần ấy có thể toán số trừ lượng biết được chăng? Các Tỳ-kheo thưa: không thể biết được. Phật dạy: các nước có thể dính bụi không dính bụi ấy đều nghiền hết làm bụi. Phật Đại Thông Tuệ từ khi ra đời đến nay, kiếp số cũng như vậy. Số vi trần của vô lượng hằng sa thế giới như vậy, chư Phật và đại Bồ-tát đều biết hết, huống gì một hằng sa thế giới.

Lại nữa, vô lượng là theo tâm người mà nói. Như nước đại hải gọi là vô lượng, sâu tám vạn do tuần (mỗi do tuần độ mười sáu dặm) nhưng chúa A-tu-la La-hầu thân lớn, lường nó nhiều ít còn chẳng cho là khó.

Hỏi: Tại sao thực hành Bát-nhã ba-la-mật được trí tuệ ấy?

Đáp: Người thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dứt các phiền não và tà kiến hý luận, vào thiền định thâm sâu của Bồ-tát, niệm trí thanh tịnh tăng rộng, nên có thể phân biệt vi trần các sắc, biết số lượng của nó.

Lại nữa, chư Phật và đại Bồ-tát, được vô ngại giải thoát, nên quá hơn việc ấy, còn không cho là khó, huống gì từng ấy.

Lại nữa, có người cho đất là cứng chắc, tâm không hình chất đều là hư vọng, vì vậy nên Phật dạy tâm lực rất lớn. Thực hành Bát-nhã ba-la-mật nên nghiền nát đại địa làm vi trần, vì đất có sắc, hương, vị, xúc nặng nề nên tự không động tác được, nước thiếu hương nên động tác hơn đất, lửa thiếu hương và vị nên động tác hơn nước, gió thiếu sắc, hương và vị nên động tác hơn lửa; tâm không có bốn thứ sắc, hương, vị, xúc, nên sức động tác lớn.

Lại tâm vì có nhiều phiền não kiết sử trói buộc nên làm cho tâm lực vi thiếu. Thiện tâm hữu lậu tuy không phiền não, nhưng vì tâm chấp thủ tướng các pháp, nên lực nó cũng ít. Tâm vô lậu của nhị thừa, tuy không chấp thủ tướng, mà vì trí tuệ có hạn lượng và đến khi ra khỏi tâm vô lậu đạo, sáu căn theo thể tục phân biệt, trở lại chấp thủ tướng các pháp, nên không phát huy hết tâm lực. Chư Phật và đại Bồ-tát trí tuệ vô lượng vô biên, thường thiền định, không phân biệt thế gian và Niết-bàn. Thật tướng các pháp, nó thật không khác, chỉ trí có hơn kém. Người thực hành Bát-nhã ba-la-mật, rốt ráo thanh tịnh, không có gì quái ngại, trong một niệm có thể đếm số vi trần đại địa và các núi trong ba ngàn đại thiên thế giới mười phương số như hằng hà sa, huống gì mỗi một hằng hà sa thế giới trong mười phương.

Lại nữa, nếu lìa Bát-nhã ba-la-mật, tuy được thần thông mà không thể biết như trên. Vì vậy nói muốn được đại thần lực, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Lại có người nói: trong hết thủy các vật, nước là lớn nhất, vì có sao? Vì bốn phía đại địa đều có nước. Nếu hộ thể thiên chủ không tiết độ trời mưa, lại không có ngọc làm tiêu nước thời trời đất bị trôi chìm. Lại nhờ nước mà chúng sanh số phi chúng sanh số đều được sanh trưởng. Do vậy, đủ biết nước là lớn nhất. Vì vậy Phật dạy Bồ-tát muốn biết giọt nước nhiều ít, phân tán từng giọt từng giọt làm cho vô lực, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Lại có người nói: lửa là lớn nhất, vì có sao? Vì không có hương và vị. Lại vì chỗ nước rất nhiều, mà lửa có thể làm khô, lực của hỏa đại, hay đốt cháy vạn vật, hay soi chỗ tối, vì vậy nên biết lửa là rất lớn. Thế nên Phật dạy Bồ-tát muốn thổi tắt hỏa đại, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Lửa hơn gió mà cháy bùng, có sao diệt nhau?

Đáp: Tuy nhân nhau, mà quá lắm thì diệt nhau.

Hỏi: Nếu như vậy, lửa nhiều vô lượng, miệng thổi, gió rất ít, làm sao diệt được?

Đáp: Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nhân thiên định được thần thông có thể biến thân làm cho lớn, gió trong miệng cũng lớn, cho nên thổi diệt được. Lại do thần lực, nên gió ít có thể làm tắt, ví như Kim cương nhỏ có thể phá núi lớn. Vì vậy chư thiên, người đời thấy thần lực ấy, thầy đều kính phục.

Lại nữa, Bồ-tát cho rằng lửa làm hại rộng lớn, vì thương chúng sanh nên đem thần lực diệt tắt.

Lại vì ba ngàn đại thiên thế giới thành lập rất khó, Bồ-tát do lực phước đức trí tuệ nên ngăn được nó.

Lại có người nói: trong bốn đại, sức gió rất lớn, vì không có sắc, hương, vị, tướng lay động rất lớn, vì có sao? Ví như hư không vô biên, gió cũng vô biên, mọi sự sanh, nuôi, thành, bại đều do nơi gió, thế của gió lớn xô nát các núi ba ngàn đại thiên thế giới. Vì vậy Phật dạy muốn lấy một ngón tay ngăn sức gió kia, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì thật tướng Bát-nhã ba-la-mật, vô lượng vô biên, làm cho sức ngón tay mạnh như vậy.

Kinh: Bồ-tát ma-ha-tát muốn ngồi kiết-già-phu một chỗ mà biến khắp hư không trong ba ngàn đại thiên thế giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Hỏi: Bồ-tát vì nhân duyên gì nên ngồi kiết- già-phu như vậy?

Đáp: Vì Phạm thiên vương chủ của ba ngàn thế giới, sanh tâm tà kiến cho mình là lớn, thấy Bồ-tát ngồi kiết-già-phu biến khắp hư không, thời dứt tâm kiêu mạn ấy.

Lại trong lực thần thông, phương tiện khéo léo nên một có thể làm nhiều, nhiều làm một; nhỏ làm lớn, lớn làm nhỏ, cũng muốn thị hiện việc hy hữu khó có, nên ngồi khắp hư không; cũng vì ngăn các quỷ thần long vương náo loạn chúng sanh nên ngồi khắp hư không. Làm cho chúng sanh an ổn; như anh em long vương Nan-đà-bà-nan-đà muốn phá thánh Xá-bà-đề, mưa xuống các binh khí, rắn độc. Khi ấy Mục-liên ngồi thẳng, khắp hư không, biến các vật độc hại thành hoa hương, anh lạc.

Vì vậy nên nói, Bồ-tát ma-ha-tát muốn ngồi kiết-già-phu một chỗ, mà biến khắp hư không trong ba ngàn đại thiên thế giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Kinh: Bồ-tát ma-ha-tát muốn lấy một sợi lông cật các núi Tu-di trong ba ngàn đại thiên thế giới ném qua vô lượng vô số thế giới Phật ở phương khác, mà không quá nhiều chúng sanh, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Hỏi: Bồ-tát cứ sao cật núi Tu-di và các núi ném qua vô lượng thế giới ở phương khác?

Đáp: Không hẳn có cật lên, đây chỉ nói rõ lực của Bồ-tát có thể cật lên vậy thôi.

Lại nữa, các Bồ-tát vì biết Phật sẽ thuyết pháp nên trang nghiêm ba ngàn đại thiên thế giới, dẹp trừ các núi làm cho đất bằng phẳng, như trong kinh Pháp Hoa nói: Phật muốn nhóm các hóa Phật, nên trước tiên sửa bằng đại địa, cũng muốn hiện ra việc hy hữu, để cho chúng sanh thấy, vì có sao? Vì một núi Tu-di cao tám vạn bốn ngàn do tuần, nếu cật lên một núi đã là hy hữu, huống gì cật lên trăm ức núi Tu-di trong ba ngàn đại thiên thế giới. Nếu lấy một sợi lông cật lên trăm ức núi Tu-di trong ba ngàn đại thiên thế giới còn khó, huống gì lấy đầu một sợi lông, ném trăm ức núi Tu-di qua vô lượng vô số thế giới. Chúng sanh thấy việc hy hữu của Bồ-tát, đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, suy nghĩ rằng: Bồ-tát ấy chưa thành Phật đạo, mà thần lực còn như vậy huống gì thành Phật, vì vậy nên nói như thế.

Kinh: Muốn đem một phần ăn cúng dường khắp chư Phật và Tăng số như cát sông Hằng ở mỗi phương trong mười phương thế giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Muốn đem một chiếc áo, hương hoa, anh lạc, hương bột, hương xoa, hương đốt, đèn đuốc, tràng phan, lọng hoa... cúng dường chư Phật và Tăng, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Bồ-tát dùng một phần ăn cúng dường một đức Phật và Tăng còn là một việc khó, huống gì chư Phật và Tăng nhiều như cát sông Hằng trong mười phương?

Đáp: Công đức cúng dường ở tâm không ở sự. Nếu Bồ-tát dùng một phần ăn với đại tâm là cúng dường khắp mười phương chư Phật và Tăng; cũng không vì xa gần làm ngăn ngại, cho nên chư Phật đều thấy, đều thọ nhận.

Hỏi: Chư Phật vì có nhất thiết trí, nên đều thấy đều thọ nhận, còn Tăng không có nhất thiết trí làm sao thấy được, làm sao thọ nhận được?

Đáp: Tăng tuy không thấy không biết, mà sự cúng dường kia, người thí được phước, ví như có người sai sứ cúng dường người kia, người kia tuy không được, mà người này đã được phước bố thí. Như Từ tâm tam-muội, đối với

chúng sanh tuy không cho gì, mà người hành trí tứ tâm được công đức vô lượng.

Lại nữa, các Bồ-tát thành tựu vô lượng vô tận công đức, nên dùng một phần ăn cúng dường mười phương chư Phật và Tăng thầy đều đầy đủ; mà cũng không hết, ví như suối vọt nước ra mà không khô kiệt. Như Văn-thù-thi-ly dùng một bát đựng hoàn hoan hỷ, cúng dường 84.000 Tăng, thầy đều no đủ mà cũng không hết.

Lại nữa, Bồ-tát ở đây dùng một bát đồ ăn cúng dường mười phương chư Phật, mà trước mười phương chư Phật, đồ ăn uống hiện ra đầy đủ, ví như quỷ thần được đồ ăn vào một miệng mà xuất ra ngàn vạn bội.

Lại nữa, Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, được vô lượng môn thiên định, và vô lượng môn trí tuệ phương tiện, vì vậy nên không việc gì không làm được; vì Bát-nhã ba-la-mật vô ngại, nên tâm Bồ-tát làm gì cũng vô ngại. Bồ-tát hay cúng dường mười phương ngàn vạn ức chư Phật và Tăng số như cát sông Hằng, huống gì như một hằng hà sa, cúng y phục, hoa hương, anh lạc, hương bột, hương xoa, hương đốt, đèn đuốc, tràng phan, lọng hoa... cũng như vậy.

Kinh: Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát muốn làm cho chúng sanh trong hằng hà sa thế giới ở mỗi phương trong mười phương, đều đầy đủ giới hạnh, tam-muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, khiến chứng được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, cho đến khiến chứng được Vô dư Niết-bàn, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Nghĩa năm pháp uẩn (*giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến – N.D*) như trước nói. Quả vị Tu-đà-hoàn có hai: 1. Phật nói dứt ba kiết, chứng được vô vi. Lại như trong A-tỳ-đàm nói, dứt 88 kiết, chứng được quả vô vi, Tu-đà-hoàn. 2. Hạng người tín hành, pháp hành, trú trong đạo tử trí (*cũng gọi là đạo loại trí – N.D*) chứng được quả vị Tu-đà-hoàn.

Lại nữa, Tu-đà là dòng, tức tám thánh đạo phần. Hoàn (Ban-na) là vào, vào dòng tám thánh đạo phần đưa vào Niết-bàn; ấy gọi là bước đầu quán thật tướng các pháp, được vào phần vô lượng pháp tánh, rơi vào trong số thánh nhân.

Tư-đà là một, Hàm là lại. Người này ở đây chết, sanh lên cõi trời, từ cõi trời còn trở lại cõi Dục một lần nữa là được hết các khổ.

A-na là chẳng, Hàm là lại, ấy là tướng không trở lại. Người này chết ở cõi Dục, sanh lên cõi Sắc cõi Vô sắc, ở tại đây dứt hết các lậu hoặc, không còn sanh trở lại cõi Dục.

Hỏi: A-na-hàm dứt tại đời này hay tại thân trung ấm, cũng không sanh cõi Sắc, cõi Vô sắc, có sao gọi là A-na-hàm?

Đáp: A-na-hàm phần nhiều sanh trong cõi Sắc, cõi Vô sắc, còn dứt tại đời này thì ít, vì ít phải theo nhiều. Dứt tại thân trung ấm cũng từ cõi Dục sanh lên cõi Sắc, thấy thân sau đáng sợ, liền thủ chứng Niết-bàn. Vì vậy nên nhân nơi nhiều mà gọi tên.

A-la-hán vì dứt hết tất cả phiền não nên xứng đáng thọ nhận sự cúng dường của hết thầy trời, rồng, quỷ thần. A-la-hán có chín hạng: thối pháp, không thối pháp, tử pháp, hộ pháp, trú pháp, thắng tấn pháp, chẳng hoại pháp, tuệ giải thoát, cộng giải thoát A-la-hán. Nghĩa của chín hạng này như trước đã nói. Và tám bội xả, tám thắng xứ, mười nhất thiết xứ, diệt tận định. Vô tránh tam-muội, nguyện trí... là các công đức thù diệu của A-la-hán, và chứng được vô dư Niết-bàn.

Vô dư Niết-bàn: A-la-hán xả bỏ thân năm uẩn này không còn trở lại tiếp nối thọ thân năm uẩn sau, dứt vĩnh viễn các khổ của thân tâm. Ba đạo quả sau, nói như đạo quả đầu.

Kinh: Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát khi thực hành bố thí theo Bát-nhã ba-la-mật, nên phân biệt rằng: bố thí như vậy được quả báo lớn, bố thí như vậy được sanh vào dòng lớn Sát-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ; bố thí như vậy, được sanh cõi trời Tứ thiên vương, cõi trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại. Nhân bố thí ấy được vào Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, Vô biên không xứ, Vô biên thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ. Nhân bố thí ấy, có thể phát sanh tám thánh đạo phần; nhân bố thí ấy, có thể chứng được Tu-đà-hoàn đạo, cho đến Phật đạo, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Bồ-tát ma-ha-tát biết thật tướng các pháp không lấy không bỏ, không có gì phá hoại, hành Bát-nhã ba-la-mật bất khả đắc, đem tâm đại bi, trở lại tu phước hạnh. Cánh cửa đầu của phước hạnh, trước tiên là bố thí. Bố thí thực hành Bát-nhã ba-la-mật, trí tuệ minh lợi, phân biệt phước bố thí; vật thí tuy đồng, mà phước đức nhiều ít là tùy tâm hơn kém. Như Xá-lợi-phất lấy một bát cơm dâng Phật, Phật liền đem cho chó mà hỏi Xá-lợi-phất: ông thí cơm cho Ta, Ta lấy cơm cho chó, ai được phước nhiều?

Xá-lợi-phát đáp: như con hiểu nghĩa Phật pháp, thì Phật thí cho chó được phước nhiều.

Xá-lợi-phát là bậc trí tuệ tối thượng trong hết thầy người, và Phật phước điền là bậc nhất mà không bằng thí cho chó là ruộng xấu mà lại được phước nhiều. Vì vậy nên biết phước lớn từ tâm sanh, chứ không từ ruộng: như Xá-lợi-phát gắp ngàn vạn ức chẳng bằng kịp tâm Phật.

Hỏi: Như ông nói ruộng phước tốt thì được phước nhiều, mà sao Xá-lợi-phát cúng thí cho Phật lại không được phước nhiều?

Đáp: Ruộng tốt tuy được phước nhiều mà không bằng tâm tốt, vì có sao? Vì tâm là nội chủ, ruộng là vật ngoài. Hoặc có khi phước bố thí cốt ở ruộng phước, như A-la-hán Úc-nhĩ, xưa lấy một cành hoa cúng nơi tháp Phật, mà trong 91 kiếp ở cõi trời hưởng lạc, sức phước đức còn lại chứng được A-la-hán. Lại như vua A-dục lúc trẻ nhỏ lấy đất cúng Phật, khi được làm vua cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ) lại dựng 80.000 tháp, tối hậu được đạo. Vật thí rất hèn mà tâm tiểu nhi thanh tịnh và chỉ do ruộng phước tốt mà được quả báo lớn, nên biết đó là phước lớn từ ruộng tốt sanh. Nếu là phước lớn trên hết, thì phải đủ ba việc là tâm, vật thí, ruộng phước đều tốt, như trong phẩm đầu của kinh Bát-nhã ba-la-mật nói: Phật lấy hoa đẹp rải trên mười phương Phật.

Lại nữa, như đem tâm Bát-nhã ba-la-mật mà bố thí, vì không chấp trước nên được quả báo lớn.

Lại nữa, vì Niết-bàn mà bố thí cũng được quả báo lớn. Vì tâm đại bi thương độ chúng sanh mà bố thí, cũng được quả báo lớn.

Lại nữa, quả báo lớn là như trong đây nói, là được sanh vào nhà Sát-lợi cho đến được thành Phật.

Hỏi: Tại sao bố thí lại được sanh vào nhà Sát-lợi cho đến được thành Phật?

Đáp: Nếu có người nhờ bố thí, trì giới, thì được giàu sang trong cõi người cõi trời, như có người chí tâm bố thí, trì giới nên được sanh vào nhà Sát-lợi. Nhà Sát-lợi là vua và đại thần; nếu ưa đắm kinh sách trí tuệ không nào hại chúng sanh mà bố thí, trì giới thì sanh vào nhà Bà-la-môn; nếu bố thí trì giới ít, mà ưa đắm cái vui thế gian, thì sanh vào nhà cư sĩ. Cư sĩ là tiểu nhân mà giàu lớn. Nếu bố thí, trì giới thanh tịnh hơn chút ít, chán sợ gia nghiệp, ưa vui nghe pháp, cúng dường người lành, thì được sanh cõi trời Tứ thiên vương, vì có sao? Vì ở cõi này tâm cầu muốn gì đều có được; thường thấy ở trong đó các thánh hiền, thiện

nhân, sanh tâm cúng dường, vì gần chỗ tu phước. Nếu bố thí, trì giới thanh tịnh, cúng dường cha mẹ và bậc tôn quý, tâm muốn cầu hơn nhiều, thì được sanh lên cõi trời Ba mươi ba. Nếu bố thí, trì giới thanh tịnh và ưa học hỏi, tâm ý nhu hòa thì được sanh cõi trời Dạ-ma. Nếu bố thí, trì giới thanh tịnh, làm cho hai việc này càng cao hơn, ưa vui nghe nhiều, phân biệt tốt xấu, ưa vui Niết-bàn, tâm say đắm công đức thì được sanh cõi trời Đâu-suất. Nếu bố thí và có tâm trì giới, nghe nhiều, ưa vui học vấn, tự lực sinh hoạt, thì được sanh cõi trời Hóa-lạc. Nếu khi bố thí, trì giới thanh tịnh càng sâu, ưa vui nghe nhiều, tâm quý mình nhiều, không thể tự làm khổ, theo người khác tìm vui, thì được sanh cõi trời Hóa-tự-tại. Ở đây người khác suy nghĩ, phương tiện siêng năng hóa làm nữ sắc, năm dục, tự tại đoạt lấy cho mình, ví như người dân tự khổ thân tạo tác, người khác dùng sức mạnh đoạt lấy.

Lại nữa, trong khi bố thí do nguyện lực nên sanh cõi trời; như trong Kinh nói: có người tu bố thí, trì giới chút ít không biết thiên định, người ấy nghe có trời Tứ thiên vương, tâm thường chí nguyện đến đó. Phật nói người ấy mạng chung được sanh cõi trời Tứ thiên vương, chắc có lẽ ấy; cho đến sanh cõi trời Tha hóa tự tại cũng như vậy.

Lại nữa, có người bố thí, trì giới, trong khi tu bố thí tâm được an vui, nếu thí nhiều thì vui cũng nhiều. Suy nghĩ như vậy, bỏ năm dục, trừ năm triền cái, vào Sơ thiên, cho đến vào cõi trời Phi hữu tướng phi vô tướng cũng như vậy. Nghĩa của bốn thiên, bốn vô sắc định như trước nói.

Lại nữa, có người bố thí cho Phật và đệ tử Phật, theo đó được nghe giảng đạo pháp, người này nhân sự bố thí đó tâm được nhu nhuyễn, trí tuệ minh lợi, tức phát sanh tám thánh đạo phần, dứt ba kiết (*thân, kiến, giới cầm thủ, nghi – N.D*) chứng được quả Tu-đà-hoàn; cho đến chứng Phật đạo cũng như vậy.

Nhân sự bố thí được nghe thuyết pháp ấy, bèn phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, người chưa lìa dục mà bố thí, được sanh làm người giàu sang và sanh cõi trời Lục dục. Nếu lìa dục mà bố thí thì được sanh cõi trời Phạm Thế cho đến cõi trời Quảng Quả. Nếu tâm lìa sắc mà bố thí thì được sanh cõi trời Vô sắc. Vì cầu Niết-bàn lìa ba cõi mà bố thí thì được quả Thanh văn. Khi bố thí, chán ghét ồn ào, ưa vui nhàn tịnh, ưa trí tuệ sâu xa, thì được đạo quả Bích-chi Phật. Khi bố thí, khởi tâm đại bi muốn độ chúng sanh, có trí tuệ thanh tịnh rất ráo sâu xa bậc nhất, thì được thành Phật đạo.

Kinh: Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát khi tu hành bố thí Bát-nhã ba-la-mật, do lực của tuệ phương tiện nên có thể đầy đủ Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: bạch Thế Tôn, Bồ-tát ma-ha-tát làm sao khi bố thí do lực của tuệ phương tiện nên đầy đủ Thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật?

Phật bảo Xá-lợi-phất: vì tướng người thí, người nhận và tài vật đều không thể có được, nên có thể đầy đủ Thí ba-la-mật vì tướng tội không tội, không thể có được nên đầy đủ Giới ba-la-mật; vì tâm không động nên đầy đủ Nhẫn ba-la-mật; vì thân tâm tinh tấn không giải đãi nên đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật; vì không loạn, không ưa đắm nên đầy đủ Thiền ba-la-mật; vì biết tướng hết thảy pháp không thể có được, nên đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Nghĩa chữ *đầy đủ* trước đã nói rộng. *Tuệ phương tiện* trong đây nói chính là ba sự không thể có được vậy (*ba sự là người thí, người nhận, vật tài – N.D*).

Hỏi: Tuệ phương tiện là có thể thành tựu việc ấy, không gì phá hoại, cũng không gì tạo tác, song nay phá cả ba sự ấy, thì lẽ đáng đọa vào đoạn diệt, có sao nói đó là tuệ phương tiện?

Đáp: Có hai thứ không thể có được: 1. Được, không thể có được (đắc bất khả đắc). 2. Không được, không thể có được (bất đắc bất khả đắc). Được không thể có được, là đọa vào đoạn diệt; nếu không được không thể có được ấy là tuệ phương tiện, không đọa vào đoạn diệt. Nếu bố thí không có tuệ phương tiện thời chấp thủ tướng ba sự; nếu cho ba sự không, thời chấp thủ vô tướng. Có tuệ phương tiện thời từ xưa lại đây không thấy tướng ba sự, vì vậy tuệ phương tiện không đọa vào có và không.

Lại nữa, khi bố thí phá hoại các phiền não, ấy gọi là tuệ phương tiện.

Lại nữa, đối với hết thảy chúng sanh, khởi tâm đại bi bố thí, ấy gọi là tuệ phương tiện.

Lại nữa, trong vô lượng đời quá khứ vị lai tu phước đức bố thí, đều hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng gọi là tuệ phương tiện.

Lại nữa, đối với công đức của ba đời mười phương Phật và đệ tử Phật, đều ức niệm tùy hỷ bố thí và hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy gọi là tuệ phương tiện.

Các lực như vậy, là nghĩa của tuệ phương tiện. Cho đến Bát-nhã ba-la-mật tuệ phương tiện cũng như vậy.

Kinh: Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát muốn được công đức của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Hỏi: Công đức Phật quá khứ đã diệt, công đức Phật vị lai chưa có, công đức Phật hiện tại không thể có được. Lại công đức của Phật ba đời đều không thể có được, có sao nói muốn được công đức Phật ba đời, nên học Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Không phải nói muốn được công đức của Phật ba đời, mà nói tự muốn được công đức như Phật ba đời không giảm thiểu, vì có sao? Vì công đức của tất cả Phật đều bình đẳng, không nhiều không ít.

Hỏi: Nếu như vậy, có sao nói đức Phật A-di-đà sống lâu vô lượng, ánh sáng chiếu ngàn vạn ức do tuần, vô lượng kiếp độ chúng sanh?

Đáp: Thế giới chư Phật có nhiều thứ, có thế giới tịnh, có thế giới bất tịnh, có thế giới lẫn lộn, như phẩm kinh Cõi trời Ba mươi ba nói: Phật An-cư ở cõi trời Ba mươi ba, giờ Tự-tứ đến, mà bốn chúng lâu không thấy Phật, lo buồn không vui, sai Mục-liên bạch Phật rằng: bạch Thế Tôn! Có sao bỏ chúng sanh ở đây mà lên ở cõi trời kia?

Bấy giờ Phật bảo Mục-liên: ông hãy xem ba ngàn thế giới. Mục-liên nhờ Phật lực liền thấy các đức Phật; hoặc vì chúng sanh nói pháp, hoặc ngồi thiền, hoặc đi khát thực, thì tác các Phật sự như vậy. Mục-liên liền nắm vốc gieo sát đất. Lúc ấy núi Tu-di cao ngất động mạnh, chư thiên đều rất sợ hãi, Mục-liên khóc rơi lệ, cúi đầu bạch Phật: Phật có tâm đại bi, không bỏ hết thầy, làm các việc như vậy hóa độ chúng sanh.

Phật bảo Mục-liên: điều ông thấy rất ít, quá chỗ thấy của ông về phương đông có quốc độ, đất thuần bằng hoàng kim, đệ tử Phật ở cõi kia đều là A-la-hán, đủ sáu thông không chướng ngại. Lại quá khỏi đó, phương đông có quốc độ, đất thuần bằng bạch kim, đệ tử Phật ở cõi kia đều học đạo Bích-chi Phật. Lại quá cõi đó, phương đông có quốc độ đất thuần bằng bạch ngân; đệ tử Phật kia đều học Bích-chi Phật đạo. Lại quá cõi đó, phương đông có nước thuần bảy báu, đất kia thường có ánh sáng vô lượng, đệ tử đức Phật kia hóa độ thuần là các Bồ-tát, đều được các môn tam-muội, các đà-la-ni, ở địa vị bất thối chuyển. Mục-liên nên biết, các Phật kia đều là thân ta. Như vậy vô lượng thế giới nhiều như cát sông

Hàng ở phương đông, có thế giới trang nghiêm, có thế giới không trang nghiêm, đều là nơi thân Ta làm Phật sự; như phương Đông; các phương Nam, Tây, Bắc; bốn góc, trên dưới cũng như vậy.

Vì vậy nên biết Thích-ca Văn Phật còn có thế giới thanh tịnh như thế giới Phật A-di-đà. Phật A-di-đà cũng có thế giới nghiêm tịnh và chẳng nghiêm tịnh như thế giới của Thích-ca-văn Phật.

Chư Phật đại bi, thấu suốt xương tủy, không kể thế giới tốt xấu, chỉ tùy căn cơ đáng độ mà giáo hóa, như mẹ lành thương con, dầu con bị chìm hằm xí, cũng siêng tìm cách cứu vớt, không cho là xấu bản.

(Hết cuốn 32 theo bản Hán)

--oOo--

Cuốn 33

Chương 45

Giải Thích: Đến Bờ Kia...

Kinh: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn đến bờ kia của hết thầy pháp hữu vi vô vi, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận: Bờ kia là đối với pháp hữu vi vô vi đến tận bờ mé nó.

Thế nào là bờ kia? Là dùng đại trí tuệ biết rõ hết thầy pháp hữu vi, các tướng chung tướng riêng của nó đều biết rõ. Đối với pháp vô vi, từ Tu-đà-hoàn cho đến Phật, thầy đều biết rõ; nghĩa tướng của pháp hữu vi vô vi, như trước đã nói.

Kinh: Bồ-tát ma-ha-tát muốn biết quá khứ, vị lai, hiện tại các pháp như, các pháp tướng, vô sanh tế, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Hỏi: Trên kia đã nói như, sao nay còn nói lại?

Đáp: Trên chỉ nói ngay các pháp như, nay nói pháp ba đời đều như; trên nói lược, đây nói rộng; trên nói một, đây nói ba. Pháp tướng tức là pháp tánh; vô sanh tế tức là chân tế, quá khứ pháp như, tức là pháp tướng quá khứ, vị lai, hiện tại cũng như vậy.

Lại nữa, quá khứ pháp như, tức là vị lai, hiện tại pháp như, tức là quá khứ, vị lai pháp như; vị lai pháp như, tức là quá khứ, hiện tại pháp như, vì có sao? Vì tướng “như” chẳng phải một chẳng phải khác.

Lại nữa, như trước nói hai thứ như: 1. Thế gian như. 2. Xuất thế gian như. Dùng thế gian như thì ba đời mỗi mỗi khác; dùng xuất thế gian như thì ba đời là một.

Lại nữa, pháp tướng là nghiệp dụng của các pháp, lực tạo tác, nhân duyên, quả báo của các pháp. Như lửa là tướng nóng, nước là tướng ướt, như vậy phân biệt các tướng riêng khác về nhân duyên, quả báo của các pháp; như trong mục Thị xứ phi xứ lược ở trước nói; ấy gọi là pháp tướng thế gian. Nếu đối với các pháp ấy truy cầu tầm cứu nhập vào vô sanh pháp, không còn gì quá hơn nữa; ấy gọi là vô sanh tế.

Hỏi: Như, pháp tướng có thể phân biệt có ba đời, còn vô sanh tế là pháp vị lai, làm sao có quá khứ, hiện tại? Như trong A-tỳ-đàm nói sanh pháp là quá khứ,

hiện tại, vô sanh pháp là vị lai và pháp vô vi, làm sao muốn khiến cả pháp quá khứ, hiện tại có vô sanh?

Đáp: Các đoạn như trước nói phá sanh pháp, thời hết thấy pháp đều vô sanh, chứ đâu chỉ vị lai vô sanh, như trong chương giải thích nghĩa chữ Nhất thời đã phá ba đời. Ba đời một tướng, đó là vô tướng, như vậy là tướng vô sanh.

Lại nữa, vô sanh là Niết-bàn, vì Niết-bàn không sanh sanh diệt, Niết-bàn là rốt ráo cuối cùng, không còn sanh trở lại, mà hết thấy pháp tức là Niết-bàn, nên Phật dạy hết thấy pháp đều là vô sanh tế.

Kinh: Lại nữa, Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát muốn ở trước hết thấy Thanh văn, Bích-chi Phật; muốn hầu hạ chư Phật; muốn làm nội quyến thuộc của chư Phật; muốn được đại quyến thuộc; muốn được Bồ-tát làm quyến thuộc; muốn thanh tịnh báo đáp ơn đại thí, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Hỏi: Nếu Bồ-tát chưa sạch hết lậu, làm sao được ở trước bậc thánh nhân sạch hết lậu?

Đáp: Bồ-tát khi mới phát tâm đã ở trước hết thấy chúng sanh, hưởng gì đã nhiều kiếp tu hành? Bồ-tát công đức trí tuệ lớn, nên đời đời thường lớn, có thể làm lợi ích cho Thanh văn, Bích-chi Phật. Chúng sanh biết ơn Bồ-tát, nên tôn sùng kính trọng, cho đến ở trong súc sanh cũng là tôn trọng. Như Bồ-tát kiếp xưa làm nai, màu sắc như vàng, sừng bảy báu, năm trăm nai tùy tùng kính thờ. Nếu sanh trong loài người, đời tốt thì làm Chuyển luân thánh vương, đời ác thường làm Đại vương, hộ trì Phật pháp, lợi ích chúng sanh. Nếu xuất gia, gặp đời có Phật pháp, thời làm vị đại đệ tử cho đời, hưng hiển Phật pháp; nếu gặp đời không Phật pháp, thì làm đại sư ngoại đạo, tu hành bốn vô lượng tâm. A-la-hán, Bích-chi Phật, tuy được vô lậu mà việc lợi ích ít; ví như một thặng váng sữa tuy tinh sạch, chẳng bằng cao sữa đầy nước biển lớn. Bồ-tát tuy trí tuệ hữu lậu mà đến khi thành thực, thời lợi ích vô lượng.

Lại nữa, bốn sự cúng dường dụng cụ trợ đạo cho La-hán, Bích-chi Phật phần nhiều do Bồ-tát mà có được; như kinh Lăng-nghiêm nói: Văn-thù-sư-lợi bảy mươi hai ức kiếp làm Bích-chi Phật, giáo hóa người tu pháp Bích-chi Phật khiến họ được thành đạo. Vì vậy nên Bồ-tát ở trước Thanh văn, Bích-chi Phật.

Muốn hầu hạ chư Phật: Thích-ca Văn Phật khi chưa xuất gia, Xa-nặc hầu hạ, Ưu-đà-da làm trò vui, Cù-tỳ-da, Da-du-đà các thể nữ làm nội quyến thuộc; khi

xuất gia tu khổ hạnh sáu năm, có năm người hầu hạ. Khi thành đạo có Di-hỷ, La-đà, Tu-na-sát-đa-la, A-nan, Mật-tích lực sĩ...; ấy là nội quyền thuộc.

Đại quyền thuộc: Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Đại-Ca-diếp, Tu-bồ-đề, Ca-chiên-diên, Phú-lâu-na, A-nâu-nâu-đà các thánh nhân; và Di-lặc, Văn-thù-sư-lợi, Bạt-đà-bà-la các Bồ-tát nhân sanh bổ xứ không thối chuyển; ấy gọi là đại quyền thuộc.

Lại nữa, Phật có hai thân: 1. Pháp tánh sanh thân. 2. Tùy thể gian thân. Quyền thuộc của thể gian thân như trước đã nói; quyền thuộc của pháp tánh sanh thân là vô lượng vô số Bồ-tát nhất sanh bổ xứ theo hầu, vì cớ sao? Vì như trong kinh Bất khả tư nghì giải thoát nói: lúc Phật sắp sanh có 84.000 Bồ-tát nhất sanh bổ xứ ở tiền đạo. Bồ-tát (Phật) theo sau sanh ra; ví như bóng mây lồng trăng.

Lại như kinh Pháp Hoa nói: các Bồ-tát từ đất vọt lên, đều là nội quyền thuộc, đại quyền thuộc.

Bồ-tát làm quyền thuộc: có đức Phật lấy thuần Bồ-tát làm quyền thuộc, có đức Phật lấy thuần Thanh văn làm quyền thuộc; có đức Phật lấy cả Bồ-tát và Thanh văn xen lộn làm quyền thuộc, cho nên nói chỉ muốn lấy Bồ-tát làm quyền thuộc, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Quyền thuộc có ba hạng: thượng, trung, hạ. Hạ quyền thuộc thuần Thanh văn; trung quyền thuộc lẫn lộn Thanh văn Bồ-tát, thượng quyền thuộc thuần là Bồ-tát.

Thanh tịnh báo đáp ơn đại trí: có người nói Bồ-tát chứa nhiều phước, nhưng chưa trừ hết phiền não, lãnh thọ của người tín thí, chưa thể thanh tịnh báo đáp. Phật dạy: Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, thấy các pháp đều không, không thể có được, hưởng gì các kiết sử. Bồ-tát vào trong pháp tánh, không thủ chứng thật tế, cho nên có thể thanh tịnh báo đáp phước thí chủ.

Lại nữa, công đức Bồ-tát rộng lớn, từ khi phát tâm lại đây, muốn thay thế hết thầy chúng sanh chịu mọi sự khổ, muốn đem hết thầy công đức cho hết thầy chúng sanh, vậy sau mới cầu Phật đạo cho mình, nhưng việc ấy không thể được, nên mới tự thành Phật, để độ hết thầy chúng sanh.

Lại chí nguyện Bồ-tát không ràng buộc theo vô số kiếp; cũng như thế gian như, pháp tánh, thật tế, hư không trụ lâu, tâm Bồ-tát trụ thế gian làm lợi ích chúng sanh cũng lâu như thế, không có cùng tận. Bồ-tát như vậy mà không thể thanh tịnh báo đáp phước thí chủ thì ai có thể thanh tịnh báo đáp? Như cha mẹ tuy có kiết sử các ác, vì một đời làm lợi ích cho con, nên nhận sự cúng dường của nó,

khiến nó được đại phước; huống gì Bồ-tát không có các kiết sử, mà trụ vô lượng đời làm lợi ích chúng sanh mà không thanh tịnh báo đáp?

Lại nữa, Bồ-tát chỉ có bi tâm, không có Bát-nhã mà còn có thể lợi ích; huống gì tu hành Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Nếu Bồ-tát không còn kiết sử, tại sao còn thọ sanh ở thế gian?

Đáp: Trước đã nói: Bồ-tát được vô sanh pháp nhẫn, được pháp tánh sanh thân, nơi nơi biến hóa để độ chúng sanh, trang nghiêm thế giới; do công đức ấy nên tuy chưa thành Phật, mà có thể thanh tịnh báo đáp phước thí chủ.

Kinh: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn không khởi tâm xan lẫn, tâm phá giới, tâm sân nhuế, tâm giải đãi, tâm tán loạn, tâm si, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Sáu thứ tâm xấu này làm chướng ngại sáu Ba-la-mật; như khi Bồ-tát tu hành bố thí, nếu có tâm xan lẫn nổi lên, thời làm cho việc bố thí không thanh tịnh, tức là không thể đem vật tốt thí; hoặc cho vật tốt, không thể cho nhiều; hoặc cho vật ngoài, không thể cho vật trong; hoặc có thể cho vật trong, không thể cho hết; đều do tâm xan lẫn. Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật biết hết thấy pháp không ta, không của ta, các pháp đều không, như mộng như huyễn, đem thân, đầu, mắt, xương, tủy bố thí như thí cỏ cây. Bồ-tát tuy chưa đắc đạo mà muốn thường không khởi tâm xan lẫn, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Các người khác lìa dục đắc đạo, nên không sanh tâm phá giới, Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật nên không thấy sự phá giới, vì có sao? Vì giới là trú xứ của hết thảy công đức thiện; ví như đất là chỗ nương tựa của muôn vật, phá giới còn không được các đạo quả khác, huống được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì vậy nên không khởi tâm phá giới. Lại nghĩ rằng, pháp của Bồ-tát là an lạc chúng sanh, nếu phá giới là não loạn tất cả, vì vậy Bồ-tát còn không khởi tâm phá giới huống gì phá giới.

Hàng Tiểu thừa và phàm phu còn không nên khởi tâm tức giận, huống gì Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; thân là đồ chứa khổ, đúng pháp phải tự chịu khổ não; ví như người phạm tội, tự chịu hình giết, tự làm tự chịu, không nên oán người. Chỉ nên tự thủ hộ tâm, đừng cho khởi niệm ác; ví như người gặp gió mưa, nóng, rét, cũng không nổi giận. Lại nghĩ rằng, Bồ-tát cầu Phật đạo, lấy tâm đại bi làm gốc; nếu ôm lòng sân hận, thời tiêu mất chí nguyện.

Người sân hận còn không được cái vui thế gian, huống gì cái vui của đạo; người sân hận tự không được vui, làm sao có thể đem vui cho người.

Người giải đãi còn không thể thành được việc tốt thế gian, huống gì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; ví như dùi cây lấy lửa mà thường ngưng nghỉ, thời không hện được lúc có lửa; tâm tán loạn, ví như đèn giữa gió, đèn tuy có sáng mà không thể chiếu vật. Trí tuệ ở giữa loạn tâm cũng như vậy. Trí tuệ là cội gốc của hết thầy thiện pháp, nếu muốn thành tựu trí ấy, trước phải nhiếp tâm, vậy sau mới thành được; ví như người cuồng say, việc tự lợi, lợi tha, tốt xấu đều không hay biết; tâm tán loạn cũng như vậy. Việc tốt thế gian còn không thể biết rõ, huống gì pháp xuất thế gian.

Tâm người ngu si, tất cả việc thành bại, đều không biết nổi, huống gì nghĩa lý vi diệu sâu xa; ví như người không có mắt, thời hoặc sa hầm hố, hoặc vào đường quấy. Người vô trí cũng lại như vậy. Không còn mắt trí tuệ nên thọ nhận say đắm tà pháp, không lãnh thọ chánh kiến. Người như vậy, việc thế gian gần còn không thành được, huống gì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát do lực tu hành Bát-nhã ba-la-mật, nên có thể chướng ngại sáu tặc ấy, và thanh tịnh sáu Ba-la-mật. Do vậy nên nói nếu muốn không khởi lên sáu tặc, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Kinh: Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát muốn khiến hết thầy chúng sanh, an lập nơi chỗ phước bố thí, chỗ phước trì giới, chỗ phước tu định, chỗ phước khuyến đạo; muốn khiến chúng sanh an lập nơi chỗ phước tài của, phước giáo pháp, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Hỏi: Thế nào gọi là chỗ phước?

Đáp: Trong A-tỳ-đàm nói: phước là nghiệp thân, khẩu, ý hữu lậu thiện. Lại có người nói: phước là vô phú vô ký, vì có sao? Vì là quả báo do nghiệp hữu lậu thiện nên được vô phú vô ký. Phước là quả báo, cũng gọi là phước, như người thế gian thành được đại sự, làm nên nhiều việc, gọi đó là người phước đức. Phước này lược nói có ba thứ là bố thí, trì giới, tu định.

Thế nào là bố thí? Có người đem y phục, đồ nằm, uống ăn, hoa hương, chuỗi ngọc... cho người; ấy gọi là bố thí.

Hỏi: Vật ẩm thực... là bố thí, hay còn có sự bố thí?

Đáp: Vật ẩm thực chẳng phải bố thí, mà khi lấy vật ẩm thực... đem cho, trong tâm phát sanh một pháp gọi là xả bỏ, trái ngược với tâm xan lắn; ấy gọi là phước đức bố thí, nó hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu, thường là tâm số pháp thiện, tương ứng với tâm, theo tâm hành, cùng với tâm sanh; không sắc không hình; hay làm duyên, tương ứng với nghiệp, theo nghiệp hành, cùng nghiệp sanh, chẳng phải quả báo của nghiệp trước; được tu, hành tu, tuệ chứng, thân chứng, người phạm phu được và thánh nhân được.

Có người nói: **Tư** tương ứng với pháp **xả**, ấy gọi là phước đức bố thí, vì có sao? Vì nghiệp hay sanh quả báo. Tư tức là nghiệp, thân miệng không gọi là nghiệp; từ tư tâm sở sanh, nên được gọi là nghiệp.

Bố thí có hai thứ: 1. Tịnh, 2. Bất tịnh. Bất tịnh là chỉ cho thẳng mà thôi. Hoặc sợ mất của nên cho; hoặc sợ trách mắng nên cho; hoặc không cần dùng nên đem cho; hoặc thân ái nên cho; hoặc vì cầu thế nên cho, vì cho nên đưa đến nhiều thế việ; hoặc chết gần kề nên cho; hoặc cầu tiếng khen nên cho; hoặc cầu ngang danh, hơn danh kẻ quý nên cho; hoặc đồ kỵ ganh ghét nên cho; hoặc kêu mạn nên cho, nghĩ rằng tiểu nhân ngu hèn còn cho được, huống ta là đại nhân quý trọng, làm sao không cho; hoặc vì chú nguyện phước đức nên cho; hoặc cầu tốt trừ xấu nên cho; hoặc tìm vào bạn đảng nên cho; hoặc không nhất tâm, không cung kính, khinh hèn người thọ nhận mà cho. Các nhân duyên như vậy, là vì đời nay nên cho; vì ngược lại với tịnh, nên gọi là bất tịnh.

Tịnh thí là như trong Kinh nói: vì đối trị tâm nên cho; trang nghiêm ý nên cho; vì được đệ nhất lợi nên cho; sanh tâm thanh tịnh hay phân biệt và giúp Niết-bàn nên cho; ví như hoa tươi chưa héo, sắc đẹp lại thơm. Tịnh tâm bố thí cũng như vậy; như nói chư thiên, tâm không thanh tịnh bố thí, thời ánh sáng cung điện mỏng ít; nếu bố thí với tâm thanh tịnh thời ánh sáng thêm rộng lớn. Nghiệp bố thí ấy tuy quá khứ cho đến ngàn vạn đời không mất, thí như bằng khoáng giao ước.

Hỏi: Phước bố thí ấy làm sao tăng trưởng?

Đáp: Đúng thời bố thí được phước tăng trưởng; như Kinh nói: thí lúc đói khát, được phước tăng nhiều; thí cho người đi xa, người qua đường hiểm, đường vắng hoặc thường bố thí không dứt; hoặc thường nhớ bố thí, nên bố thí được tăng trưởng. Như trên nói về niệm xả trong sáu niệm. Hoặc thí lớn nên được phước nhiều; hoặc thí cho người tốt; hoặc thí cho Phật; hoặc người thí người thọ đều thanh tịnh; hoặc tâm quyết định thí; hoặc tự lực làm ra của thí; hoặc tùy của có nhiều ít có thể thí hết; hoặc giao hẹn đem vật thí; hoặc đem ruộng vườn,

người giúp việc thí... bố thí như vậy chỉ có Bồ-tát lấy tâm tâm mới thực hành nổi. Như Bồ-tát Vỹ-la-ma trong mười hai năm bố thí đã nghiêm sức bát bửu báu, đựng sữa bò, thể nữ, mỗi thứ tám vạn bốn ngàn, cùng các vật ẩm thực khác không kể số.

Lại như Bồ-tát Tu-đề-lệ-noa (Tu-đại-noa) đem voi trắng thiện thắng thí cho kẻ oan gia, rồi vào ở núi sâu, đem hai đứa con yêu quý thí cho Bà-la-môn Thập Nhị Xú; lại đem vợ và con mắt thí cho Bà-la-môn – hóa thân của trời Đế-thích. Bấy giờ đất rung động mạnh, trời sấm chớp, ở giữa hư không mưa hoa.

Lại như Tát-bà-đạt-đa vương tự trói thân thí cho Bà-la-môn.

Lại như vua Tỳ-thi (Si-bi) vì một chim bồ câu mà tự đem thân mình đổi mạng cho nó.

Lại như Bồ-tát từng làm thân thỏ, tự nướng thịt mình thí cho tiên nhân.

Các việc như vậy, trong kinh Bồ-tát bốn sanh nói đủ.

Lại có người Thanh văn bố thí; như Tỳ-kheo-ni Tu-di-đà, cùng với hai bạn đồng học làm tinh xá cho Ca-na-già Mâu-ni Phật, mà được làm Chuyển luân thánh vương và phước vua trời trong vô lượng ngàn vạn đời.

Lại như Bà-la-môn Thi-bà đem một bát cao sữa thí Tăng, mà đời đời thọ vui, nay được thân A-la-hán, thọ vui nhất trong những người thọ vui.

Lại như phu nhân Mạt-lợi, cúng dường Tôn-giả Tu-bồ-đề, nên đời nay quả báo được làm vợ vua Ba-thi-na-thi (Ba-tư-nặc).

Lại như Thi-bà cúng dường ông Ca-chiên-diên nên quả báo đời này được làm vợ vua Chiên-đà-ba-châu-đà.

Lại như Cư sĩ Uất-già-đà cúng dường Xá-lợi-phất và năm trăm A-la-hán nên ngay trong ngày được quả báo; là có năm trăm khách buôn được đồ ăn thừa kia, mỗi người đều lấy hạt châu anh lạc tặng cho ông, bỗng được giàu to; bèn gọi là Tốt-uất-già-đà.

Bố thí như vậy được báo ngay trong đời nay. Nên biết, luận nghị về bố thí nói không hết được.

Chỗ phước trì giới: Phật nói về phước của năm giới.

Hỏi: Thế nào là tướng tội sát?

Đáp: Biết đó là chúng sanh mà cố ý cướp mạng sống, mắc tội sát; chẳng phải không cố ý, tâm khoái trá an ổn, mắc tội sát; chẳng phải tâm tán loạn si cuồng, cướp mạng sống mắc tội sát; chẳng phải chỉ làm bị thương, chết rồi mắc tội sát; chẳng phải chưa chết, thân nghiệp làm là tội sát; chẳng phải miệng bảo; thân làm là tội sát, chẳng phải chỉ tâm sanh niệm ác. Các tội như vậy, ngưng không làm, là tướng trạng thiện của giới thứ nhất.

Hoặc có người nói: đó là vô phú vô ký; hoặc hệ thuộc cõi Dục; hoặc không hệ thuộc; hoặc chẳng phải tâm; chẳng phải tâm số pháp; chẳng phải tâm tương ưng; chẳng phải theo tâm hành; hoặc cùng với tâm sanh; hoặc không cùng tâm sanh; chẳng phải tương ưng với nghiệp; chẳng phải theo nghiệp hành; hoặc cùng nghiệp sanh; hoặc chẳng cùng nghiệp sanh; chẳng phải quả báo của nghiệp trước, được tu, hành tu, thân chứng, tuệ chứng; hoặc tư duy đoạn; hoặc chẳng đoạn; khi xa lìa tham dục của cõi Dục được đoạn biến tri, phàm phu và thánh nhân cùng có; ấy gọi là tướng trạng giới không sát sanh. Các giới khác cũng như vậy, tùy nghĩa mà phân biệt.

Luận nghị tán thán các giới, như đã nói trong mục Thi-la ba-la-mật.

Chỗ phước tu định: Tuy trong Kinh nói tu từ là phước tu định, cũng nói thiền định hữu lậu có thể sanh quả báo, tổng quát gọi là phước tu định. Vì ở cõi Dục sân nhiều, tán loạn nhiều nên trước nói từ tâm là phước tu định. Được phương tiện từ, nguyện cho chúng sanh vui, sau thật sự thấy chúng sanh thọ vui, pháp tương ưng với tâm ấy; gọi là pháp từ. Pháp ấy hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc không hệ thuộc, ấy là chơn từ; còn phương tiện từ, hệ thuộc cõi Dục, thường theo tâm hành, theo tâm sanh; vô hình vô đối hay duyên pháp; chẳng phải nghiệp, tương ưng với nghiệp mà theo nghiệp hành, cùng nghiệp sanh; chẳng phải quả báo của nghiệp trước, đắc tu, hành tu, thân chứng, tuệ chứng; hoặc tư duy đoạn; hoặc chẳng đoạn. Xa lìa tham dục của cõi Sắc được đoạn biến tri; có giác có quán; cũng không giác có quán; cũng không giác không quán; hoặc có mừng, hoặc không có mừng; hoặc có hơi thở, hoặc không có hơi thở, phàm phu và thánh nhân cũng được. Hoặc tương ưng với thọ khổ; hoặc tương ưng với thọ không khổ không vui; trước duyên được tướng liễu giải, sau duyên thật nghĩa. Ở trong bốn thiền căn bản, hoặc quá bốn thiền; nương bốn thiền mà được thì có sức bền chắc.

Từ nên gọi là nhân ái, vì không oán không tranh nên gọi là thân ái; hay duyên vô lượng chúng sanh, nên gọi là vô lượng; hay lợi ích chúng sanh; hay lìa dục nên

gọi là phạm hạnh. Các luận nghị khác về từ tâm, như đã nói trong chương Bốn vô lượng tâm.

Hỏi: Trong phước tu định, có sao Phật chỉ nói từ tâm mà không nói các tâm khác?

Đáp: Trong bốn vô lượng, từ tâm vô lượng hay sanh phước đức lớn; bi tâm vì ưa sâu nên bỏ phước đức; hỷ tâm vì tự nhớ công đức nên phước đức chẳng sâu; xả tâm vì phóng xả nên phước cũng ít.

Lại nữa, Phật dạy từ tâm có năm điều lợi, không nói tâm khác. Những gì là năm? 1. Đao không làm thương, 2. Độc không làm hại, 3. Lửa không làm cháy, 4. Nước không chìm, 5. Hết thấy chúng sanh sân nộ ác độc thấy đều hoan hỷ.

Bi tâm... không có các việc như vậy, nên chỉ nói phước của tu định là từ. các tâm khác đi theo. Và các định hữu lậu có thể sanh quả báo.

Chỗ phước khuyến đạo: nếu Tỳ-kheo không tọa thiền, không tụng kinh, mà giáo hóa khuyến đạo người tu lập phước đức; hoặc có Tỳ-kheo hay tọa thiền, tụng kinh, thấy các Tỳ-kheo áo cơm thiếu thốn, đem sức dẫn dắt, và tu hành khuyến đạo, và các Bồ-tát thương xót chúng sanh, lấy nhân duyên phước đức để khuyến cáo họ.

Lại người xuất gia, nếu cầu tài của, đối với giới bị mất cho nên khuyến đạo làm nhân duyên. Phước về tài của là y phục, ẩm thực, đồ nằm, thuốc thang, vàng bạc, xe ngựa, ruộng nhà.

Hỏi: Trên nói chỗ phước bố thí, ở đây nói phước về tài của, có gì sai khác?

Đáp: Bố thí, là tổng quát hết thấy thí. Tài thí, pháp thí, tục thí, đạo thí; nay muốn phân biệt pháp thí, tài thí.

Pháp thí như lấy tâm đại từ, bắt đầu Chuyển pháp luân, vô lượng chúng sanh đắc đạo, sau Xá-lợi-phất theo Phật Chuyển pháp luân. Các thánh nhân khác tuy chẳng phải Chuyển pháp luân, cũng vì chúng sanh thuyết pháp, làm cho họ đắc đạo, cũng gọi là pháp thí.

Lại có Bồ-tát Biến Cát, Quán Thế Âm, Đắc Đại Thế, Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Di-lạc... dùng hai lực thần thông là quả báo thần thông, tu đắc thần thông; trụ trong đó lấy các nhân duyên về phước đức, lực phương tiện, hào quang, thần túc... để khai độ chúng sanh, cũng gọi là pháp thí.

Các Bích-chi Phật bay lên giữa hư không, nói một bài kệ dẫn đạo chúng sanh, khiến gieo trồng thiện căn, cũng gọi là pháp thí.

Lại đệ tử Phật chưa đắc thánh đạo, ngồi thiền, tụng kinh, không phá hoại pháp tướng, giáo hóa đệ tử, đều gọi là pháp thí.

Các thứ như vậy, gọi là tướng trạng của pháp thí. Vì vậy nên nói: muốn an lập chúng sanh nơi sáu phước thí, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Kinh: Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát muốn được năm mắt, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Năm mắt là mắt thịt, mắt trời, mắt tuệ, mắt pháp, mắt Phật. (Mười ba chữ này nguyên ở trong văn kinh, nay y theo Đại chánh tạng đưa vào trong văn luận).

Mắt thịt thấy gần không thấy xa; thấy trước không thấy sau; thấy ngoài không thấy trong; thấy ngày không thấy đêm; thấy trên không thấy dưới, vì bị chướng ngại như vậy nên cầu mắt trời.

Được mắt trời, xa gần đều thấy, trước sau, trong ngoài, ngày đêm, trên dưới đều thấy không chướng ngại. Nhưng mắt trời chỉ thấy vật giả danh do nhân duyên hòa hợp sanh, không thấy được thật tướng là không, vô tướng, vô tác, vô sanh, vô diệt; như trước, giữa, sau cũng như vậy. Vì thật tướng nên cầu mắt tuệ.

Được mắt tuệ, không thấy chúng sanh, diệt hết tướng một, khác; lìa bỏ các chấp trước, không thọ nhận hết thảy pháp, trí tuệ phân biệt tự diệt bên trong; ấy gọi là mắt tuệ. Nhưng mắt tuệ không thể độ chúng sanh, vì có sao? Vì không còn phân biệt, vì vậy nên cầu mắt pháp.

Mắt pháp khiến cho người ấy tu hành pháp ấy, chứng được đạo ấy, biết hết thảy chúng sanh và dùng các môn phương tiện khiến cho họ được chứng đạo. Nhưng mắt pháp không thể biết khắp đạo phương tiện độ sanh; vì vậy nên cầu mắt Phật.

Mắt Phật không việc gì không biết, thấy biết tất cả sự che kín; việc đối người khác rất xa, đối với Phật rất gần; đối với người khác tối tăm, đối với Phật sáng tỏ; đối với người khác nghi ngờ, đối với Phật quyết định; đối với người khác vi tế, đối với Phật thô thiển; đối với người khác rất sâu, đối với Phật rất cạn. Mắt Phật ấy không gì không nghe; không gì không thấy; không gì không biết; không việc gì

khó; không suy nghĩ gì; đối với mọi pháp, mắt Phật thường soi sáng. Nghĩa năm mắt, phần sau sẽ nói rộng.

Kinh: Bồ-tát ma-ha-tát muốn dùng mắt trời thấy chư Phật trong mười phương thế giới nhiều như cát sông Hằng, muốn dùng tai trời nghe mười phương chư Phật thuyết pháp, muốn biết tâm chư Phật, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Đúng nghĩa thì mắt trời được không quá ba ngàn đại thiên thế giới; nay do lực Bát-nhã ba-la-mật nên thấy chư Phật trong mười phương thế giới nhiều như cát sông Hằng, vì có sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật, thì không gần không xa, không có gì chướng ngại.

Hỏi: Như kinh Ban châu nói: do lực Ban châu tam-muội, nên tuy chưa được mắt trời vẫn thấy được chư Phật hiện tại trong mười phương, với ở đây Bồ-tát dùng mắt trời thấy mười phương chư Phật có gì khác nhau?

Đáp: Mắt trời này thuộc vô phú vô ký, Ban châu tam-muội, người lìa dục, người chưa lìa dục đều được, còn mắt trời chỉ người lìa dục có được. Ban châu tam-muội, nhớ tưởng phân biệt, thường tu thường tập cho nên thấy; còn mắt trời tu thần thông được con mắt sắc trần do bốn đại của cõi Sắc tạo nên, thấy bốn phía khắp tướng sáng; ấy là khác Ban châu tam-muội. Công của mắt trời dễ; ví như mặt trời mọc, thấy sắc không khó; công của tam-muội khó; ví như ban đêm đốt đèn, thấy sắc không dễ; tai trời cũng như vậy.

Biết tâm chư Phật. Hỏi: Như ở thượng địa mà độn căn còn không biết được tâm lợi căn hạ địa. Bồ-tát còn không biết được tâm một đức Phật, huống gì biết được tâm chư Phật trong mười phương nhiều như cát sông Hằng?

Đáp: Do thần lực của Phật làm cho Bồ-tát biết; như Kinh nói: Hết thầy không ai biết được tâm Phật; nếu Phật dùng thần lực làm cho biết, thì cho đến côn trùng cũng biết được. Vì vậy nên biết, Phật dùng thần lực làm cho Bồ-tát biết tâm Phật.

Lại nữa, Bát-nhã ba-la-mật, không có tướng ngăn ngại, thô tế, sâu cạn, ngu thánh, đều không sai khác. Tâm chư Phật như, tâm Bồ-tát như, nhất như không sai khác. Bồ-tát theo “như” ấy, nên biết được tâm chư Phật.

Lại nữa, việc khó hiềm có, không thể biết mà biết, vì vậy nên nói: muốn được như vậy nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Kinh: Muốn nghe mười phương chư Phật thuyết pháp, nghe rồi cho đến khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vẫn không quên, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Hỏi: Pháp của một đức Phật nói còn khó ghi nhớ; huống gì pháp của vô lượng chư Phật nói mà muốn ghi nhớ không quên?

Đáp: Bồ-tát do lực của Văn trì Đà-la-ni nên thọ trì được; do lực của đà-la-ni ức niệm bền chắc nên không quên.

Lại nữa, trong đây nói lực của Bát-nhã ba-la-mật, rất ráo thanh tịnh không dính mắc; ví như biển lớn hàm thọ các dòng. Bồ-tát theo mười phương chư Phật nghe pháp, do khí cụ Bát-nhã ba-la-mật lớn, nên có thể thọ lãnh vô lượng pháp, giữ mãi không quên.

Lại nữa, Bát-nhã ba-la-mật không thể ví dụ; như hư không; như lúc lửa kiếp tận đốt sạch, mưa lớn đầy đầy, trận mưa ấy trừ hư không ra không chỗ nào có thể dung chứa. Mưa pháp của chư Phật mười phương, từ miệng Phật tuôn ra, trừ Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, không còn có ai lãnh thọ được, vì vậy nên nói: muốn nghe pháp của mười phương chư Phật nói, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Kinh: Lại nữa, nay Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát muốn thấy thế giới của chư Phật quá khứ, vị lai và thấy thế giới của mười phương chư Phật hiện tại, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Hỏi: Nếu thấy mười phương Phật là đã thấy thế giới, nay có sao nói muốn thấy thế giới?

Đáp: Bồ-tát khi chưa thiền định vào sâu, nếu thấy mười phương thế giới, núi sông, cây cỏ, thời tâm tán loạn, nên chỉ xem thấy chư Phật; như đã nói trong chương nói về niệm Phật. Hành giả chỉ xem chư Phật, không xem đất nước, núi sông, cây cỏ, khi được lực thiền định thì tùy ý xem rộng.

Lại nữa, cõi Phật thanh tịnh khó thấy, cho nên nói muốn thấy thế giới của chư Phật, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Lại một đức Phật có vô lượng trăm ngàn thứ thế giới; như trước nói có thế giới nghiêm tịnh; có thế giới không nghiêm tịnh; có thế giới xen tạp; có thế giới rất ráo thanh tịnh khó thấy, do lực Bát-nhã ba-la-mật mà thấy được cả; ví như thiên tử khi ngồi ở điện nghe chính sự, thời người ngoài thấy rõ mà người ở thâm cung nội điện không thấy được.

Hỏi: Thế giới hiện tại trong mười phương có thể thấy; còn thế giới của chư Phật quá khứ, vị lai làm sao thấy?

Đáp: Bồ-tát có thứ tam-muội thấy quá khứ vị lai, khi vào tam-muội ấy thì thấy việc quá khứ vị lai; như thấy việc trong mộng.

Lại nữa, Bồ-tát có thứ tam-muội không diệt trừ, khi vào tam-muội ấy, không thấy có chư Phật có diệt mất.

Hỏi: Hai pháp ấy chẳng phải mắt làm sao thấy được?

Đáp: Đây chính là trí tuệ, giả gọi là mắt.

Lại nữa, như trong kinh Chuyển pháp luân, đối với bốn đế được nhãn, trí, minh, giác.

Lại nữa, Bồ-tát thấy thế giới Phật hiện tại trong mười phương, chắc chắn biết thế giới chư Phật trong quá khứ; vị lai cũng như vậy, vì cớ sao? Vì hết thấy chư Phật công đức đồng nhau; việc ấy như trước đã nói.

Lại nữa, trong Bát-nhã ba-la-mật, giống như hiện tại, quá khứ vị lai bình đẳng không khác; vì một như, một pháp tánh, vì thế không nên nạn.

Kinh: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn nghe mười hai bộ kinh của mười phương chư Phật nói là Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Thọ-ký, Già-đà, Ưu-đà-na, Nhân duyên, A-ba-đà-na, Như thị ngữ, Bốn sanh, Phương quảng, Vị tăng hữu, Luận nghị, mà hàng Thanh văn nghe, cũng chẳng nghe, đều muốn đọc tụng thọ trì tất cả, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Trước nói muốn nghe hết thấy pháp của mười phương chư Phật thuyết, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Pháp chư Phật thuyết tức đây nói mười hai bộ kinh.

Trong các Kinh, những lời nói thẳng gọi là Tu-đa-la, đó là bốn bộ A-hàm, và các kinh Đại thừa, kinh Hai trăm năm mươi giới, ngoài ba tạng ấy cũng có kinh khác, đều gọi là *Tu-đa-la* (Sutra: kệ kinh).

Các bài kệ trong các Kinh gọi là *Kỳ-dạ* (Geya – Trùng tụng).

Chúng sanh trong chín đạo là ba thừa và sáu thú được *Thọ-ký* (Vyākuraṇa – Ký biệt) rằng: người ấy trải bấy nhiêu vô số kiếp sẽ được làm Phật; hoặc thọ ký hàng Thanh văn đời này hoặc đời sau đấng đạo; thọ ký hàng Bích-chi Phật chỉ đời sau đấng đạo; thọ ký chúng sanh trong sáu thú (sáu đường) đời sau chịu báo.

Pháp của chư Phật khi muốn thọ ký cho chúng sanh trước đều mỉm cười, vô lượng hào quang từ bốn cái răng phóng ra, đó là hào quang xanh, vàng, đỏ, trắng, tía... từ hai răng trên phóng ra chiếu ba đường ác; từ hào quang đó diễn vô lượng pháp, nói hết thấy pháp tạo tác là vô thường, hết thấy pháp vô ngã, Niết-bàn an ổn. Chúng sanh gặp được hào quang cùng nghe thuyết pháp ấy, thân tâm an lạc, được sanh cõi người cõi trời; từ nhân duyên ấy đều được hết khổ. Hào quang từ hai răng dưới phóng ra chiếu lên cõi người cõi trời, cho đến cõi thiên Hữu định; hoặc kẻ đui mù, câm họng, bệnh cuồng đều được trừ khỏi. Trời Lục dục và A-tu-la thọ vui ngũ dục, gặp hào quang của Phật và nghe tiếng thuyết pháp, đều sanh nhàm chán dục lạc, thân tâm an lạc. Chư thiên ở cõi Sắc, khi thọ cái vui thiên định, gặp hào quang của chư Phật và nghe tiếng thuyết pháp, cũng sanh nhàm chán, mà đi đến chỗ Phật.

Các hào quang lại đến mười phương chiếu khắp sáu đường làm Phật sự xong, trở lại nhiều quanh thân Phật bảy vòng. Nếu thọ ký địa ngục, thì hào quang từ dưới chân mà vào; nếu thọ ký cho súc sanh, thì hào quang từ đuôi chân vào; nếu thọ ký cho ngựa quý, thì hào quang từ vế vào; nếu thọ ký cho nhân đạo, thì hào quang từ rún vào; nếu thọ ký cho thiên đạo, thì hào quang từ ngực vào; nếu thọ ký cho Thanh văn thì hào quang từ miệng vào; nếu thọ ký Bích-chi Phật, thì hào quang từ tướng giữa hai mi vào; nếu thọ ký được thành Phật, thì hào quang ấy từ đỉnh vào; nếu muốn thọ ký thời trước tiên hiện tướng ấy, vậy sau các đệ tử như A-nan... phát ra lời hỏi.

Hết thấy kệ gọi là Kỳ-dạ, sáu câu, ba câu, năm câu; mỗi câu nhiều ít không nhất định, cũng gọi là Kỳ-dạ, cũng gọi là *Già-đà* (Gàthà – Phúng tụng – Cô khởi).

Ưu-đà-na (Udàna - Tự thuyết) là có pháp Phật cần phải nói nhưng không có ai hỏi, Phật lược mở mối cho hỏi; như Phật ở thành Xá-bà-đề, trên nhà Tỳ-xá-khư, đi kinh hành chỗ tối, tự nói Ưu-đà-na, đó là “vô ngã, vô ngã sở, việc ấy lành thay”. Bấy giờ một Tỳ-kheo chấp tay bạch Phật rằng: bạch Thế Tôn! Thế nào là vô ngã, vô ngã sở, việc ấy lành thay? Phật bảo Tỳ-kheo: người phàm phu chưa được vô lậu đạo, điên đảo che tâm, nên đối với lý vô ngã, vô ngã sở, tâm rất kinh sợ; còn nếu Phật và đệ tử Phật nghe pháp hay thời hoan hỷ phụng hành, không điên đảo, nên không còn tạo nghiệp trở lại. Những điều như vậy, trong Tạp A-hàm nói rộng.

Lại như trong phẩm Bát-nhã ba-la-mật, các thiên tử tán thán của Tu-bồ-đề nói rằng: lành thay! lành thay! Hy hữu Thế Tôn! Hy hữu Thế Tôn! ấy gọi là Ưu-đà-na.

Lại như sau khi Phật Niết-bàn, các đệ tử sưu tập những bài kệ thiết yếu, những bài kệ nói về vô thường, gom lại thành phẩm Vô thường, cho đến những bài kệ nói về Bà-la-môn gom lại thành phẩm Bà-la-môn, cũng gọi là Ưu-đà-na, sưu tập các việc tốt đều gọi là Ưu-đà-na. Như vậy gọi là Ưu-đà-na kinh (cũng gọi là Vô vấn tự thuyết).

Ni-đà-na (Nidàna – Nhân duyên) là nói nhân duyên chính khởi nói Phật pháp. Vì nhân gì Phật nói việc ấy. Trong Tu-đa-la, có người hỏi nên Phật nói việc ấy. Trong luật vì có người phạm việc ấy nên Phật kết giới ấy. Việc duyên khởi của hết thầy lời Phật dạy, đều gọi là Ni-đà-na.

A-ba-đà-na (Avadàna – Thí dụ): tương tự với lời nói thô thiển nhu nhuyễn của thế gian, như kinh Trường A-la-đà-na trong Trung A-hàm; kinh Đại A-ba-đà-na trong Trường A-hàm, Ưc nhĩ A-ba-đà-na, Nhị thập ức A-ba-đà-na ở trong Luật; Dục A-ba-đà-na nhất bộ trong kinh Giải nhị bách ngũ thập giới, Bồ-tát A-ba-đà-na xuất ra một bộ, như vậy có vô lượng A-ba-đà-na.

Như thị ngữ (Itivataka – Y-đế-mục đa-già - Bồn sự): có hai: 1. Là lời kết cú, rằng trước ta hứa nói nay đã nói xong. 2. Là ngoài ba tạng và đại thừa, còn có kinh tên gọi là Nhất Mục-đa-ca, có người nói là Mục-đa-ca. Tên Mục-đa-ca ở cả ba tạng và Đại thừa, là thế nào? Như Phật dạy: vua Tịnh-phạn bắt buộc những người trong dòng họ Thích xuất gia làm đệ tử Phật. Phật chọn năm trăm người có thể đắc đạo, đem đến thành Xá-bà-đề, vì có sao? Vì họ chưa lìa dục; nếu ở gần bà con, sợ họ phá giới, nên đem đến thành Xá-bà-đề bảo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên giáo hóa. Đầu đêm cuối đêm chuyên tinh không ngủ, siêng tu tinh tấn, nên được đạo. Được đạo rồi Phật đem họ trở về bản quốc, cùng với đại hội các thiên chúng ở trong rừng tiên nhân thuộc thành Ca-tỳ-la-bà (Ca-tỳ-la-vệ). Rừng này cách thành Ca-tỳ-la-bà 50 dặm, đó là vườn dạo chơi của người họ Thích. Các Tỳ-kheo Thích tử này khi còn ở thành Xá-bà-đề, đầu đêm, cuối đêm chuyên tinh không ngủ, nên thấy đêm dài; từ trong rừng đi vào trong thành khát thực, mới biết dặm đường dài xa. Bấy giờ đức Phật biết tâm họ, nhân có một con sư tử đi đến lễ dưới chân Phật, rồi sang một bên, Phật lấy ba nhân duyên ấy nói kệ rằng:

“Không ngủ, đêm dài,

Mỗi một, đường dài,

Ngu, sanh tử dài,

Không biết chánh pháp”.

Phật bảo Tỳ-kheo: khi các người chưa xuất gia, tâm kia phóng dật ngủ nghỉ nhiều nên không biết đêm dài; nay đầu đêm, cuối đêm, chuyên tinh cầu đạo, tỉnh giảm ngủ nghỉ nên thấy đêm dài. Rừng Ca-tỳ-la-bà này trước các người vốn cõi xe dạo chơi, nên không biết xa; nay các người mặc y ôm bát, đi bộ mệt mỏi, nên biết đường xa. Còn con sư tử này, từ thời đức Phật Tỳ-bà-thi, làm vị thầy Bà-la-môn, thấy Phật thuyết pháp, đi đến chỗ Phật. Bấy giờ vì đại chúng đang nghe pháp, không cùng nói năng, sư tử mới nghĩ ác, phát lời ác mắng rằng: bọn trọc này, khác gì súc sanh, không biết người tốt, không biết nói năng. Vì nghiệp ác khẩu ấy, nên từ thời đức Phật Tỳ-bà-thi cho đến nay, 91 kiếp, thường ra vào súc sanh. Người ấy lúc đó đáng lẽ đắc đạo, song vì ngu si mà tự làm cho sanh tử lâu dài. Nay ở chỗ Phật, vì tâm thanh tịnh nên sẽ được giải thoát.

Các Kinh như vậy gọi là xuất nhân duyên. Từ chỗ nào xuất? Từ trong ba tạng và Đại thừa xuất ra, nên gọi là xuất. Sao gọi là nhân duyên? Là gốc của ba sự ấy (không ngủ, mệt mỏi, ngu không biết Chánh pháp) nên gọi là Nhân duyên Kinh.

Kinh Bôn sanh (Jataka – Xà-già-đà): nói về sự tích của Bồ-tát ở quá khứ, như xưa Bồ-tát từng làm con sư tử ở trong rừng, cùng với một con khỉ kết bạn thân, khỉ đem hai con gỏi cho sư tử. Khi ấy có con chim ó, đói đi kiếm mồi, gặp sư tử đang ngủ, cố bắt sư tử con đem đi, đậu ở trên cây. Sư tử tỉnh dậy tìm khỉ con không được, thấy chim ó bắt đem trên cây, nói với chim ó: Ta nhận khỉ gỏi hai đứa con, giữ không cẩn thận, để người bắt đem đi, phụ lòng tin của khỉ, xin người cho ta lại. Ta là chúa trong loài thú, người là chúa trong loài chim, thể lực quý trọng ngang nhau, người nên trả lại.

Chim ó nói: Người không biết thời, ta nay đang đói, đâu cần luận đồng hay khác.

Sư tử biết nói vô ích, tự lấy móng sắc bén móc thịt ở vé đùi mình để đổi lấy khỉ con.

Lại trong đời quá khứ, nhân dân nhiều người mắc bệnh liệt, nóng da vàng trắng. Bấy giờ Bồ-tát làm thân cá đở, tự lấy thịt mình bố thí cho người bệnh, để cứu khổ họ.

Lại, xưa Bồ-tát làm thân một con chim, trú ở trong rừng, thấy một người đi vào trong nước sâu, không phải chỗ của người đi, bị vướng lưới của thủy thần. Theo phép lưới thủy thần, đã vướng, thì không thể nào gỡ được. Chim biết cách gỡ,

liền bay đến núi hương, lấy một cành cỏ thuốc, đặt trên lưới kia, giây liền tiêu hoại, người được thoát khỏi.

Vô lượng việc đời trước cứu giúp như vậy; ấy gọi là Bản sanh kinh.

Kinh Phương Quảng (Vaipulya - Tỳ-phật-lược): gọi là Đại thừa, đó là kinh Bát-nhã ba-la-mật; kinh sáu Ba-la-mật; kinh Hoa thủ; kinh Pháp Hoa; kinh Phật bản khởi nhân duyên; kinh Vân; kinh Pháp vân; kinh Đại văn; vô lượng vô số các kinh như vậy, vì để chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên gọi là Tỳ-phật-lược.

Vị tăng hữu (Adbhuta-dharma – A-phù-đà-đạt-ma): như Phật hiện các thần thông, chúng sanh lấy làm lạ cho là việc chưa từng có. Đó là lúc Phật sanh ra, thân phóng hào quang lớn, chiếu ba ngàn đại thiên thế giới và chỗ u ám; lại chiếu ba ngàn đại thiên thế giới của vô lượng chư Phật trong mười phương. Bảy giờ trước Phật mẫu có ao đẹp thanh tịnh, để tắm cho Bồ-tát, Phạm vương cảm lộng, Đế-thích tắm thân, hai rồng phun nước.

Lại lúc mới sanh, không cần phò trì mà tự đi bảy bước, chỗ dấu chân đi đều có hoa sen, và cất tiếng nói: **Ta là người độ hết thủy chúng sanh khỏi khổ, già, bệnh, chết.** Đất chấn động mạnh, trời mưa các hoa, cây phát âm thanh, trở kỹ nhạc trời. Vô lượng việc hy hữu như vậy: ấy gọi là kinh Vị tăng hữu.

Kinh Luận nghị (Upadesa, Upatisa – Ưu-ba-đề-xá): đáp các câu hỏi, giải thích lý do. Lại nói rộng các nghĩa như Phật nói bốn đế, thế nào là bốn? Đó là Bốn thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ, Tập, Diệt, Đạo thánh đế; ấy gọi là luận nghị. Thế nào là Khổ thánh đế? Đó là tám khổ, là sanh khổ... Thế nào là sanh khổ? Đó là các chúng sanh nơi chỗ sanh ra chịu khổ. Hỏi đáp như vậy, giải rộng nghĩa kia; ấy gọi là Ưu-ba-đề-xá (luận nghị). Như trong Đại thừa, Phật dạy sáu Ba-la-mật: Những gì là sáu? Đó là Đàn ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật. Thế nào là Đàn ba-la-mật? Đàn ba-la-mật có hai: 1. Đầy đủ. 2. Không đầy đủ. Thế nào là đầy đủ? Bồ thí hợp cùng với Bát-nhã ba-la-mật cho đến Bồ-tát Thập trụ thành tựu được, gọi là đầy đủ. Không đầy đủ là Bồ-tát mới phát tâm, chưa được vô sanh pháp nhẫn, chưa hợp cùng với Bát-nhã ba-la-mật; ấy gọi là không đầy đủ. Cho đến Thiên ba-la-mật cũng như vậy.

Bát-nhã ba-la-mật đầy đủ là có năng lực phương tiện lớn, chưa đầy đủ là không có năng lực phương tiện.

Lại nữa, Phật nói Luận nghị kinh, Đại Ca-chiên-diên giải thích Khế kinh, cho đến trong đời tượng pháp, kẻ phàm phu đúng như pháp mà thuyết; ấy gọi là Ưu-ba-đề-xá.

Pháp hàng Thanh văn không nghe được là pháp Phật chỉ nói cho Bồ-tát, không có hàng Thanh văn nghe.

Lại nữa, Phật dùng lực thần thông, biến hóa thân vô số khắp mười phương thế giới nhất thừa nói pháp.

Lại nữa, Phật vì trời Dục giới, trời Sắc giới nói pháp không có các đệ tử, cho nên không được nghe.

Hỏi: Các A-la-hán được sáu thần thông, nếu lúc Phật thuyết pháp, tuy không ở tại tòa, mà dùng tai trời, mắt trời có thể nghe được thấy được; nếu dùng Túc mạng thông, thời biết luôn cả việc quá khứ, có sao nói không nghe được?

Đáp: Chỗ thần thông lực của Thanh văn không đến kịp, cho nên không nghe được.

Lại nữa, Phật vì các đại Bồ-tát nói kinh bất khả tư nghì giải thoát, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên ở hai bên Phật mà không nghe được, vì không gieo nhân duyên nghe pháp tu hành Đại thừa ấy; ví như người tọa thiền, khi vào định nhất thiết xứ, có thể quán hết thủy đều là nước, đều là lửa, mà người khác không trông thấy. Như trong kinh Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát nói rộng.

Muốn thọ trì hết là nghe mà phụng hành là thọ, lâu dài không quên mất là trì.

(Hết cuốn 33 theo bản Hán)

--o0o--

Cuốn 34

Chương 46

Giải Thích: Tín Trì

Kinh. Chính pháp của chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai trong hàng hà sa thế giới ở mười phương đã nói, nay nói, sẽ nói, nghe được rồi đều muốn tín thọ, giữ gìn, thực hành và nói cho người khác, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Hỏi: Trên đã nói, đối với pháp của mười phương chư Phật muốn nhớ giữ không quên, nên học Bát-nhã ba-la-mật, sao nay còn tín thọ giữ gìn pháp của chư Phật ba đời?

Đáp: Trên nói muốn nhớ giữ pháp của chư Phật mười phương chưa biết là pháp gì, nên nói mười hai bộ kinh là pháp Phật và pháp mà hàng Thanh văn không nghe được. Trên chỉ nói chư Phật trong thế giới số như hàng hà sa, nay nói pháp của chư Phật ba đời số như hàng hà sa. Trên chỉ nói thọ trì không quên, không nói thọ trì lợi ích, nay nói vì mình cũng vì người thuyết giảng, thế nên nói lại.

Kinh: Lại Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát đối với pháp chư Phật quá khứ đã nói, chư Phật vị lai sẽ nói, muốn nghe, nghe rồi, tự làm lợi mình cũng lợi người, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Hỏi: Đối với pháp của Phật hiện tại trong mười phương nói, có thể thọ, có thể trì, còn pháp quá khứ đã diệt, vị lai chưa có, làm sao nghe được?

Đáp: Nghĩa ấy trước đã đáp, nay lại nói thêm, Bồ-tát có tam-muội gọi là tam-muội Quán chư Phật ba đời, Bồ-tát vào trong tam-muội ấy đều thấy chư Phật ba đời, nghe Ngài thuyết pháp, ví như thần tiên ngoại đạo, đối việc đời vị lai chưa có dấu hình, chưa có nói năng, mà do lực trí tuệ cũng thấy cũng nghe.

Lại nữa, lực của các Bồ-tát không thể nghĩ bàn, đời vị lai tuy chưa có hình, chưa có nói năng, mà có thể thấy được, nghe được. Hoặc do năng lực đà-la-ni, hoặc lấy việc nay so sánh biết việc quá khứ, vị lai. Vì vậy nên nói: muốn được việc này, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Kinh: Muốn đem ánh sáng chiếu khắp những chỗ tối tăm, mặt trời mặt trăng không chiếu đến được trong hàng hà sa thế giới, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận: Bồ-tát từ trời Đâu-suất muốn giáng thần vào thai mẹ, bấy giờ thân phóng hào quang chiếu khắp hết thủy thể giới, và chỗ u tối ở thể gian, sau khi sanh ra, hào quang cũng chiếu khắp như vậy. Lúc mới Thành đạo, lúc Chuyển pháp luân, lúc Bát Niết-bàn cũng phóng hào quang lớn như vậy. Và vào các lúc khác hiện đại thần thông, phóng hào quang lớn; như lúc sắp nói Bát-nhã ba-la-mật, hiện đại thần thông, lấy hào quang lớn chiếu khắp chỗ u ám trong thể gian. So sánh như vậy, nơi nơi trong kinh nói đến thần thông, hào quang.

Hỏi: Đó là thần lực của Phật, có sao nói là Bồ-tát?

Đáp: Nay nói Bồ-tát muốn được điều ấy, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Các đại Bồ-tát có được năng lực ấy, như Bồ-tát Biến cát, Quán Thế Âm, Đắc Đại Thế, Minh Võng, Vô Lượng Quang... có được năng lực ấy, thân phóng ra vô lượng hào quang, chiếu khắp mười phương thể giới số như hằng hà sa.

Lại như trong thể giới Phật A-di-đà, các Bồ-tát thân phóng ra thường quang, chiếu mười vạn do tuần.

Hỏi: Bồ-tát có thân quang như vậy, vốn do nhân duyên nghiệp gì mà được?

Đáp: Thân nghiệp thanh tịnh nên thân được trang nghiêm, như Kinh nói: có một con quỳ đầu như đầu heo, trùng thúì từ trong miệng ra, mà thân có kim sắc sáng chói. Con quỳ ấy từ kiếp trước làm Tỳ-kheo, ác khẩu mắng nhiếc vị Tỳ-kheo khách, nhưng do thân trì tịnh giới, nên thân có ánh sáng, và do ác ngôn nên có trùng thúì từ trong miệng ra. Như kinh nói tâm thanh tịnh có hơn kém, nên ánh sáng có thượng, trung, hạ, sáng ít, sáng lớn, ánh sáng làm âm thanh. Các trời cõi Dục tâm thanh tịnh, bố thí, trì giới, nên thân có ánh sáng.

Lại nữa, có người vì thương xót chúng sanh mà ở chỗ tối đốt đèn, cũng vì cúng dường tôn thượng, tháp, chùa, nên lấy ngọc sáng, trỏ cửa, gương sáng, và các vật sáng sạch bố thí, nên được thân có ánh sáng.

Lại nữa, thường tu từ tâm nhớ khắp cả chúng sanh, tâm thanh tịnh, lại thường tu Niệm Phật tam-muội, niệm tưởng ánh sáng và thần đức chư Phật, nên được thân có ánh sáng.

Lại nữa, hành giả thường tu Hòa nhất thiết nhập (Hòa biến xứ) lại đem ánh sáng trí tuệ giáo hóa chúng sanh tà kiến ngu tối. Do nhân duyên của nghiệp ấy, nên được tâm có ánh sáng trí tuệ, thân cũng có ánh sáng.

Do các nghiệp như vậy, nên được thân có ánh sáng thanh tịnh.

Kinh: Trong hằng hà sa thế giới ở mười phương không có tên Phật, tên Pháp, tên Tăng, mà muốn khiến hết thảy chúng sanh đều được chánh kiến, nghe tiếng Tam bảo, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Ở chỗ từ trước không hề có Phật pháp tháp chùa, Bồ-tát dựng tháp ở đó, nhờ nhân duyên của nghiệp ấy mà thân sau thành tựu đắc lực. Ở chỗ từ trước không hề có chúng hội Phật pháp. Bồ-tát tán thán Tam bảo, khiến chúng sanh nhập vào chánh kiến. Như Kinh nói: ở quốc độ từ trước không hề có tháp Phật, có người dựng tháp miếu thờ Phật mà được phước đức Phạm. Phạm gọi là phước đức vô lượng. Nhờ nhân duyên ấy, mau được thiên định; được thiên định nên được vô lượng thần thông. Nhờ lực thần thông nên có thể đi đến mười phương tán thán Tam bảo.

Chánh kiến là nếu trước không hề biết công đức Tam bảo, nhân Bồ-tát nên được tin Tam bảo, tin Tam bảo nên tin nghiệp tội phước nhân duyên; tin nghiệp nhân duyên nên tin thế gian là trói, Niết-bàn là mở.

Ý nghĩa tán thán Tam bảo, như đã nói ở chương Tám niệm.

Kinh: Muốn làm cho chúng sanh trong hằng hà sa thế giới ở mười phương, nhờ lực của Ta mà người mù được thấy, người điếc được nghe, người cuồng được nhớ, người trần trướng được áo, người đói khát được no đủ, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận: Bồ-tát thực hành vô ngại Bát-nhã, thì hoặc được vô ngại giải thoát thành Phật, hoặc làm pháp tánh sanh thân Bồ-tát, như Văn-thù-thi-ly... ở Thập trụ địa, có đầy đủ công đức, chúng sanh thấy được, đều được như nguyện, ví như ngọc Như ý, muốn gì được nấy. Pháp tánh sanh thân Phật và pháp tánh sanh thân Bồ-tát, người nào thấy được, đều được toại nguyện cũng như vậy.

Lại nữa, Bồ-tát từ khi mới phát tâm lại đây, chữa trị 96 thứ bệnh mắt cho chúng sanh trong vô lượng kiếp; lại tự lấy mắt bố thí cho chúng sanh trong vô lượng kiếp; lại đem ánh sáng trí tuệ phá tà kiến hắc ám; lại đem tâm đại bi khiến chúng sanh đều được như sở nguyện.

Có các nghiệp nhân duyên như vậy, làm sao khiến chúng sanh thấy thân Bồ-tát mà lại không được mắt sáng? Các việc khác cũng như vậy, các nghĩa này, như đã nói trong chương Phóng quang.

Kinh: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát nếu muốn làm cho chúng sanh đang ở ba đường ác trong hàng hà sa thế giới mười phương, nhờ lực của ta mà đều được làm thân người, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Hỏi: Nhờ thiện nghiệp nhân duyên của chính mình nên được làm thân người, có sao Bồ-tát nói do lực của Ta nên khiến cho chúng sanh trong ba đường ác đều được làm thân người?

Đáp: Không nói do nghiệp nhân duyên của Bồ-tát khiến chúng sanh được làm thân người, mà chỉ nói do ân lực của Bồ-tát nên được. Bồ-tát lấy lực thần thông biến hóa thuyết pháp, khiến chúng sanh tu thiện mà được làm thân người.

Như trong Kinh nói hai nhân duyên phát khởi chánh kiến: 1. Bên ngoài nghe chánh pháp. 2. Bên trong có chánh niệm.

Lại như cây cỏ, bên trong có hạt giống, bên ngoài có mưa thấm, vậy sau được phát sanh. Nếu không có Bồ-tát, chúng sanh tuy có nghiệp nhân duyên, mà không do đâu phát khởi được. Vì vậy nên biết chư Phật Bồ-tát, lợi ích rất nhiều.

Hỏi: Làm sao khiến chúng sanh trong ba đường ác đều được giải thoát? Phật còn không làm được, huống là Bồ-tát?

Đáp: Tâm nguyện của Bồ-tát muốn như vậy, không có lỗi chi. Lại nhiều người được giải thoát, cho nên nói hết thầy, như thân chư Phật và Bồ-tát khắp phóng ra vô lượng hào quang, từ hào quang ấy xuất ra vô lượng hóa thân, khắp vào trong ba đường ác ở mười phương, làm cho địa ngục lửa tắt, nước sôi lạnh, chúng sanh trong đó nhờ tâm thanh tịnh nên được sanh cõi trời cõi người; làm nạ quỷ đói khát được no đủ, khai phát thiện tâm mà được sanh cõi trời cõi người; làm cho súc sanh đạo tùy ý được ăn, xa lìa sợ hãi, khai phát thiện tâm, cũng được sanh cõi trời cõi người. Như vậy gọi là hết thầy ba đường ác được giải thoát.

Hỏi: Như các Kinh khác nói sanh cõi trời cõi người, sao ở đây chỉ nói được làm thân người?

Đáp: Ở trong cõi người mới có được việc tu đại công đức, cũng hưởng phước lạc, còn ở cõi trời phần nhiều say đắm vui không thể tu đạo, vì vậy nên nguyện cho được làm thân người.

Lại nữa, Bồ-tát không nguyện cho chúng sanh chỉ thụ hưởng phước lạc, mà muốn khiến được giải thoát, thường vui Niết-bàn. Vì vậy nên không nói sanh lên cõi trời.

Kinh: Muốn khiến chúng sanh trong hằng hà sa thế giới ở mười phương, nhờ lực của Ta mà đứng vững nơi giới, tam-muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến; khiến được quả Tu-đà-hoàn cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Hỏi: Trước đã nói năm pháp uẩn và đạo quả; nay sao còn nói lại?

Đáp: Trên chỉ nói pháp Thanh văn, từ quả Tu-đà-hoàn cho đến Vô dư Niết-bàn, nay nói lẫn lộn ba thừa Thanh văn, Bích-chi Phật, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Kinh: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn học oai nghi chư Phật, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Hỏi: Thế nào là oai nghi chư Phật?

Đáp: Oai nghi là bốn động chỉ của thân. Ví như voi chúa, xoay mình mà xem, khi đi chân cách đất bốn ngón tay, tuy không đạp đất mà dấu bánh xe hiện rõ, không chậm không mau, thân không nghiêng lay, thường đưa tay phải, an ủi chúng sanh. Khi ngồi kiết già, thân ngay thẳng; nằm thường nghiêng hông bên phải, hai đầu gối chông lên nhau, trái nệm cỏ chỉnh tề không rối loạn, ăn không kể vị, ngon dở đồng nhau, đều nhận lời người thỉnh mời, thì làm thỉnh không nói, nói năng nhu nhuyễn, phương tiện lợi ích, không bỏ mất thời tiết.

Lại nữa, oai nghi của pháp thân Phật là quá Hằng hà sa thế giới phương đông làm một bước, phạm âm làm thuyết pháp cũng như vậy. Nghĩa tướng của pháp thân Phật, như trước đã nói.

Kinh: Bồ-tát ma-ha-tát muốn được như voi chúa xem nhìn, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát nguyện rằng khi Ta đi cách đất bốn ngón tay, chân không đạp đất, Ta sẽ đến dưới cội Bồ-đề cùng với trời Tứ thiên vương, cho đến trời A-ca-ni-sắc, vô lượng ngàn vạn ức chúng chư thiên cung kính vây quanh, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận: *Như voi chúa xem nhìn* là khi muốn xoay thân để nhìn thì cả thân đều chuyển, thân tâm chuyên nhất là tướng đại nhân, thế nên nếu có xem nhìn, thì cả thân tâm đều xoay, ví như sư tử bắt mồi, không vì vật nhỏ mà thay đổi thế

manh. Phật cũng như vậy, nếu có xem nhìn, hoặc có nói gì thì thân với tâm đồng nhau, thường không phân tán, vì có sao? Vì từ vô số kiếp lại đây, tập pháp nhất tâm, do nghiệp nhân duyên ấy nên xương đầu với thân làm một, không có phân chia. Lại vì đời đời phá kiêu mạng nên không khinh chúng sanh, khi xem thời cả thân cùng xoay, như trong kinh Ni-tha thí dụ nói: người hốt phân ở nước Xá-bà-đề, Phật lấy tay xoa đầu dạy khiến xuất gia, còn không khinh nó.

Chân đi cách đất bốn ngón tay là nếu Phật thường bay đi, thì chúng sanh nghi lấy làm lạ, bảo Phật chẳng phải người, thời không quay về nương tựa, còn nếu chân đi đến đất thời chúng sanh cho chẳng khác người thường, không sanh tâm cung kính. Thế nên tuy là đi trên đất, cách đất bốn ngón tay mà tướng dấu bánh xe dưới bàn chân vẫn hiện rõ.

Hỏi: Như Phật thường phóng hào quang lớn, chân đi không đến đất mà sao chúng sanh không tất cả đều cung kính quay về nương tựa?

Đáp: Chúng sanh trong vô lượng kiếp chứa tội rất nặng, vô minh cấu nhiễm sâu dày, đối với Phật sanh nghi cho là thầy huyền, dùng thuật dối người. Hoặc nói rằng chân không đạp đất, bản tánh sanh ra tự nhiên như vậy, như chim hay bay, có gì kỳ lạ! Hoặc có chúng sanh vì tội nặng không thấy tướng Phật, chỉ gọi là Sa-môn đại oai đức mà thôi; ví như người bệnh nặng sắp chết, thuốc hay, đồ ăn ngon, đều cho là xú uế, thế nên không tất cả đều cung kính nương tựa.

Đi đến dưới cội Bồ-đề cùng với trời Tứ thiên vương cho đến trời A-ca-ni-sắc, vô lượng ngàn vạn ức chúng chư thiên cung kính vây quanh là thường pháp của chư Phật. Phật là Thế Tôn, đến dưới cội Bồ-đề, sắp phá hai thứ ma là kiết sử ma và tự tại thiên tử ma, sắp thành bậc nhất thiết trí, thì các chúng chư thiên sao không cung kính hầu đưa? Lại chư thiên đời đời tá trợ ủng hộ Bồ-tát, cho đến khi xuất gia, chư thiên khiến các cung nhân thế nữ nằm ngủ say mê, đỡ chân ngựa của Bồ-tát vượt ra khỏi thành. Ngày nay việc thành, ta sẽ cùng nhau hầu đưa đến dưới cội Bồ-đề.

Hỏi: Sao không nói vô lượng người dòng Sát-lợi, Bà-la-môn hầu đưa mà chỉ nói chư thiên?

Đáp: Phật mọi mình ở giữa rừng sâu tìm cội Bồ-đề, chẳng phải chỗ của người đi, cho nên không nói. Lại người không có Thiên nhãn, Tha tâm trí, nên không biết Phật sẽ thành đạo, cho nên không nói.

Lại nữa, chư thiên quý hơn người, cho nên chỉ nói trời.

Lại nữa, chư Phật thường vui chỗ nhàn tịnh, chư thiên thường ẩn thân không thấy, không trở ngại nhàn tịnh, cho nên chỉ nói chư thiên hầu đưa đi.

Lại nữa, Bồ-tát thấy năm Tỳ-kheo bỏ Bồ-tát mà đi, Bồ-tát một mình đi đến dưới cội cây, thế nên phát lời nguyện ấy.

Kinh: Nguyện Ta se ngồi dưới cội Bồ-đề, trời Tứ thiên vương cho đến trời A-ca-ni-sắc, lấy áo trời trải làm tòa, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Hỏi: Như Kinh nói: Phật trải cỏ ngồi dưới cội cây mà thành Phật đạo, nay có sao nói nguyện lấy áo trời làm chỗ ngồi?

Đáp: Trong kinh Thanh văn nói trải cỏ, trong kinh Đại thừa tùy chúng sanh thấy, hoặc có người thấy trải cỏ dưới cội cây, hoặc có người thấy trải nệm trời, theo phước đức của mỗi người nhiều ít mà chỗ thấy không đồng.

Lại nữa, sanh thân Phật ôm cỏ đến dưới cây, pháp tánh sanh thân Phật lấy áo trời làm tòa, hoặc hơn áo trời.

Lại nữa, Phật ở dưới cây giữa rừng sâu thành Phật, người ở trong rừng thấy, đem cỏ dâng Phật, nếu quý nhân không thấy sẽ lấy y phục quý giá trải làm tòa, chỉ vì trong rừng không có quý nhân, nên bây giờ long thần, trời đem mỗi áo đẹp làm tòa, áo của trời Tứ thiên vương nặng hai lượng; áo trời Đạo-lợi nặng một lượng; áo trời Dạ-ma nặng mười tám thù; áo trời Đâu-suất-đà nặng mười hai thù; áo trời Hóa-lạc nặng sáu thù; áo trời Tha-hóa-tự-tại nặng ba thù; áo trời Sắc giới không có tướng nặng; áo trời cõi Dục từ bên gốc cây sanh, không chỉ không may; ví như băng mỏng, ánh sáng sáng trong, có đủ màu sắc; áo trời Sắc giới, thuần ánh sáng kim sắc.

Như vậy áo báu trải làm chỗ ngồi, Bồ-tát ngồi lên đó thành bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hỏi: Sao chỉ nói chư thiên trải áo, không nói đại Bồ-tát ở mười phương trải tòa cho Phật? Các Bồ-tát lúc sắp Thành đạo đều trải tòa cho Phật, hoặc rộng dài đều một do tuần, mười trăm ngàn vạn ức cho đến vô lượng do tuần, cao cũng như vậy. Các tòa báu ấy do phước đức vô lậu của Bồ-tát phát sanh, chư thiên mắt còn không thấy được hưởng gì lấy tay sờ. Ba đời mười phương chư Phật, hàng ma đắc đạo, trang nghiêm Phật sự, thấy đều soi thấy, ví như gương sáng. Tòa của Bồ-tát đẹp như vậy, có sao không nói?

Đáp: Bát-nhã ba-la-mật có hai thứ: 1. Là nói chung cho Thanh văn, Bồ-tát và chư thiên. 2. Chỉ nói riêng cho Bồ-tát đầy đủ mười trụ. Trong Bát-nhã ba-la-mật này hãy nói cho Bồ-tát trải tòa cho Phật, vì sao? Vì chư thiên biết ân Phật không kịp các đại Bồ-tát, một đời, hai đời. Bồ-tát như vậy, có sao không dùng thần lực mà cúng dường Phật. Trong đây hợp với Thanh văn mà nói, nên không nói Bồ-tát trải tòa.

Kinh: Muốn lúc chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chỗ đi, đứng, ngồi, nằm, đất đều là Kim cương, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Hỏi: Vì sao nơi chỗ bốn oai nghi đi, đứng, ngồi, nằm của Phật, đất đều là Kim cương?

Đáp: Có người nói: lúc Bồ-tát đến dưới cội Bồ-đề, ngồi ở chỗ đó chứng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, bấy giờ Bồ-tát vào trong thật tướng chư pháp, không có đất nào đủ sức đỡ Bồ-tát, vì sao? Vì đất đều là quả báo do nghiệp hư dối của chúng sanh mà có, nên không thể đỡ nổi Bồ-tát. Lúc Bồ-tát sắp thành Phật, thân Phật là thân thật tướng trí tuệ, lúc ấy chỗ ngồi biến thành Kim cương.

Có người nói: đất ở trên Kim luân, Kim luân ở trên Kim cương, từ mé Kim cương xuất ra đài hoa sen thẳng lên đỡ chỗ ngồi của Bồ-tát, khiến không lún sụp, vì vậy nên chỗ ngồi đạo tràng gọi là Kim cương.

Có người nói: thành Phật rồi, chỗ đi, đứng, ngồi, nằm đều biến thành Kim cương.

Hỏi: Kim cương cũng do nghiệp hư dối của chúng sanh mà có, làm sao đỡ Phật được?

Đáp: Kim cương tuy cũng do nghiệp hư dối tạo thành, song bền chắc hơn đất, không còn có gì hơn nữa. Nước ở dưới kim cương, các đại long vương lấy vật kiên cố ấy dâng Phật, đây cũng là do nghiệp đời trước của Phật, nay được chỗ an lập này.

Lại nữa, Phật biến Kim cương và bốn đại thành hư không, hư không không hư dối, trí tuệ Phật cũng không hư dối. Hai việc đã đồng nhau, cho nên đỡ được.

Kinh: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát, muốn ngay trong ngày xuất gia liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và Chuyển pháp luân, khi Chuyển pháp luân, vô lượng vô số chúng sanh xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh đối với các pháp; vô lượng vô số chúng sanh vì không thọ hết thầy pháp, nên được

giải thoát khỏi các lậu tâm; vô lượng vô số chúng sanh được không thối chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận: Hoặc có Bồ-tát ở trong đời ác chúng sanh tà kiến, vì trừ tà kiến cho họ nên thực hành hạnh cần khổ rất khó, như đức Phật Thích-ca Văn ở trong rừng cây Ưu-lâu-tần-loa (Uruvela) ngày ăn một hạt mè hạt gạo. Các ngoại đạo nói: Tiên sư chúng tôi tuy tu khổ hạnh, không bằng sáu năm cần khổ như vậy.

Lại có người nói: Phật có nghiệp ác đời trước, nên nay chịu khổ báo ấy.

Lại có Bồ-tát cho rằng Phật thật thọ khổ ấy, nên phát tâm nguyện rằng: Ta sẽ ngay trong ngày xuất gia được thành Phật.

Lại có Bồ-tát ở vào đời tốt xuất gia, như Đại Thông Tuệ cầu Phật đạo, ngồi kiết-già phu, trải mười tiểu kiếp mới được thành Phật. Bồ-tát nghe như vậy, phát tâm nguyện rằng: nguyện Ta ngay trong ngày xuất gia liền được thành Phật.

Lại có Bồ-tát thành Phật rồi, không Chuyển pháp luân liền, như đức Phật Nhiên Đăng thành Phật đã mười hai năm, chỉ phóng hào quang, không người nào biết, nên không thuyết pháp.

Lại như Phật Tu-phấn-đa thành Phật rồi, không ai thọ hóa, nên làm hóa Phật lưu lại một kiếp thuyết pháp độ người, còn tự thân thì diệt độ.

Lại như đức Phật Thích-ca Văn thành Phật rồi, năm mươi bảy ngày không thuyết pháp. Bồ-tát nghe như vậy, nên phát nguyện: khi Ta thành Phật rồi liền Chuyển pháp luân.

Lại như đức Phật độ chúng sanh có hạn số, như đức Phật Thích-ca Văn, lúc Chuyển pháp luân, ông Kiều-trần-như một người được Sơ quả, tám vạn chư thiên được Pháp nhãn tịnh đối với các pháp. Bồ-tát nghe như vậy, nên phát nguyện: Khi ta Chuyển pháp luân, vô lượng vô số người được xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh đối với các pháp.

Lại vì như đức Phật Thích-ca Văn lúc Chuyển pháp luân đầu tiên, chỉ có một Tỳ-kheo và chư thiên chứng được Sơ quả, mà không một người chứng được A-la-hán và Bồ-tát đạo. Thế nên Bồ-tát phát nguyện rằng: khi ta thành Phật, sẽ làm cho vô lượng vô số chúng sanh, không chấp thọ hết thầy pháp, được giải thoát các lậu tâm, và vô lượng vô số chúng sanh, không chấp thọ hết thầy pháp, được giải thoát các lậu tâm, và vô lượng vô số chúng sanh được không thối chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hỏi: Nếu thần lực và công đức độ sanh của chư Phật bằng nhau, thì có sao ở đây Bồ-tát lại phát nguyện như vậy?

Đáp: Một Phật có thể biến làm vô lượng vô số thân để độ chúng sanh, nhưng thế giới có nơi nghiêm tịnh, có nơi không nghiêm tịnh, Bồ-tát hoặc thấy hoặc nghe có đức Phật tu khổ hạnh khó được thành Phật, có đức Phật không Chuyển pháp luân liên, có như đức Phật Thích-ca Văn sáu năm khổ hạnh mới Thành đạo. Lại nghe lúc Chuyển pháp luân đầu tiên chưa có người chứng được A-la-hán hưởng gì được Bồ-tát đạo. Vì Bồ-tát chưa nghe thần lực của chư Phật bình đẳng, nên phát nguyện như vậy. Nhưng thần lực và công đức của chư Phật bình đẳng không sai khác.

Kinh: Muốn lúc Ta thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lấy vô lượng vô số Thanh văn làm Tăng, lúc Ta một lần thuyết pháp họ liền bèn ở trên tòa đều chứng được A-la-hán, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận: Có đức Phật lấy Thanh văn làm Tăng, có số có hạn, như đức Phật Thích-ca Văn lúc đầu có 1.250 Tỳ-kheo làm Tăng, đức Phật Di-lặc thuyết pháp hội đầu có 99 ức Tăng, hội thứ hai có 96 ức, hội thứ ba có 93 ức. Tăng của chư Phật như vậy có hạn có số không đồng. Vì vậy nên Bồ-tát nguyện rằng: Ta sẽ lấy vô lượng vô số Thanh văn làm Tăng.

Lại có đức Phật thuyết pháp cho chúng sanh, thuyết lần đầu người nghe được Sơ quả, lúc khác lại thuyết pháp nhị quả, tam quả, tứ quả. Như đức Phật Thích-ca Văn thuyết pháp cho năm Tỳ-kheo, chứng được Sơ quả, ngày sau chứng được A-la-hán, như Xá-lợi-phất được Sơ quả, nửa tháng sau mới được A-la-hán quả. Đại Ca-diếp trông thấy Phật liền được sơ quả, qua tám ngày được A-la-hán. Như A-nan được quả Tu-đà-hoàn, mười hai năm hầu hạ Phật, sau khi Phật Bát Niết-bàn mới được A-la-hán. Các A-la-hán như vậy không phải một lúc chứng được bốn quả, vì vậy nên Bồ-tát phát nguyện rằng: lúc Ta một lần thuyết pháp, người nghe liền ở trên tòa đều chứng được A-la-hán.

Kinh: Nguyện Ta sẽ lấy vô lượng vô số đại Bồ-tát làm Tăng, lúc Ta một lần thuyết pháp, vô lượng vô số Bồ-tát đều được bất thối chuyển.

Luận: Bồ-tát sở dĩ phát nguyện này, là vì thấy chư Phật phần nhiều lấy Thanh văn làm Tăng, không tách riêng Bồ-tát Tăng, như các Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi... vì đức Phật Thích-ca Văn không tách riêng Bồ-tát Tăng, nên đã phải nhập vào Thanh văn Tăng theo thứ lớp ngồi.

Lại có đức Phật vì nhất thừa thuyết pháp, thuần lấy Bồ-tát làm Tăng.

Lại có đức Phật lấy cả Thanh văn Bồ-tát lẫn lộn làm Tăng, như nước đức Phật A-di-đà, Bồ-tát Tăng nhiều, Thanh văn Tăng ít. Vì vậy nên nguyện lấy vô lượng Bồ-tát làm Tăng.

Lại có đức Phật lúc Chuyển pháp luân đầu tiên, không có người được A-bệ-bạt-trí (không thối chuyển). Vì vậy nên Bồ-tát nguyện rằng: Ta thuyết pháp lần đầu có vô lượng vô số người được A-bệ-bạt-trí.

Kinh: Muốn được sống lâu vô lượng, ánh sáng đầy đủ, thời nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận: Chư Phật thọ mạng có dài có ngắn. Như đức Phật Tỳ-bà-thi sống 84.000 năm, đức Phật Câu-lưu-tôn sống sáu vạn năm, Phật Câu-na-hàm Mâu-ni sống ba vạn năm, Phật Ca-diếp sống hai vạn năm, Phật Thích-ca Văn sống trăm tuổi. Ít có ai quá hơn đức Phật Di-lặc sống 84.000 năm.

Như đức Phật Thích-ca Văn, hào quang chiếu thường là xa một trượng, đức Phật Di-lặc hào quang chiếu thường xa mười dặm.

Hào quang và thọ mạng của chư Phật có hai thứ: Ẩn tàng. 2. Là hiển hiện. 1. Là chân thật. 2. Là vì chúng sanh nên ẩn tàng. Chân thật là vô lượng hiển hiện. Vì chúng sanh là có hạn có lượng.

Thật thì Phật thọ mạng không phải ngắn, vì chư Phật đầy đủ nghiệp nhân duyên trường thọ, như Phạm-thiên Bà-già nhờ kiếp trước cứu nơn mạng một làng, cho nên được thọ mạng vô lượng vô số. Theo pháp của Phạm thế thì sống không quá nửa kiếp, nhưng riêng Phạm thiên này sống vô lượng. Vì vậy nên ông sanh tà kiến nói rằng, chỉ có ta thường trú. Phật đi đến chỗ ông phá tà kiến đó, nói duyên trước của ông nhờ cứu mạng cho một làng mà còn được sống lâu như vậy, huống gì Phật đời đời cứu vô lượng vô số chúng sanh, hoặc đem thí vật cứu giúp, hoặc đem thân mạng chết thế, cứ sao sống không quá hạn trăm tuổi?

Lại nữa, giới không sát sanh là nghiệp nhân cho sống lâu, Phật đem tâm đại từ thương chúng sanh thấu xương tủy, còn thường vì chúng sanh mà chết, huống gì sát sanh.

Lại nữa, trí tuệ biết thật tướng chư pháp, chân thật không hư dối, cũng là nghiệp nhân duyên cho sống lâu; Bồ-tát do công đức trì giới hòa hợp với Bát-nhã ba-la-

mật còn được sống lâu vô lượng, huống gì Phật đời đời đầy đủ vô lượng công đức ấy, mà mạng sống có hạn.

Lại nữa, như trong hết thầy sắc, Phật thân đệ nhất; trong hết thầy tâm, Phật tâm đệ nhất; vì vậy trong hết thầy thọ mạng, Phật thọ mạng đệ nhất. Như người tục nói: người sanh ở đời, sống lâu là quý, Phật ở trên người, thọ mạng cũng phải dài lâu!

Hỏi: Phật tuy có nghiệp nhân trường thọ, vì sanh vào đời ác, nên thọ mạng phải ngắn, dùng thọ mạng ngắn ấy đủ hoàn thành Phật sự, chứ cần chi phải dài?

Lại Phật do lực thần thông, trong một ngày đủ hoàn thành Phật sự, huống gì trăm năm?

Đáp: Ở đây cõi Diêm-phù-đề ác, nên Phật thọ mạng phải ngắn, các nơi khác lành, nên Phật thọ mạng phải dài.

Hỏi: Nếu như vậy, Bồ-tát sanh vào cung vua Tịnh phạn ở cõi Diêm-phù-đề, xuất gia, thành đạo mới là Phật thật, còn ở nơi khác đều do lực thần thông biến hóa làm Phật để độ chúng sanh ư?

Đáp: Lời ấy không đúng, vì có sao? Vì ở các chỗ khác thuộc cõi Diêm-phù-đề cũng sẽ nói Phật ở nước ta là Phật thật, còn ở các chỗ khác là Phật biến hóa, sao biết? Vì nếu ở các quốc độ khác tự biết đó là hóa Phật, thời sẽ không chịu tin thọ giáo giới.

Lại có người ở các quốc độ khác sống lâu một kiếp, nếu Phật sống trăm tuổi, thì so với họ chưa đủ một ngày, chúng sanh kia sẽ khởi tâm kiêu mạn, không chịu thọ giáo, thời kia chắc cho Phật sống một kiếp là Phật thật, còn đây là Phật biến hóa. Như kinh Thủ-lăng-nghiêm tam-muội nói: Thần thông biến chiếu Phật, sống bảy trăm ngàn vô số kiếp. Phật bảo Văn-thù-thi-lý rằng: Phật kia là thân Ta. Phật kia cũng nói: Phật thích-ca Văn là thân Ta.

Vì vậy nên biết chư Phật sống lâu vô lượng thật. vì độ người nên thị hiện có dài ngắn. Ông nói Phật Thích-ca Văn do lực thần thông nên trong một ngày độ chúng sanh không khác gì sống lâu, vậy thời không cần sống trăm tuổi, chỉ trong một ngày cũng có thể làm đầy đủ Phật sự.

Như A-nan có một lần tâm sanh ý niệm rằng: như đức Phật Nhiên Đăng, Phật Nhất Thiết Thắng, Phật Tỳ-bà-thi sanh ở đời tốt, thọ mạng rất dài có thể làm đủ

Phật sự, còn Phật Thích-ca Văn của ta, sanh vào đời ác, thọ mạng rất ngắn, Thế Tôn sẽ không có thể làm đầy đủ Phật sự chăng?

Bấy giờ, Thế Tôn vào Nhật xuất tam-muội, từ thân biến hóa ra vô lượng chư Phật và vô lượng ánh sáng, khắp đến mười phương, mỗi mỗi hóa Phật ở các thế giới, đều làm Phật sự, có vị thuyết pháp, có vị hiện thần thông, hoặc hiện thiên định, hoặc hiện ăn cơm. Các nhân duyên như vậy, thì tác Phật sự, mà độ chúng sanh.

Từ tam-muội dậy, bảo A-nan rằng: Ông thấy nghe các việc ấy chăng?

A-nan thưa: Đã thấy.

Phật bảo A-nan: Phật dùng thần lực như vậy làm đầy đủ Phật sự được chăng?

A-nan thưa: Giả sử Phật sống một ngày, và cỏ cây trên đại địa đều là chúng sanh khả độ, thời Phật có thể độ hết, huống gì Phật sống trăm năm.

Vì vậy nên biết chư Phật sống lâu vô lượng, chỉ vì độ chúng sanh nên thị hiện có dài ngắn, ví như mặt trời mọc, bóng hiện trong nước, tùy nước lớn nhỏ, nước lớn thời bóng lâu diệt, nước nhỏ thời bóng mau diệt. Nếu chiếu vào lưu ly, núi phá lưu ly, thời bóng trụ lâu. Lại như lửa đốt cỏ cây, đốt ít thời mau tắt, đốt nhiều thời lâu tắt. Không thể vì chỗ lâu tắt không có lửa mà bảo chỗ đốt nhiều cũng không có lửa. Nghĩa ánh sáng dài ngắn cũng như vậy.

Kinh: Nguyên lúc Ta thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong thế giới không có tham dục, sân nhuế, ngu si, cũng không danh tự ba độc. Hết thầy chúng sanh thành tựu trí tuệ, khéo trì giới, khéo thiền định, khéo tu phạm hạnh, khéo không nhiều hại chúng sanh, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Hỏi: Nếu thế giới không ba độc cũng không có danh tự ba độc, vì sao Phật xuất sanh ở thế giới đó?

Đáp: Tham dục, sân nhuế, ngu si gọi là ba bất thiện căn, là pháp hệ thuộc cõi Dục. Phật nếu nói tham dục, sân nhuế, ngu si, thì là điều bất thiện hệ thuộc cõi Dục; còn nếu Phật nói nhiễm ái, vô minh, thời đây là bất thiện thông cả ba cõi.

Có thế giới Phật, thuần là người ly dục, vì hạng chúng sanh đó, Bồ-tát nguyện rằng: lúc Ta thành Phật, trong nước không có ba độc và danh tự ba độc.

Lại có thế giới Phật thanh tịnh, thuần là bậc bất thối chuyển, pháp tánh sanh thân Bồ-tát, không các phiền não, chỉ có tập khí thừa, cho nên nói không có danh từ ba độc.

Nếu có người nói, như Bồ-tát nguyện rằng: Ta sẽ độ hết thảy chúng sanh, mà chúng sanh thật không độ hết, đây cũng như vậy. Muốn làm cho thế giới không có danh từ ba độc, và cũng thật có ba độc không hết. Nếu hoàn toàn không ba độc, thì dùng Phật làm gì? Như đại địa không tối, thời không cần mặt trời chiếu. Như Kinh nói: nếu không có ba pháp thời Phật không ra đời. Nếu ba pháp không dứt, thời không lìa khỏi sanh, già, bệnh, chết. Ba pháp là ba độc, như trong kinh Ba pháp nói rộng.

Lại nữa, có thế giới chúng sanh phân biệt các pháp là thiện là bất thiện, là trói, là mở... đối với pháp nhất tướng tịch diệt mà sanh hý luận như vậy. Vì vậy Bồ-tát nguyện rằng: nguyện làm cho chúng sanh ở thế giới Ta không sanh ba độc, biết thật tướng ba độc tức là Niết-bàn.

Hỏi: Hết thảy chúng sanh có trí tuệ như vậy, là trí tuệ gì?

Đáp: Trí tuệ là chánh kiến thuộc thế gian. Chánh kiến thế gian nói có bổ thí, có tội phước, có đời nay đời sau, có A-la-hán. Vì tin tội phước nên khéo bổ thí, tin có A-la-hán nên khéo trì giới, khéo thiền định, khéo tu phạm hạnh. Được lực chánh kiến, nên khéo không nhiều hại chúng sanh. Chánh kiến thế gian là cội gốc của vô lậu trí tuệ, vì vậy nên nói trong nước không có danh tự ba độc.

Tham dục có hai: 1. Tà tham dục. 2. Tham dục.

Sân nhuế có hai: 1. Tà sân nhuế. 2. Sân nhuế.

Ngu si có hai: 1. Tà kiến ngu si. 2. Ngu si.

Chúng sanh có ba tà độc như vậy, khó có thể hóa độ; còn ba độc kia dễ độ.

Không có danh từ ba độc là không có danh tự ba tà độc.

Năm việc khéo bổ thí, khéo trì giới... như trong chương Phóng quang nói.

Kinh: Khiến cho Ta sau khi vào Niết-bàn, pháp không diệt tận, cũng không có danh tự diệt tận, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Hỏi: Phật là chủ của pháp, còn tự diệt độ, cơ sao nói pháp không diệt tận?

Đáp: Như trên nói, đó là nguyện của Bồ-tát, không hẳn sự thật. Hết thầy pháp hữu vi, do nhân duyên hòa hợp sanh, làm sao thường trú không diệt được. Phật như mặt trời sáng, pháp như ánh sáng thừa, lại sau mặt trời lặn, làm sao mặt trời lặn mà ánh sáng thừa không diệt được? Chỉ vì trụ lâu, không thể thấy diệt, cho nên nói là bất diệt.

Lại nữa, Bồ-tát thấy pháp của chư Phật trụ có dài có ngắn. Như pháp của Phật Ca-diếp trụ bảy ngày, pháp của Phật Thích-ca Văn trụ một ngàn năm. Thế nên Bồ-tát phát nguyện rằng: Pháp tuy là hữu vi, nguyện cho tương tục không dứt, như lửa được củi truyền nối không dứt.

Lại nữa, thật tướng chư pháp gọi là Phật pháp, pháp thật tướng ấy chẳng sanh chẳng diệt; chẳng đoạn chẳng thường; chẳng một chẳng khác; chẳng đến chẳng đi; chẳng thọ chẳng động; chẳng đấm chẳng nung; không có gì như tướng Niết-bàn. Pháp tướng như vậy, làm sao có diệt.

Hỏi: Pháp tướng như vậy là hết thầy Phật pháp đều không diệt?

Đáp: Như đã nói, thật tướng các pháp không có diệt. Có người ức tướng phân biệt chấp thủ các pháp, hoại pháp thật tướng, dùng lối hai pháp để nói, cho nên có diệt, còn trong pháp thật tướng không có diệt.

Lại nữa, pháp Bát-nhã ba-la-mật vô ngại, nhóm vô lượng công đức, nên tùy bản nguyện mà pháp pháp nối nhau, không thấy nó diệt; ví như ngược mặt bắn hư không, mũi tên đi rất xa, người tuy không thấy, nhưng chắc chắn nó phải rơi xuống.

Kinh: Nguyện lúc Ta được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hằng hà sa thế giới chúng sanh ở mười phương, ai nghe danh Ta, chắc chắn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Muốn được công đức như vậy, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận. Hỏi: Có người sanh gặp đời Phật, ở trong Phật pháp mà còn đọa địa ngục như Đề-bà-đạt, Câu-ca-lê, Ha-đa Thích-tử... vì ba pháp bất thiện che tâm, nên đọa địa ngục. Thế tại sao trong đây nói ở thế giới cách Phật như hằng hà sa, chỉ nghe danh tự Phật liền được đạo ư?

Đáp: Đã nói có hai Phật thân: 1. Pháp tánh sanh thân Phật. 2. Hiện hóa thân Phật tùy theo chúng sanh hơn kém. Vì là pháp tánh sanh thân Phật, nên nói cho đến chỉ nghe danh mà được độ, vì là Phật thân hiện hóa theo chúng sanh nên

nói tuy sanh cùng đời Phật mà tùy theo nghiệp nhân duyên nên có người đọa địa ngục.

Pháp tánh sanh thân Phật thì không việc gì không cứu giúp, không nguyện gì không viên mãn, vì có sao? Vì trong vô lượng vô số kiếp chứa nhóm tất cả công đức thiện bản, đầy đủ tất cả trí tuệ vô ngại, là chủ giữa chúng thánh, chư thiên và đại Bồ-tát ít ai trông thấy; ví như ngọc báu Như ý, khó thấy khó được. Nếu ai thấy được thì sở nguyện chắc chắn hiệu quả. Cũng như vị thuốc hỷ kiến, hễ ai thấy được, các bệnh tiêu trừ. Cũng như Chuyển luân thánh vương, hễ ai thấy được giàu đủ mọi điều. Cũng như Thích-đề hoàn nhân, hễ ai thấy được, được mọi điều theo nguyện. Cũng như Phạm thiên vương, chúng sanh nương tựa, sự khủng bố trừ hết. Cũng như người niệm Quán Thế Âm, được thoát khỏi ách nạn. Các việc ấy còn nhu vậy, huống gì pháp tánh sanh thân như Phật.

Hỏi: Phật Thích-ca Văn cũng là phần pháp tánh sanh thân Phật, không có khác thể, có sao lúc Phật ở đời, mà có người làm năm tội ngũ nghịch, đố kỵ, đọa lạc, có những việc ác như vậy?

Đáp: Phật Thích-ca Văn vốn có thể nguyện: Ta muốn sanh ra đời ác, đem đạo pháp độ chúng sanh, không vì đời giàu đáng vui thú mà xuất hiện. Nếu Phật lấy sức ban cho, thời không việc gì không được.

Lại cũng vì chúng sanh phước đức mỏng, tội cấu sâu nặng, nên không được độ thoát theo ý.

Lại, nay Phật chỉ nói thanh tịnh Niết-bàn, mà chúng sanh nghị luận chê bai rằng: có sao nuôi nhiều đệ tử, hóa đạo nhân dân, đó cũng là sự trói buộc. Chỉ đem pháp Niết-bàn giáo hóa còn bị chê bai, huống gì xen nói các cõi vui thế gian. Như Đề-bà-đạt muốn dưới bàn chân có bánh xe nghìn tấm, lấy sắc làm khuông, đốt mà áp bàn chân vào, áp xong chân hoại, thân khổ la lớn.

Bấy giờ A-nan nghe rồi khóc lóc bạch Phật: Anh con sắp chết, xin Phật thương cứu.

Phật liền đưa tay đến xoa thân Đề-bà-đạt và nói lời chơn thật rằng: Ta xem La-hầu-la với Đề-bà-đạt bằng nhau, vết thương kia sẽ tiêu.

Khi ấy các thống khổ của Đề-bà-đạt liền trừ hết, cầm tay xem, biết đó là tay Phật, liền nói rằng: Con vua Tịnh phạn lấy y thuật đủ tự nuôi sống.

Phật bảo A-nan: Ông xem thấy Đề-bà-đạt chẳng? Dụng tâm như thế, làm sao độ được! Nếu người tốt ở đời thời không có lỗi ấy.

Chúng sanh như vậy, nếu đem cái vui thế gian ra dạy, thì không thể độ được. Các nhân duyên về việc này, trên kia đã nói rộng.

Do vậy nên nói: nghe danh tự Phật mà có người được đạo, có người không được.

Lại nữa, Phật thân có vô lượng vô số không đồng, có đức Phật thuyết pháp làm cho chúng sanh đắc đạo, có đức Phật phóng hào quang, chúng sanh gặp được mà đắc đạo, có đức Phật lấy thần thông biến hóa chỉ bày tâm kia mà làm cho đắc đạo, có đức Phật chỉ hiện sắc thân mà làm cho đắc đạo, có đức Phật khắp lỗ chân lông trên mình xuất ra hương diệu, chúng sanh nghe hương mà đắc đạo, có đức Phật lấy đồ ăn cho chúng sanh mà chúng sanh đắc đạo, có đức Phật lấy âm thanh tất cả cây cỏ mà làm Phật sự, khiến chúng sanh đắc đạo, có đức Phật, chúng sanh chỉ nghe tên mà đắc đạo. Vì là Phật nên nói: khi Ta làm Phật, ai nghe tên Ta đều khiến cho đắc đạo.

Lại nữa, nghe tên, không chỉ vì tên mà liền đắc đạo, nhưng nghe rồi tu đạo, vậy sau đắc độ. Như trường giả Tu-đạt mới đầu nghe tên Phật, nội tâm kinh hãi vui mừng đi đến Phật nghe pháp mà đắc đạo.

Lại như Bà-la-môn Thế-di-la từ chỗ ngồi Phạm-chí bện tóc Kê-nê-da, mới đầu nghe tên Phật, tâm liền kinh hãi vui mừng, đi thẳng đến chỗ Phật, nghe pháp đắc đạo. Ấy là chỉ nói nghe tên, nghe tên là nhân duyên đắc đạo, chứ chẳng phải đắc đạo.

Hỏi: Trong Kinh nay nói nghe tên Phật tức thời đắc đạo, chứ không nói nghe tên rồi tu hành mới đắc?

Đáp: Nay nói tức thời, không nói trong nhất tâm, chỉ nói không có việc gì khác xen vào, nên nói là tức thời, ví như trong Kinh nói khi tu tâm từ, tức là tu bảy giác ý.

Có người nạn rằng: Từ tam-muội thuộc hữu lậu, duyên tướng chúng sanh mà phát khởi, có sao nói tức là lúc tu bảy giác ý? Người đáp rằng: từ tâm từ khởi lên tức thời tu bảy giác ý, vì không có pháp khác xen vào giữa, nên nói là tức thời.

Tức thời có hai: 1. Đồng thời. 2. Tuy lâu không có pháp khác xen vào, tức chính tâm ấy mà tiếp tu bảy giác ý, cũng gọi là tức thời.

Lại nữa, có chúng sanh phước đức thuần thực, tâm kiết sử mỏng, nên sẽ đắc đạo, nếu nghe tên Phật tức thời đắc đạo.

Lại nữa, do oai lực của Phật, nghe liền đắc độ, ví như mọt nhọt đã chín, nếu không trị, gặp chút nhân duyên cũng liền tự khô; cũng như quả chín, nếu không người hái, gặp chút gió rung cũng tự rơi xuống; ví như lụa trắng sạch mới, dễ nhuộm màu; vì hạng người như vậy nên nói, nếu nghe tên Phật, tức thời đắc đạo, ví như quỷ thần ám người, nghe tên câu chú của tiên nhân, tức thời bỏ đi.

Hỏi: Thế giới xa quá hằng hà sa, ai truyền tên Phật khiến họ được nghe?

Đáp: Phật dùng thần lực, lỗ chân lông trên toàn thân phóng vô lượng ánh sáng, trên mỗi mỗi ánh sáng đều có hoa sen báu, trên mỗi mỗi hoa đều có Phật ngồi, mỗi mỗi Phật đều nói diệu pháp để độ chúng sanh. Lại nói danh tự chư Phật, do vậy nên nghe, như trong chương Phóng Quang đã nói.

Lại nữa, các đại Bồ-tát do bốn nguyện muốn đến chỗ không có Phật pháp, xưng dương danh hiệu Phật; như nói trong phẩm này, cho nên được nghe.

Lại có người đại công đức, ở giữa hư không, nghe danh hiệu Phật như Tát-đà-ba-luân Bồ-tát (Thường Đề Bồ-tát). Lại có khi từ chu thiên nghe, hoặc nghe từ trong âm thanh của cây, hoặc nghe từ trong mộng.

Lại nữa, chư Phật có lực bất khả tư nghĩ, hoặc tự đi đến nói, hoặc dùng tiếng bảo.

Lại như Bồ-tát phát nguyện, thế độ hết thủy chúng sanh, vì vậy nên nói khi ta thành Phật, chúng sanh trong thế giới xa quá hằng hà sa nghe tên ta đều được thành Phật. Muốn được như vậy, hãy nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Trên nói muốn được các công đức và các sở nguyện, các việc ấy đều do các hạnh nghiệp hòa hợp thành, có sao chỉ nói nên học Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Kinh này tên Bát-nhã ba-la-mật, Phật muốn giải nói việc ấy, cho nên trong mỗi chương đều tán thán Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, Bát-nhã ba-la-mật là mẹ của chư Phật. Đối với cha mẹ, công đức mẹ nặng hơn, cho nên Phật lấy Bát-nhã làm mẹ, Ban châu tam-muội (thiền định) làm cha. Tam-muội hay thu nhiếp loạn tâm, khiến trí tuệ được thành, mà không thể quán thật tướng các pháp, Bát-nhã ba-la-mật có thể quán khắp các pháp, phân biệt thật tướng, không việc gì không thấu suốt, không việc gì không thành, công đức lớn lao nên gọi là mẹ. Vì vậy hành giả tuy tu hành sáu Ba-la-mật và

các công đức hòa hợp, có thể làm cho đầy đủ sở nguyện, nhưng chỉ nói: nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, như phẩm sau đây của Bát-nhã nói: Nếu không có Bát-nhã ba-la-mật, năm độ kia không gọi là Ba-la-mật, tuy tu khắp các hạnh, cũng không làm đầy đủ sở nguyện, cũng như các tranh vẽ, nếu không có keo thì không dùng được. Chúng sanh từ trong vô thí thế giới lại đây, tuy tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, nhất tâm, trí tuệ, thọ quả báo thế gian xong, rồi phải trở lại hết, vì sao? Vì lìa Bát-nhã ba-la-mật. Nay nhờ ân Phật, dùng Bát-nhã ba-la-mật tu hành sáu độ, nên được gọi Ba-la-mật, thành tựu Phật đạo, làm cho Phật Phật tương tục không cùng tận.

Lại nữa, khi Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, khắp quán các pháp đều không, không cũng lại không, diệt các quán, được vô ngại Bát-nhã ba-la-mật, lấy lực đại bi phương tiện, trở lại phát khởi các nghiệp công đức, do nhân duyên của nghiệp thanh tịnh ấy, không nguyện gì không thành. Các công đức khác, xa lìa Bát-nhã ba-la-mật, không có trí tuệ vô ngại, làm sao nói: muốn thành các nguyện nên học Đà ba-la-mật... được?

Lại nữa, lại vì năm Ba-la-mật lìa Bát-nhã nên không được gọi là Ba-la-mật. Năm Ba-la-mật kia như mù, Bát-nhã như mắt. Năm Ba-la-mật kia như bình đựng nước mới nung, Bát-nhã ba-la-mật như bình đã nung chín. Năm Ba-la-mật kia như chim không có hai cánh, Bát-nhã ba-la-mật như chim có hai cánh.

Do các nhân duyên như vậy, Bát-nhã ba-la-mật có thể thành đại sự.

Vì vậy nên nói: muốn được các công đức và sở nguyện nên học Bát-nhã ba-la-mật.

(Hết cuốn 34 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 35

Chương 46

Giải Thích: Phẩm Dâng Bát Thứ 2

(Bản Cao-ly, bản chùa Thạch Sơn ghi “Phẩm Báo Ứng”)

Kinh. Phật bảo Xá-lợi-phất, nếu Bồ-tát ma-ha-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật. Làm được công đức ấy, khi ấy bốn Thiên vương đều rất hoan hỷ, nghĩ rằng: chúng ta sẽ lấy bốn chiếc bát dâng lên Bồ-tát, như trước đây Thiên vương dâng bát trước tiên cho Phật.

Luận. Hỏi: Phẩm trước nói đã đầy đủ, nay có sao còn nói lại?

Đáp: Trước tuy tán thán Bát-nhã ba-la-mật, việc chưa đầy đủ, người nghe không chán, cho nên lại nói nữa.

Lại nữa, phẩm đầu chỉ tán thán năng lực Bát-nhã ba-la-mật, nay tán thán hành giả làm được công đức ấy, được bốn Thiên vương hoan hỷ dâng bát.

Lại nữa, Bồ-tát đủ được các nguyện hạnh, nên Phật an ủi khuyên tán nói có quả báo ấy, trọn không hư dối.

Lại nữa, Bát-nhã ba-la-mật có hai thành quả: 1. Thành Phật độ chúng sanh. 2. Là tuy chưa thành Phật được hưởng quả báo thế gian, hoặc làm Chuyển luân thánh vương, Đế-thích, Phạm vương làm chủ ba ngàn thế giới, sự cúng dường phước lạc của thế gian, đều được đầy đủ. Nay lấy quả báo thế gian chỉ cho chúng sanh, cho nên nói việc ấy.

Lại nữa, thế gian muốn thành nghiệp lớn, phần nhiều bị hoại loạn, Bồ-tát thời không như vậy, nội tâm đã định ngoại sử ứng theo. Do nhân duyên như vậy, nên nói Phẩm này.

Hỏi: Khi Bồ-tát tặng ích sáu Ba-la-mật, chư thiên người đời vì có sao vui mừng?

Đáp: Chư thiên đều nhân nơi mười điều thiện, bốn thiên, bốn vô lượng tâm mà được sanh ra, nhưng các công đức ấy lại do chư Phật Bồ-tát mà có. Nếu Phật ra đời thời làm tăng ích chúng chư thiên, tổn giảm chúng A-tu-la; nếu Phật không ra đời, thời chúng A-tu-la nhiều, chúng chư thiên giảm ít, vì tạo phước không thanh tịnh. Nếu chư Phật xuất thế, có thể dứt lưới nghi cho chư thiên, có thể thành đại sự. Như Thích-đề-hoàn nhân khi mạng chúng sắp chết, ôm tâm sợ hãi, cầu Phật

cứu, tìm khắp không biết chỗ, tuy thấy người xuất gia ở giữa núi đằm, được người cúng dường, cũng không thể dứt lưới nghi cho họ.

Khi ấy, trời Tỳ-thủ-kiết-la thưa với Thích-đề-hoàn nhân rằng: vua Thi-tỳ (Sibi) khổ hạnh kỳ đặc, đời rất hy hữu. Các người trí nói: người ấy không bao lâu sẽ thành Phật.

Thích-đề-hoàn nhân nói: việc ấy khó thành; sao biết được? như trứng cá, bông xoài, và người phát tâm Bồ-đề, ba việc ấy khi còn ở trong nhân thì nhiều, khi thành rất ít, nay hãy thử xem.

Đế-thích tự hóa làm chim cắt, Tỳ-thủ-kiết-la hóa làm chim bồ câu, bồ câu chui vào vua, vua tự cắt thịt mình, cho đến đem thân lên cân để thế mạng chim bồ câu, đại địa chấn động.

Khi ấy, Thích-đề-hoàn nhân, tâm rất hoan hỷ, rải các hoa trời, tán thán việc chưa từng có.

Đại tâm quyết định như vậy, thành Phật không lâu.

Lại nữa, người phàm mắt thịt, không có trí tuệ, khổ thân tìm của, để nuôi sống, nghe nói Bồ-tát tăng ích sáu Ba-la-mật, thành Phật không lâu, mà còn hoan hỷ, hưởng gì chư thiên!

Hỏi: Trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba còn bị nạn A-tu-la, còn chư thiên trên đó không có nạn ấy, có sao hoan hỷ?

Đáp: Chư thiên trên đó tuy không có nạn A-tu-la, nếu Phật không ra đời, thì được sanh lên cõi ấy rất ít; giả sử có được sanh, năm dục lạc không đẹp, vì có sao? Vì chỉ tu phước bất tịnh. Cung điện, ánh sáng, thọ mạng của chư thiên cõi Sắc cũng như vậy.

Lại nữa, trong chư thiên, người có trí tuệ biết được thiên vị, năm dục đều vô thường, chỉ có khi Phật ra đời mới khiến được Niết-bàn thường vui. Vì vui thế gian, vui Niết-bàn, đều do nơi Phật Bồ-tát mà được, cho nên hoan hỷ; ví như cây trái ngon ngọt, thành tựu tốt tươi đầy đặn, thì người rất hoan hỷ. Vì cây đó các thứ lợi ích, có người nhờ bóng im của nó, có người dùng hoa, có người ăn quả. Bồ-tát cũng như vậy. Hay lấy bóng im *lià pháp bất thiên* ngăn che khổ nóng của ba ác, hay cho trời người hoa *giàu vui*, khiến các hiền thánh được quả *Tam thừa*, cho nên hoan hỷ?

Hỏi: Chư thiên có nhiều việc cúng dường, có sao dưng bát?

Đáp: Bốn thiên vương dâng bát, các trời khác cúng dường, đều có pháp nhất định, như khi Phật mới sanh, Thích-đề-hoàn nhân lấy áo trời nâng thân Phật, Phạm thiên vương đích thân cầm lọng, bốn Thiên vương phòng hộ bốn bên. Chư thiên Tịnh-cư muốn khiến Bồ-tát sanh tâm chán lìa, nên hóa làm người già, bệnh, chết, và thân hình Sa-môn. Lại khi xuất gia, bốn Thiên vương sắc lệnh sứ giả đỡ nổi chân ngựa, tự mình hầu giúp bốn phía Bồ-tát. Thiên Đế-thích lấy tóc bỏ lót dựng tháp tóc ở ngoài cửa đông thành trên trời. Lại lấy y báu của Bồ-tát dựng tháp y ở ngoài cửa nam thành, lúc Phật đi đến dưới cây thì dâng cỏ tốt. Bồ-tát Chấp Kim Cang, thường cầm Kim Cang hộ vệ, Phạm thiên vương thỉnh Phật Chuyển pháp luân. Như vậy mỗi mỗi đều có phép nhất định. Vì vậy nên bốn Thiên vương dâng bát. Ý nghĩa bốn bát như trước đã nói.

Hỏi: Phật một mình có sao lãnh thọ bốn bát?

Đáp: Bốn vua lực bằng nhau, không thể lãnh thiên về một người. Lại khiến thấy thần lực của Phật, hợp bốn bát làm một, tâm mừng, lòng tin thanh tịnh, nghĩ rằng: từ khi Bồ-tát mới sanh, đến nay thành Phật, chúng ta cúng dường, công đức không hư dối.

Hỏi: Bốn Thiên vương sống lâu 500 năm, Bồ-tát quá vô lượng vô số kiếp sau mới thành Phật, bốn Thiên vương hiện nay chẳng phải là bốn Thiên vương sau này, tại sao hoan hỷ?

Đáp: Vì đồng một họ, ví như dòng họ sang, con cháu truyền trăm đời, không vì xa mà cho là khác.

Hoặc hành giả khi thấy Bồ-tát tăng ích sáu Ba-la-mật, tâm phát nguyện rằng: Bồ-tát ấy khi thành Phật, ta sẽ dâng bát, thế nên được sanh (bốn Thiên vương).

Lại nữa, bốn Thiên vương sống 500 năm, nhân gian 50 năm bằng một ngày một đêm ở bốn Thiên vương, và 30 ngày làm một tháng, 12 tháng làm một năm. Lấy sự sống lâu 500 năm ấy so bằng 900 vạn năm ở nhân gian Bồ-tát làm được công đức ấy, hoặc gần thành Phật, bốn Thiên vương mới sanh, đủ có thể gặp được Phật.

Hỏi: Như trong kinh Đại thừa nói: có đức Phật lấy hỷ làm món ăn, không ăn đồ ăn bốc nắm. Giống như Thiên vương, y phục nghi dung của Phật không khác với người đời, thời không cần bát ăn, có sao nói bốn Thiên vương nhất định phải dâng bát?

Đáp: Nhất định là vì dùng bát, nên không nói không dùng.

Lại nữa, chư Phật dùng bát thí nhiều, không dùng bát ít, cho nên lấy nhiều làm định lệ.

Kinh: Trời Ba mươi ba cho đến trời Tha-hóa-tự-tại, cũng đều hoan hỷ, ý nghĩ rằng: chúng ta sẽ hầu hạ cúng dường Bồ-tát, tổn giảm chúng A-tu-la, tăng ích chúng chư thiên. Ba ngàn đại thiên thế giới, bốn Thiên vương cho đến trời A-ca-ni-sắc, đều rất hoan hỷ. Ý nghĩ rằng: chúng ta sẽ thỉnh Bồ-tát ấy Chuyển pháp luân.

Luận: Chư thiên ấy, lấy hương hoa anh lạc, lễ bái cung kính, nghe pháp, tán thán cúng dường, cũng nghĩ rằng: người tu phước thanh tịnh, thì A-tu-la chúng giảm, tăng ích trời Ba mươi ba. Chư thiên chúng ta cũng được tăng ích.

Hỏi: Trên đã nói sáu hạng trời, sao còn nói trong ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến trời A-ca-ni sắc đều hoan hỷ cúng dường?

Đáp: Trước nói hạng sáu trời ở trên một núi Tu-di, đây nói chư thiên trong ba ngàn đại thiên thế giới, trước chỉ nói cõi Dục, nay nói trời cõi Dục, cõi Sắc thỉnh Phật Chuyển pháp luân. Trên tuy nói chư thiên Tịnh-cư cúng dường khuyến trợ các thứ, nay thỉnh Phật Chuyển pháp luân là việc lớn.

Hỏi: Trong ba tạng chỉ nói Phạm thiên thỉnh Chuyển pháp luân, nay có sao bốn Thiên vương cho đến trời A-ca-ni sắc?

Đáp: Trời cõi Dục gần, cho nên đến trước, trời cõi Sắc đều gọi là Phạm. Nếu nói Phạm vương thỉnh là đã nói các trời khác.

Lại nữa, Phạm là cánh cửa đầu của cõi Sắc, nói đầu nên sau cũng nói.

Lại nữa, có Phật không Phật, chúng sanh thường biết Phạm thiên. Vì Phạm thiên là tổ phụ của thế gian, vì người đời tin như vậy, nên Phật nói Phạm thiên. Tướng Pháp luân như trước đã nói.

Kinh: Nay Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, khi tăng ích sáu Ba-la-mật, các thiện nam tử, thiện nữ nhân, đều hoan hỷ, ý nghĩ rằng: chúng ta sẽ vì người ấy làm cha mẹ, vợ con, thân tộc, tri thức?

Luận. Hỏi: Trước đã nói làm được công đức ấy, nay sao còn nói tăng ích sáu Ba-la-mật?

Đáp: Trước nói tướng chung, nay nói tướng riêng.

Lại nữa, trước nói công đức có vô lượng thứ, người nghe chán mệt, nay chỉ lược nghe nói sáu Ba-la-mật, thời thu nhiếp hết các công đức.

Lại nữa, vì trời nói làm được các công đức, vì người nói tăng ích sáu Ba-la-mật, sao biết? Như sau nói: thiện nam tử, thiện nữ nhân, do vậy nên biết.

Hỏi: Bốn Thiên vương cho đến trời A-ca-ni-sắc, có sao không nói là thiện thiên, mà chỉ đối với người thì nói là thiện nam tử, thiện nữ nhân?

Đáp: Chư thiên đều có Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha tâm trí, biết cúng dường Bồ-tát, nên không nói riêng chư thiện thiên, còn người vì mắt thịt không biết thiện, mà biết cúng dường, vì ít nói riêng thiện. Thiện là theo Phật nghe pháp, hoặc theo đệ tử Phật và Bồ-tát nghe pháp. Hoặc nghe thọ ký sẽ làm Phật, lại nghe Phật tán thán danh tự, cho nên biết tu thiện.

Hỏi: Có sao chỉ nói nam tử, nữ nhân thiện, mà không nói kẻ hai căn (nam nữ), kẻ không căn là thiện?

Đáp: Không căn là không có căn đắc đạo, cho nên không nói như trong luật không cho xuất gia, vì người ấy mất tướng nam nữ; tâm họ bất định, gặp chút nhân duyên đã nổi giận, kiết sử nhiều, mê đắm thế sự, ôm lòng nghi ngờ, không vui đạo pháp, tuy tu chút ít việc phước, trí tuệ cạn mỏng, không thể thâm nhập, bản tánh thay đổi, cho nên không nói. Đó là trong pháp Thanh văn nói như vậy. Còn trong pháp Đại thừa, ví như biển lớn, không gì không dung, hạng không căn ấy hoặc có khi cũng tu thiện, chỉ vì ít nên không nói. Gọi rằng ít, vì trong số nam nữ, hạng người không căn ấy rất ít, trong hạng không căn mà tu thiện, càng ít hơn. Ví như người tại gia tuy tóc, râu, nốt ruồi đen mà không gọi là người đen. Người hai căn kiết sử cấu tạp nhiều, cũng làm việc nam, cũng làm việc nữ, tâm kia tà cong, khó có thể tế độ, ví như ở rừng rậm kéo cây, cây cong khó ra. Lại như A-tu-la, tâm nó không đoan chánh, thường nghi Phật, cho Phật hỗ trợ trời. Phật dạy năm uẩn, họ cho là có sáu uẩn, còn một uẩn Phật không nói, hoặc dạy bốn đế, họ cho là có năm đế, còn một đế Phật không nói. Người hai căn cũng như vậy. Vì tâm nhiều tà cong, không thể đắc đạo, vì vậy nên chỉ nói thiện đối với nam tử nữ nhân.

Tướng thiện là có tâm từ bi hay nhẫn lời mắng ác, như phẩm Mắng trong kinh Pháp-cú nói: hay nhẫn lời mắng ác, là ở trên mọi người; ví như ngựa lành tốt, có thể để vua cỡi.

Lại nữa, năm thứ tà ngữ, roi, gậy, đánh hại, trói buộc... không hủy hoại tâm kia được, ấy gọi là tướng thiện.

Lại nữa, ba nghiệp không lỗi, vui với người thiện, không hủy báng người khác thiện, không phô trương đức mình, tùy thuận mọi người, không nói lỗi người, không đả đấm cái vui thế gian, không cầu danh tự, tin ưa cái vui đạo đức, nghiệp mình thanh tịnh, không não hại chúng sanh, tâm quý thật pháp, khinh hèn thế sự, chỉ ưa lời thẳng, không theo người dối, vì cái vui của tất cả chúng sanh, tự bỏ vui mình, làm cho tất cả chúng sanh được lìa khổ, nên lấy mình thay thế. Như vậy có vô lượng việc, gọi là tướng người lành. Tướng này phần nhiều ở nam nữ, cho nên nói thiện nam tử, thiện nữ nhân.

Hỏi: Thiện nam tử, thiện nữ nhân, vì sao có thể phát lời nguyện ấy?

Đáp: Thiện nam tử, thiện nữ nhân, tự biết phước mỏng, trí tuệ ít, tập gần Bồ-tát, cầu được vượt qua, ví như trầm thạch tuy nặng nhưng thuyền được qua.

Lại thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe nói “Bồ-tát không phải từ một đời, hai đời mà được hành đạo, mà phải qua lại sanh tử trong vô số kiếp, liền suy nghĩ ta sẽ cùng bồ-tát làm nhân duyên.

Lại nữa, Bồ-tát chứa đức sâu dày, nên ở chỗ sanh ra, chúng sanh đều đến kính ngưỡng Bồ-tát, để mong nhờ lợi ích sâu nặng. Nếu thấy Bồ-tát xả thọ mạng, thời nguyện ta sẽ cùng Bồ-tát làm cha mẹ, vợ con, quyến thuộc, vì có sao? Vì biết tập gần người thiện, được tăng ích công đức. Ví như chứa nhiều hương, hơi thơm càng nhiều: như Bồ-tát đời trước làm thái tử của quốc vương, thấy người cõi Diêm-phù-đề nghèo cùng, muốn tìm ngọc Như ý, đi vào biển lớn, đi đến cung Long vương, rồng thấy thái tử oai đức thù diệu, liền đứng dậy nghinh đón, mời đến trước để cúng dường mà hỏi rằng: làm sao từ xa đến được?

Thái tử đáp: tôi thương xót chúng sanh cõi Diêm-phù-đề, nên muốn tìm ngọc Như ý để cứu giúp.

Rồng nói: hãy ở lại cung tôi thọ cúng dường một tháng, rồi tôi sẽ cho.

Thái tử liền ở một tháng, vì Long vương tán thán đa văn, rồng liền cho ngọc. Ngọc như ý này, có thể mưa xuống một do tuần (khoảng 12 km).

Rồng nói: thái tử có tướng, không lâu sẽ làm Phật, tôi sẽ làm đệ tử đa văn đệ nhất.

Khi ấy, thái tử lại đi đến một cung rồng khác được ngọc, mưa xuống hai do tuần. Hai tháng vì rồng tán thán năng lực thần thông. Rồng nói Thái tử không bao lâu sẽ làm Phật, tôi sẽ làm đệ tử thần túc đệ nhất.

Lại đi đến một cung rồng khác được thứ ngọc, mưa xuống ba do tuần. Ba tháng vì rồng tán thán trí tuệ. Rồng nói Thái tử không bao lâu sẽ thành Phật, tôi sẽ làm đệ tử trí tuệ đệ nhất.

Các rồng cho ngọc xong nói: khi người hết thọ mạng, ngọc đem trả lại ta, Bồ-tát hứa lời.

Thái tử được ngọc, đi đến cõi Diêm-phù-đề, một ngọc mưa đồ ăn uống, một ngọc mưa y phục, một ngọc mưa bảy báu, lợi ích chúng sanh.

Lại như Bồ-tát Tu-ma-đề, trông thấy Phật Nhiên Đăng, Bồ-tát liền đi theo người con gái tên Tu-la-bà hỏi mua năm cành hoa, người con gái không chịu bán, bồ-tát liền đem năm trăm tiền vàng, để được mua năm cành hoa, người con gái vẫn không bán mà lại giao ước rằng: nguyện tôi đời đời làm vợ ông, rồi sẽ bán cho. Bồ-tát cần lấy hoa cúng dường Phật, nên hứa lời.

Lại Bồ-tát Diệu Quang, có người con gái ông trưởng giả thấy thân Bồ-tát có 28 tướng, sanh tâm ái kính, đứng ở dưới cửa. Bồ-tát đi đến, người con gái liền cõi ngọc lưu ly nơi cổ, để vào trong bình bát của Bồ-tát, tâm nguyện rằng: tôi sẽ đời đời làm vợ người này. Người con gái này trong 250 kiếp, nhóm các công đức, sau sanh ở giữa hoa sen trong vườn của dâm nữ Hỷ kiến. Hỷ kiến nuôi làm con gái (đặt tên là Hỷ đức), đến năm 14 tuổi, nữ công, thế trí, đều đầy đủ.

Bấy giờ có vua cõi Diêm-phù-đề, tên là Tài chủ, thái tử tên là Đức chủ, có tâm đại bi, thường ra khỏi cửa thành vào vườn du ngoạn, các dâm nữ dẫn đạo ca tán, Thái tử Đức chủ rải các vật báu, y phục, ẩm thực, thí như rồng mưa, không chỗ nào không khắp. Người con gái Hỷ đức thấy thái tử, tự tạo ca kệ mà tán dương thái tử, con mắt ái luyến chăm nhìn chưa từng nháp nháy, tự phát nguyện rằng: việc thế gian tôi đều biết hết, xin đem thân tôi dâng cấp thái tử.

Thái tử hỏi: người thuộc về ai? Nếu có thuộc về ai, thời chẳng phải nên nhận.

Bấy giờ dâm nữ Hỷ kiến đáp lời Thái tử: đưa con gái tôi đây năm, tháng, ngày, giờ, nó sanh ra đồng với thái tử. Đưa con gái này chẳng phải từ trong bụng tôi sanh ra. Sáng sớm tôi vào vườn, thấy trong hoa sen có bé gái này sanh ra, tôi nhận nuôi làm con gái, chớ vì tôi mà khinh hèn đưa con gái này. Đưa con gái này giỏi 64 điều, không điều gì không đầy đủ, nữ công, mỹ thuật, kinh thư,

phương thuốc, thầy đều thông suốt. Thường có lòng hổ thẹn, nội tâm trung trực, không có tật đố, không ý tưởng tà dâm. Con gái tôi đạo đức oai nghi như vậy, Thái tử hẳn nên nhận lấy!

Thái tử Đức chủ trả lời với người con gái: chị! Tôi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tu đạo Bồ-tát, không có yêu tiết gì, quốc tài vợ con, voi ngựa bảy báu, nếu có ai đến xin, tôi không trái ý họ. Nếu con trai con gái của người sanh ra, và chính thân người, nếu có người xin, tôi sẽ cho họ, chớ sanh lo buồn hối hận. Hoặc có khi tôi bỏ người đi tu, làm đệ tử Phật, ở tịnh chỗ núi rừng, người cũng chớ sầu.

Người con gái Hỷ đức đáp: giả sử lửa địa ngục thổi đến cháy nát thân tôi, tôi không bao giờ hối hận. Tôi cũng không phải vì dâm dục vui chơi mà đến làm thân hảo tôi chỉ vì khuyến trợ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho nên phụng sự chánh sĩ.

Người con gái lại thưa với Bồ-tát rằng: đêm qua tôi mộng thấy thân Phật Diệu Nhật ngồi dưới gốc đại thọ, nên cùng nhau đến chiêm ngưỡng.

Thái tử thấy người con gái đoan chánh, lại nghe nói đức Phật xuất hiện. Vì hai lẽ đó nên lên một xe cùng đi đến chỗ Phật.

Phật thuyết pháp cho nghe, thái tử được vô lượng môn đà-la-ni, người con gái được tâm chí điều phục.

Bấy giờ thái tử lấy năm trăm hoa báu cúng dường Phật, để cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thái tử thưa với phụ vương rằng: con gặp được thân Phật Diệu Nhật mà được thiện lợi lớn.

Phụ vương nghe rồi, bỏ vật ái trọng đem cho thái tử, rồi cùng với nội cung quan thuộc, nhân dân trong nước, đi đến chỗ Phật.

Phật thuyết pháp cho nghe, vua chứng được đà-la-ni. Đền hết thầy pháp không tối.

Khi ấy vua suy nghĩ: không thể lấy pháp thế tục nhiếp trị quốc độ, hưởng thọ ngũ dục mà có thể đắc đạo.

Suy nghĩ như vậy xong, lập Đức chủ thái tử làm vua, để xuất gia cầu đạo.

Bấy giờ thái tử vào ngày rằm, có sáu thứ báo ứng đến. Người vợ tên Hỷ đức biến làm nữ bá. Nhân duyên như vậy, trong kinh Bất khả tư nghĩ có nói rộng.

Cho nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân, nguyện đời đời làm cha mẹ, vợ con, quyền thuộc Bồ-tát.

Kinh: Bấy giờ trời Tứ thiên vương cho đến trời A-ca-ni-sắc, đều rất hoan hỷ, ai nấy tự nghĩ rằng: chúng ta hãy làm phượng tiện, khiến Bồ-tát xa lìa dâm dục, từ khi mới phát tâm, thường làm kẻ đồng chơn, đừng để cho chung hội với sắc dục. Nếu hưởng thụ ngũ dục, còn chướng ngại sanh cõi Phạm thiên, hưởng gì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát diệt dâm dục xuất gia nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chứ chẳng phải không dứt.

Luận. Hỏi: Chư thiên có sao nguyện như vậy?

Đáp: Trong thế gian, ngũ dục là đệ nhất, không ai không ưa thích. Trong lục dục, xúc dục là đệ nhất, nó trói buộc tâm người, như người bị rớt xuống bùn sâu, khó thể vớt khỏi, vì vậy chư thiên phượng tiện khiến Bồ-tát xa lìa dâm dục.

Lại nữa, nếu hưởng thụ các dục khác, vẫn không mất trí tuệ, còn khi hội hiệp dâm dục, thân tâm hoan mê, không có tỉnh giác, tự chìm đắm sâu. Vì vậy chư thiên làm cho Bồ-tát xa lìa.

Hỏi: Làm sao khiến xa lìa?

Đáp: Như Bồ-tát Thích-ca Văn ở trong cung vua Tịnh-phạn, muốn ra ngoài thành đạo xem, chư thiên Tịnh cư, hóa làm người già, bệnh, chết, khiến tâm kia chán. Lại khiến nửa đêm, thấy các cung nhân kỹ nữ lộ hình xấu xí bất tịnh, nước bọt mũi chảy ra, phân đái bừa bãi, Bồ-tát thấy rồi liền sanh ghê chán. Hoặc có khi chư thiên khiến người con gái sanh ác tâm đồ kỵ, chẳng biết ân đức, ác khẩu dối trá, không biết tỉnh xét. Bồ-tát thấy rồi liền sanh niệm nghĩ rằng: thân tuy tợ người mà tâm nó thật đáng ghét, liền xa bỏ nó.

Muốn khiến Bồ-tát từ khi mới phát tâm, thường làm hạnh đồng chơn, không hội cùng sắc dục, vì có sao? Vì dâm dục là gốc các thứ kiết sử. Phật dạy: thà lấy dao bén cắt đứt thân thể, không nên hội cùng nữ sắc, dao cắt tuy khổ, không đọa đường ác, còn nhân duyên dâm dục phải chịu khổ địa ngục trong vô lượng kiếp số. Người hưởng thụ ngũ dục còn không được sanh cõi Phạm thiên, hưởng gì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hoặc có người nói: Bồ-tát tuy hưởng thọ ngũ dục, tâm không đắm trước, không chướng ngại đạo, vì vậy nên Kinh nói: hưởng thọ ngũ dục, còn không được sanh cõi Phạm thế.

Phạm thế là nơi vô thí chúng sanh đều được sanh đến đó, song người hưởng thọ ngũ dục, chỗ thường đáng được còn không được sanh, huống gì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là nơi vốn không được lại muốn được.

Vì vậy Bồ-tát nên làm kẻ đồng chơn tu hành phạm hạnh, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát phạm hạnh không nhiễm trước thế gian, nên mau thành Bồ-tát đạo. Nếu người dâm dục, thí như keo sơn, khó thể lìa được, vì có sao? Vì thân hưởng thọ dục lạc, rễ dâm dục càng sâu. Cho nên trong pháp xuất gia, dâm dục đứng đầu, lại cũng nặng.

Kinh: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát cần phải có cha mẹ, vợ con, thân tộc, tri thức chăng?

Phật bảo Xá-lợi-phất: hoặc có Bồ-tát có cha mẹ, vợ con, thân tộc, tri thức. Hoặc có Bồ-tát từ khi mới phát tâm đã dứt dâm dục, tu phạm hạnh đồng chơn, cho đến khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không phạm sắc dục. Hoặc có Bồ-tát do lực phương tiện, thọ ngũ dục rồi, xuất gia được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Luận. Hỏi: Ba hạng Bồ-tát ấy, hạng đầu như người thế gian, thọ ngũ dục rồi sau mới lìa bỏ đi tu, chứng được giác ngộ. Hạng thứ hai có đại công đức kiên cố, khi mới phát tâm đã dứt dâm dục, cho đến khi thành Phật. Hạng Bồ-tát này hoặc là pháp thân, hoặc là pháp thân, hoặc là nhục thân, hoặc lìa dục, hoặc chưa lìa dục. Hạng thứ ba là Bồ-tát pháp thân thanh tịnh, được vô sanh pháp nhẫn, trú ở sáu thần thông, vì giáo hóa chúng sanh nên cùng với chúng sanh đồng sự để nhiếp thủ họ. Hoặc làm Chuyển luân thánh vương, hoặc làm vua Diêm-phù-đề, Trưởng giả, Sát-lợi, tùy theo chỗ cần mà làm lợi ích.

Kinh: Thí như huyễn sư, hoặc đệ tử huyễn sư, khéo biết cách huyễn, huyễn làm ra ngũ dục, cùng nhau vui chơi trong đó, ý người nghĩ sao? Người ấy đối với ngũ dục, thật hưởng thụ chăng?

Xá-lợi-phất thưa: thưa không, bạch Thế Tôn.

Phật bảo Xá-lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát dùng lực phương tiện hóa làm ngũ dục, thọ vui trong đó, thành tựu chúng sanh, cũng lại như vậy. Bồ-tát ma-ha-tát ấy không nhiễm nơi dục, mà dùng đủ cách chê bai ngũ dục, dục là bùng cháy, dục là uế ác, dục là hủy hoại, dục như là kẻ oán. Thế nên Xá-lợi-phất, nên biết Bồ-tát vì chúng sanh mà hưởng thọ ngũ dục.

Luận: **Hỏi:** Trong ba hạng Bồ-tát, sao chỉ nêu riêng một hạng Bồ-tát ra để ví dụ?

Đáp: Hạng thứ nhất đồng như thông lệ con người, không dứt dâm dục. Hạng thứ hai thường dứt dâm dục, tu tịnh hạnh. Hạng thứ ba cũng tu tịnh hạnh mà hiện thọ dâm dục. Vì người không hiểu nên nêu làm ví dụ.

Hỏi: Có sao không lấy chuyện mộng, biến hóa... làm ví dụ?

Đáp: Cảnh mộng chẳng phải do năm căn biết được, chỉ nội tâm nhớ tưởng sanh ra, người do năm căn trông thấy biến mất vô thường, có thể hiểu được, cảnh biến hóa, tuy năm căn biết được, mà người trông thấy rất ít. Phật vì độ chúng sanh có thể độ và sự huyền là điều chúng sanh tin cho nên nêu làm thí dụ: như huyền sư dùng huyền thuật hiện ra việc hy hữu giữa mọi người, khiến họ hoan hỷ. Bồ-tát huyền sư cũng như vậy; dùng thuật năm thần thông hóa làm ra ngũ dục ở giữa chúng sanh, cùng nhau vui chơi mà hóa độ chúng sanh.

Chúng sanh có hai hạng: tại gia và xuất gia. Vì độ hạng xuất gia nên hiện thân Thanh văn, Bích-chi Phật và các thầy ngoại đạo xuất gia. Hạng tại gia hoặc có người thấy người xuất gia mà đố kỵ, hoặc thấy người tại gia đồng thọ ngũ dục mà được hóa độ.

Bồ-tát thường lấy các nhân duyên chê bai ngũ dục như: dục là bùng cháy. Khi nó chưa mất thì lửa ba độc cháy, khi nó mất thì lửa vô thường cháy. Hai lửa đều cháy, nên gọi là bùng cháy, chẳng lúc nào vui.

Dục là uế ác: chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán, các người lìa dục, đều cho là uế hèn. Ví như người thấy chó ăn phân, khinh hèn mà thương xót, nó không được đồ ăn ngon, mà ăn đồ bất tịnh. Người hưởng thọ ngũ dục cũng như vậy. Không được cái vui nội tâm lìa dục, mà cầu cái vui nơi sắc dục bất tịnh.

Dục là hủy hoại: vì đắm mê ngũ dục, vua trời, vua người, những người giàu sang mất nước nguy thân đều do nơi đó.

Dục như kẻ oán, làm mất thiện lợi của người, cũng như kẻ thứ khách, bề ngoài như thân thiện mà trong tâm thì ô mại. Ngũ dục như vậy làm tan mất thiện tâm,

cướp tuệ mạng người. Ngũ dục sanh ra, chính là phá hoại các thiện, hủy bại đức nghiệp.

Lại biết ngũ dục như lưới câu giết cá, như bẫy hại nai, như đèn đốt cháy con thiêu thân, cho nên nói dục như kẻ oán.

Cái khổ của kẻ oan gia, không quá một đời, vì mê đắm ngũ dục, đọa ba đường ác, chịu khổ độc vô lượng.

Kinh: Xá-lợi-phất bạch Phật: Bồ-tát ma-ha-tát làm sao hành Bát-nhã ba-la-mật?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật, không thấy Bồ-tát, không thấy danh tự Bồ-tát, không thấy Bát-nhã ba-la-mật, cũng không thấy ta hành Bát-nhã ba-la-mật, cũng không thấy ta không hành Bát-nhã ba-la-mật, vì có sao? Vì Bồ-tát, danh tự Bồ-tát tánh không, trong không, không sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không có không. Không tức là sắc, sắc tức là không; không tức là thọ, tưởng, hành, thức; thọ, tưởng, hành, thức tức là không, vì có sao? Xá-lợi-phất chỉ có danh tự gọi là Bồ-đề, chỉ có danh tự gọi là Bồ-tát, chỉ có danh tự gọi là không, vì có sao? Vì thật tánh các pháp, không sanh, không diệt, không nhớ, không sạch, Bồ-tát ma-ha-tát hành như vậy, cũng không thấy sanh, cũng không thấy diệt, cũng không thấy nhớ, cũng không thấy sạch, vì có sao? Vì danh tự là pháp do nhân duyên hòa hợp làm ra, chỉ phân biệt ức tướng giả danh nói.

Thế nên Bồ-tát ma-ha-tát, khi hành Bát-nhã ba-la-mật, không thấy tất cả danh tự, không thấy nên không đắm.

Luận: **Hỏi:** Việc ấy, trên kia Xá-lợi-phất đã hỏi, sao nay còn hỏi lại?

Đáp: Trước kia nhân Phật dạy “muốn đem nhất thiết chủng biết nhất thiết pháp, thời nên học Bát-nhã ba-la-mật” cho nên hỏi, chứ chẳng phải tự ý hỏi.

Lại nữa, Xá-lợi-phất nghe trên kia tán thán công đức Bát-nhã, tâm hoan hỷ tôn trọng Bát-nhã cho nên hỏi làm sao có thể tu hành, như người bệnh nghe tán thán thuốc hay, liền hỏi làm thế nào có thể uống.

Hỏi: Trước đã hỏi trú pháp không trú. Hành Đàn ba-la-mật, người cho, người nhận, tài vật đều không thể có được, như vậy là hành Bát-nhã, sao nay còn hỏi hành?

Đáp: Trên hỏi chung các Ba-la-mật, ở đây chỉ hỏi Bát-nhã, trên rộng tán thán Bát-nhã là chủ, ở đây hỏi thẳng sự tu hành Bát-nhã.

Lại nữa, trên tuy tán thán rộng Bát-nhã ba-la-mật, hội chúng đương thời khát ngưỡng muốn được. Cho nên Xá-lợi-phất vì chúng sanh nên hỏi cách hành Bát-nhã ba-la-mật.

Công đức Bát-nhã ba-la-mật vô lượng vô tận, trí tuệ Phật cũng vô lượng vô tận, nếu Xá-lợi-phất không hỏi thời Phật tán thán không ngừng, nếu Xá-lợi-phất không hỏi, thời không có lý do, nên không thể ngừng.

Hỏi: Công đức Bát-nhã tôn trọng, nếu Phật tán thán rộng rãi, có gì không được?

Đáp: Tán thán Bát-nhã, người nghe hoan hỷ tôn trọng tăng trưởng phước đức, nếu nghe nói Bát-nhã thời tăng trưởng trí tuệ. Không chỉ do phước đức có thể thành Phật đạo, còn phải có trí tuệ mới được thành. Thế nên không phải chỉ tán thán mà thôi, người nghe tán thán, tâm đã được thanh tịnh, khát ngưỡng muốn được Bát-nhã, như vì người khát mà tán thán đồ uống ngon, không giải được khát, bèn phải cho uống.

Do các nhân duyên như vậy, Xá-lợi-phất nay hỏi làm sao hành Bát-nhã.

Hỏi: Như người có mắt thấy, mới biết chỗ đi đến, vậy sau mới có thể đi, Bồ-tát cũng như vậy, trước niệm Phật đạo, biết Bát-nhã, thấy rồi vậy sau thân mới có thể làm, nay có sao nói không thấy Bồ-tát và Bát-nhã. Nếu không thấy thì sao hành được?

Đáp: Trong đây không nói thường không thấy, chỉ nói rõ khi vào Bát-nhã quán, không thấy Bồ-tát và Bát-nhã ba-la-mật. Bát-nhã ba-la-mật vì làm cho chúng sanh biết thật pháp nên xuất hiện và danh tự Bồ-tát chỉ là tên giả do các nhân duyên hòa hợp, như trong phẩm sau nói rộng. Danh tự Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, do các nhân duyên hòa hợp nên giả danh gọi là Bát-nhã ba-la-mật.

Bát-nhã ba-la-mật là giả danh, nhưng có thể phá các hý luận, vì nó không có tự tánh nên nói chẳng thể thấy, như lửa từ các duyên hòa hợp giả danh là lửa, tuy không có thật mà thể đốt vật.

Hỏi: Nếu vào trong Bát-nhã ba-la-mật không thấy, khi ra liền thấy, làm sao tin được?

Đáp: Trên kia nói Bát-nhã vì thật pháp mà xuất hiện, ấy là có thể tin, ra khỏi Bát-nhã ba-la-mật thì không thật, nên không thể tin.

Hỏi: Nếu vào trong Bát-nhã không thấy, ra khỏi thời thấy, nên biết như vậy chẳng phải thường không, chỉ vì do lực Bát-nhã cho nên không?

Đáp: Vì theo pháp thế tục nên nói hành giả vào Bát-nhã ba-la-mật, vì hý luận về các pháp quán dứt, nên không ra không vào. Nếu các hiền thánh không dùng danh tự để nói, thời không thể giáo hóa phàm phu. Nên nhận ý nghĩa, chứ chẳng nên chấp vào ngữ ngôn.

Hỏi: Nếu trong Bát-nhã quý “hết thầy pháp không”, có gì trong đây trước nói “chúng sanh không “ để phá ngã?

Đáp: Đối với người mới đầu nghe Bát-nhã không được nói hết thầy không. Ngã, không dùng năm căn tìm được, chỉ do ức tưởng phân biệt sanh ý tưởng ngã, không mà bảo có. Lại trong ý căn, không có duyên nhất định, chỉ do ức tưởng phân biệt điên đảo nên đối với năm uẩn trống không, sanh ra ý tưởng ngã, nếu nghe nói vô ngã, thời dễ hiểu được.

Các pháp sắc... chính mắt hiện thấy, nếu lúc đầu mà nói sắc không, không có, thời khó có thể tin. Nay trước tiên phá ngã, tiếp phá ngã sở; phá ngã, ngã sở rồi, thời hết thầy pháp đều không, như vậy lìa dục, gọi là đắc đạo.

Lại nữa, Bát-nhã ba-la-mật, không có pháp nhất định, nên không thấy ta hành Bát-nhã, không thấy ta không hành Bát-nhã. Như phàm phu không được Bát-nhã, nên gọi là không hành. Bồ-tát thời không như vậy, chỉ hành không Bát-nhã, cho nên không thấy không hành.

Lại nữa, Phật là vua pháp, xem thấy trí các Bồ-tát khác rất ít, xen lẫn các kiết sử, không gọi là hành, ví như quốc vương tuy được một vật ít, không gọi là được. Phật cũng như vậy, dạy các Bồ-tát tuy có hành chút ít không gọi là hành.

Lại nữa, người tu hành Bát-nhã ba-la-mật, thì sanh tâm kiêu mạn nói ta có Bát-nhã ba-la-mật, thủ lấy tướng ấy. Nếu không hành thì tâm sanh giải đãi mà ô nhiễm lòng ưu não. Thế nên không thấy ta hành cùng không hành.

Lại nữa, không thấy ta hành Bát-nhã ba-la-mật thời phá chấp trước hữu kiến, không thấy ta không hành Bát-nhã ba-la-mật, thời phá chấp trước vô kiến.

Lại nữa, không thấy ta hành Bát-nhã ba-la-mật thời ngưng hý luận các pháp, không thấy ta không hành thời ngưng tâm giải đãi; ví như cỡi ngựa, mau thời gò lại, chậm thời roi đánh. Như vậy phân biệt hành cùng không hành.

Lại nữa, Phật tự nói nhân duyên rằng, Bồ-tát danh tự, Bồ-tát tánh không, trong đây tuy chỉ nói danh tự Bồ-tát không, mà năm uẩn cũng không. Trong không không sắc, lìa sắc cũng không không; không là pháp không, trong pháp không,

không có một mảy may pháp, huống gì có sắc thô. Không cũng chẳng lìa sắc, vì có sao? Vì phá sắc nên có không, làm sao nói lìa sắc được! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy, vì có sao? Vì Phật lại tự nói nhân duyên rằng, chỉ có danh tự gọi là Bồ-đề, chỉ có danh tự gọi là Bồ-tát, chỉ có danh tự gọi là không.

Hỏi: Trước kia đã nói việc ấy, nay sao còn nói lại?

Đáp: Trước kia nói không thấy Bồ-tát, không thấy danh tự Bồ-tát, không thấy Bát-nhã ba-la-mật, nay nói không thấy nhân duyên ấy, nghĩa là nói chỉ có danh tự gọi là Bồ-đề, chỉ có danh tự gọi là Bồ-tát, chỉ có danh tự gọi là không. Nghĩa chữ Bồ-tát trên kia và Bồ-tát ở đây đồng. Danh tự Bồ-tát thời như trong chương Bồ-tát đã nói.

Bát-nhã ba-la-mật chia làm hai phần: thành tựu gọi là Bồ-đề, chưa thành tựu gọi là không. Thật tướng của sanh là không thể có được nên gọi là vô sanh, vì có sao? Vì hoặc trước “sanh” sau có “pháp”, hoặc trước “pháp” sau “sanh”, hoặc sanh và pháp cùng một lúc, đều không thể có được. Như trước đã nói: không sanh nên không diệt, nếu pháp không sanh không diệt như hư không, thì làm sao có như có sạch, ví như hư không, muôn năm mưa không ướt, lửa đốt không cháy, khói không dính, vì có sao? Vì vốn tự vô sanh. Bồ-tát quán được như vậy, không thấy lìa pháp chẳng sanh chẳng diệt ấy, lại có pháp sanh diệt, như sạch, vì có sao? Vì Phật tự nói nhân duyên rằng hết thấy pháp đều do ức tưởng phân biệt nhân duyên hòa hợp nên cưỡng nói danh tự. Bất khả thuyết là thật nghĩa, còn khả thuyết đều là danh tự.

Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, không thấy hết thấy danh tự, trước chỉ lược nói danh tự là, Bồ-tát, danh tự Bồ-tát, Bát-nhã ba-la-mật, danh tự Bồ-đề. Nay nói rộng hết thấy danh tự, đều không thể thấy, không thấy nên không đấm, không đấm vì không thể có được. Như trong các con mắt, con mắt trí tuệ đệ nhất. Bồ-tát dùng tuệ nhãn tìm khắp không thấy, cho đến không thấy một pháp vi tế, thế nên không đấm.

Hỏi: Nếu Bồ-tát không đấm hết thấy pháp, tại sao không được vào Niết-bàn?

Đáp: Việc ấy đã nói ở nhiều nơi, nay trong đây lược nói: vì tâm đại bi, vì mười phương Phật hộ niệm, vì bốn nguyện chưa tròn, vì lục Tinh tấn ba-la-mật, vì Bát-nhã ba-la-mật và phương tiện hai sự hòa hợp, được gọi là không đấm nơi không đấm.

Có các nhân duyên như vậy, nên nói Bồ-tát tuy không đấm pháp mà chưởng vào Niết-bàn.

(Hết Phẩm Dâng bát thứ 2)

--o0o --